

Vũ Đức Sao Biển

Quảng
Nam
hay cái



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Lời nói đầu

Kính thưa quý bạn đọc,

Quảng Nam là quê nhà thân yêu của tôi. Từ rất lâu, tôi đã yêu thương và tự hào về quê nhà ấy. Cho đến bây giờ, khi đã vào tuổi chiều đời, những tình cảm đó vẫn nguyên vẹn. Đất Quảng Nam nghèo, cuộc đời của bà con tôi vẫn còn vất vả nhưng trong tâm thức lãng mạn của tôi, đó vẫn là một quê nhà đẹp nhất mà một đời người có thể có được.

Tôi ra đi từ những tháng ngày xa xưa, khi cơn gió nam sắt se làm khô héo núi đồi, khi giọt mưa đông tê buốt rơi xuống từ mái tranh nghèo. Mẹ tôi không cho tôi được một đồng bạc nào. Mẹ chỉ dặn: “Con hãy học và hãy làm người ngay thẳng”. Tôi đã tự kiếm sống và đã làm theo lời dạy ấy. Hành trang vào đời của tôi phong phú với hai nội dung ấy. Từ bấy đến nay đã gần 50 năm.

Mẹ cha tôi đã mất, các anh tôi đã mất. Những con người thân yêu ấy đã đi ra khỏi đời tôi nhưng tình yêu gia đình, yêu quê hương thì vẫn mãi mãi thấm đẫm trong tâm hồn tôi. Tôi đi suốt một hành trình dài và đơn độc, rồi hiểu ra rằng tôi sẽ không là tôi nữa nếu tôi không được may mắn sinh ra trên đất Quảng Nam. Tôi lấy điều đó làm niềm hạnh phúc. Tôi muốn làm một cái gì đó đền đáp cho quê nhà, dù rất nhỏ. Tôi đã làm, đang làm và sẽ làm.

Tập sách này ra đời như một cách giới thiệu một phần đặc điểm, tính cách của con người Quảng Nam, tâm hồn Quảng Nam. Những điều tôi viết là thật, rất thật. Nấp sau cái vỏ văn chương mang một chút tố chất hài hước, nội dung tập sách tập trung nói về con người Quảng Nam chân thành, ngay thẳng, trung hậu, hồn nhiên. Có một cái gì đó rất dễ thương nơi con người Quảng Nam mà chúng ta cần tìm hiểu để biết thêm về họ. Hiểu và biết để tránh những dị ứng ban đầu, nếu có.

Tôi xin cảm ơn Nhà xuất bản Trẻ đã ấn hành tập sách. Đây là quyển sách thứ 36 của đời tôi; quyển sách mà tôi nghĩ là nhiều người nên đọc. Nhà xuất bản và tác giả luôn luôn hân hoan đón nhận những ý kiến đóng góp chân thành từ các bạn đọc.

Trân trọng.

Tân Thới Nhất, quận 12 tháng 8 năm 2010

VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Quảng Nam hay cãi

*Ngó lên Hòn Kẽm - Đá Dừng,
Thương cha nhớ mẹ quá chừng bạn ơi!*

CA DAO QUẢNG NAM

Tôi mở đầu chương viết này với một chuyện có thật, xảy ra tại bãi biển Tân Thuận (Hàm Thuận Nam, Bình Thuận). Năm 1999, Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Nam có nhã ý mời tôi về chơi và cho phép tôi tham quan ngọn hải đăng Kê Gà – một hải đăng có lịch sử trên một trăm năm. Chiếc Land Cruiser địa hình vượt qua những trảng cát, về hướng biển. Cùng đi với tôi có một anh nhà báo của báo *Bình Thuận*.

Khi ông chánh văn phòng Ủy ban huyện đưa chúng tôi ra đến bãi biển Tân Thuận, anh đội trưởng phụ trách hải đăng bới chiếc thùng chai vào đón. Buổi sáng mùa thu êm đềm, sóng biển khá dịu dàng. Tôi nhìn quanh bãi biển vắng, chỉ thấy một chiếc thuyền đánh cá lớn mang biển số QNa (Quảng Nam) đậu sát mé bờ. Trên thuyền, một ông già đầu bạc đang ngồi xem báo. Tôi biết đó là một thuyền đánh cá Quảng Nam, sau một chuyến đánh bắt, ghé vào Bình Thuận bán cá.

Ông chánh văn phòng hỏi anh đội trưởng: “Hôm nay, anh em hải đăng mình có món gì đãi khách không?”. Đội trưởng: “Thưa anh, không có gì hết”. “Ừa, sao lạ vậy? Tôi nhớ hồi trước anh em mình nuôi nhiều dê lắm mà”. “Thưa anh, đàn dê nuôi trên hải đăng bị chó cắn chết hết rồi. Để em hỏi xem thuyền đánh cá này, không chừng có cá ngon mình mua nấu cháo”.

Câu chuyện giữa hai người mới đến chỗ ấy thì bỗng dưng ông già đầu bạc ngồi trên thuyền phản ứng. Ông vấp tờ báo và đôi mắt kiếng vào khoang, nói chen vào bằng cái ngữ thanh đặc sệt Quảng Nam với một ngữ khí rất gay gắt: “Chó chi cắn dê? Mấy ông bắt dê ăn thịt hết thì nói trót cha là ăn thịt hết rồi chớ đừng đổ thừa do chó cắn”.

Câu nói và cách phản ứng đột ngột của ông già làm anh đội trưởng hơi què. Anh nói: “Bác ơi, chuyện riêng của tui tui mà. Bác có cá gì ngon, bán cho tui một con nấu cháo”.



Hai “trùm cãi”: NS Phan Huỳnh Điểu và NS Vũ Đức Sao Biển.
Ảnh: Phương Loan.

Ông già Quảng Nam vẫn gân guốc: “Mới đi biển về, cá ngon dư sức có. Nhiều thì không dám nói chớ vài ba chục ký thì có dư. Đồng ý ông nói chó cắn chết dê là chuyện của ông nhưng tui nghe không thuận lỗ tai. Tui đã từng nuôi dê bầy dê đàn và giao cho chó giữ dê. Không có con chó mô cắn dê hết. Ông nói chó cắn dê là ông vu oan giá họa cho con chó, nói trật! Chừ có cá đó nhưng tui không muốn bán cho ông!”

Anh đội trưởng thiếu điều muốn lạy ông già Quảng Nam; còn tôi thì khoái vì bỗng nhiên lại gặp đồng hương nói rất giọng “ngoài mình”, mà đồng hương lại có... khiếu

cãi cộ hung hãn như mình. Tôi bỏ giày, xắn quần lội ra mép nước, cũng nói bằng giọng Quảng Nam chánh cống: “Nề bác ơi, chớ bác ở huyện mô ngoài mình mà vô đây đánh cá?”. Ông già nhìn tôi, ngữ khí đã dịu xuống: “Tui ở Điện Dương, Điện Bàn ông à. Còn ông?”. “Tui ở Duy Vinh, Duy Xuyên”. “Rứa hả? Ông... ra đây làm chi?”. “Dạ thưa bác, tui lên tham quan ngọn hải đăng”. Ông già cười: “Té ra ông là khách đó hí? Nề, ông đội trưởng, thôi ông lại đây tui bán cá cho”. Đội trưởng xắn quần lội xuống mép nước. Ông già gân còn ráng “vớt” thêm một câu: “Bữa nay, đặc biệt tui mới bán cá cho ông. Ông mà còn nói chuyện chó cắn dê thì dù mua một trăm ký cá, tui cũng không bán”.

Khi anh đội trưởng mua được con cá chết tươi rói, ngồi lên thúng chai để ra hải đăng, ông già cười nói với tôi: “Đồng hương đi tham quan tham vua cho vui hí. Hồi mô về ngoài mình công tác, ghé nhà tui chơi. Đi đường ven biển, hỏi thăm nhà Sáu Kiểng là ai cũng biết”. “Dạ. Chúc bác khỏe hí”. Ông chánh văn phòng ủy ban lắc đầu, có vẻ không vui chút nào: “Đúng là ngày xui tháng rui, gặp ngay ông già Quảng Nam! Ai ở Quảng Nam cũng cãi cộ như vậy hết hả anh Sao Biển?”. Tôi cười: “Chắc vậy”.

Người Quảng Nam là như thế. Hình như chuyện cãi nhau đã thấm vào máu, vào thịt của họ rồi. Ông già kia neo thuyền là để đợi người mua cá. Đáng lẽ ông bán cá càng nhiều càng tốt, nghĩa là phải dụ cho người ta mua,

phải... thỏa hiệp với người mua. Hòa khí sinh tài – Không khí hòa thuận đẻ ra tiền bạc mà. Còn chuyện người ta nói chó cắn dê hay nghiêm trọng hơn, hư cấu ra chuyện chuột cắn mèo đi nữa thì cũng chẳng liên quan gì đến ông hết. Với một ngư dân miền khác nghe những câu chuyện đó, nhiều lắm là họ chỉ nhún vai cười ruồi rồi coi như không nghe, không biết chi hết. Nhưng đối với ông già Quảng Nam này thì mọi việc lại khác. Ngày xui tháng rủi, anh đội trưởng nói một câu “nghe không thuận lỗ tai” trước một ông già gân Quảng Nam thứ thiệt nên bị dính chấu.

Quảng Nam là miền đất có khí hậu khắc nghiệt. Mùa hè, gió nam từ Trường Sơn thổi xuống, mang theo cái nóng nung người làm vạn vật khô héo. Mùa đông, gió mùa đông bắc lạnh đến cắt da cắt thịt làm vạn vật tái tê. Đã thế, năm nào Quảng Nam cũng bị bão lụt tàn phá. Cho nên, người dân Quảng Nam luôn luôn phải đấu tranh với thiên nhiên để sinh tồn, từ đời này qua đời khác. Từ đấu tranh chống thiên nhiên dày dạn, họ trở thành những người giàu kinh nghiệm đấu tranh với các thế lực khác. Đấu tranh đã trở thành thuộc tính và quán tính của họ. Cái là một hình thức thể hiện thuộc tính và quán tính đấu tranh.

Tác phẩm *Tam Quốc chí* của La Quán Trung có chương kể chuyện Khổng Minh (Tây Thục) cãi nhau với quần nho nước Đông Ngô. Tác giả viết hẳn một chương “*Gia*

Cát Lượng thiết chiến quần nho”. Thiết chiến là... đánh nhau bằng cái lưới. Tôi có thể nói người Quảng Nam đánh... võ lưới rất giỏi. Họ đúng là những nhà thiết chiến, không phải từ bây giờ mà đã từ trên 500 năm qua, khi vua Lê Thánh Tông tuần du về phương Nam và lập ra dinh trấn Quảng Nam năm 1471.

Địa hình Quảng Nam có chiều dài, gồm hai thành phố và 16 huyện; trong đó có 9 huyện miền núi, 7 huyện đồng bằng. Đồng bằng Quảng Nam nhỏ hẹp, đất cát không màu mỡ, dễ bị nước biển xâm thực. Từ xưa, tỉnh Quảng Nam được xem là tỉnh nghèo, đời sống kinh tế của nhân dân luôn gặp khó khăn. Cơ bản, Quảng Nam năm nào cũng đói kém nên người Quảng Nam không thể giàu sang hơn ai. Không hơn các tỉnh bạn bằng kinh tế, người Quảng Nam chỉ còn biết vượt lên chính mình để phát triển trí tuệ. Người Quảng Nam chuyên cần, học giỏi, say mê sách vở, ham hiểu biết. Cãi - hiểu theo nghĩa phản biện, là một phản ứng nhạy bén của con người trí tuệ. Khi người Quảng Nam cãi, họ vận dụng hết lý lẽ, câu chữ, thái độ. Họ cãi một cách hăng hái với toàn bộ khả năng luận lý học chặt chẽ, mạch lạc. Họ phải cãi cho thắng “đối thủ” cơ!

Triết gia Pháp Descartes nói: *“Tôi tư duy là tôi hiện hữu”* (*Je pense donc je suis*). Hiểu theo nghĩa đó thì cãi là một cách tư duy, một biểu hiện sinh động nhất của tư duy. Tôi cũng có thể nói: *“Người Quảng Nam cãi là người*

Quảng Nam hiện hữu". Cãi là một cách thể hiện tính cách Quảng Nam của chính mình và tự chứng tỏ mình trước mọi người. Từ đó, ta có thể hiểu là nơi nào không có tiếng cãi cọ thì nơi đó... không có người Quảng Nam.

Đất Quảng Nam là đất của những lưu dân Thanh - Nghệ vào lập nghiệp từ thế kỷ thứ 15, sau khi vua Lê Thánh Tông lập ra dinh trấn Quảng Nam. Những người rời xa quê nhà ra đi, về phương Nam khẩn hoang là những người nghèo. Họ ra đi toàn là những suất đinh (đàn ông, con trai). Thời quân chủ, họ bị quan lại, địa chủ, cường hào, ác bá bóc lột. Năm 1858, thực dân Pháp đã chọn vũng Thùng (cửa biển Đà Nẵng) của tỉnh Quảng Nam làm nơi nổ súng đầu tiên, mở màn cho cuộc chiến tranh tàn thực (tằm ăn dâu) trên đất nước ta. Hơn một trăm năm sau, năm 1965, đế quốc Mỹ cũng chọn Đà Nẵng của tỉnh Quảng Nam làm nơi đổ những đơn vị lính thủy quân lục chiến đầu tiên, thực hiện cuộc chiến tranh xâm lược của chủ nghĩa thực dân mới.

Đó không phải là sự lặp lại tình cờ của lịch sử. Người Pháp cũng như người Mỹ đều tin rằng nếu họ làm sụp đổ được ý chí đối kháng mãnh liệt nhất ở Quảng Nam thì cuộc chiến tranh xâm lược của họ sẽ thành công dễ dàng ở những miền khác. Chính vì vậy, người Quảng Nam luôn luôn đi đầu trong chiến tranh giữ nước. Trận đánh Mỹ đầu tiên diễn ra trên qui mô vận động chiến tại Núi Thành, chỉ

cách căn cứ Chu Lai của Mỹ 2 cây số năm 1965 nói lên ý chí đối kháng mãnh liệt của quân dân Quảng Nam. Vận nước có khi thịnh, có khi suy. Người Quảng Nam đi đâu giữ nước, luôn chịu nhiều đau thương, áp bức, bóc lột của phong kiến, thực dân và đế quốc. Chính vì vậy, họ khao khát sự công bằng, yêu chân lý; luôn luôn đòi hỏi công bằng, chân lý. Cãi là một hình thái đòi hỏi công bằng, hướng tới chân lý.

Sau cùng, người Quảng Nam là người cứng rắn, chịu chơi. Họ cứng rắn đến độ ngoan cố và chịu chơi đến mức có thể chung hết cuộc đời mình. Phong trào kháng thuế Trung Kỳ xuất phát từ các nhân sĩ, trí thức Quảng Nam đối kháng với chế độ thực dân Pháp chứng tỏ sự cứng rắn, chịu chơi đó. Trong lao tù của chế độ thực dân cũ và thực dân mới, người cán bộ chiến sĩ cách mạng Quảng Nam vẫn giữ được sự cứng rắn, chịu chơi. Chúng ta hiểu tại sao Quảng Nam có nhiều liệt sĩ, nhiều gia đình cách mạng, nhiều Bà mẹ anh hùng nhất nước. Đối kháng với kẻ thù cũng là một cách cãi. Bởi người Quảng Nam luôn tự tin ở chính mình. Họ tin rằng họ phải thắng, dù là... thiệt chiến.

Tiểu thuyết võ hiệp của Kim Dung thường phân biệt nội công và chiêu thức. Nội công là cái gì tu luyện được, trở thành nội lực nằm trong con người, giữ vai trò căn cơ. Nó chính là yếu tố nội hàm. Chiêu thức là cái được thể hiện ra bên ngoài bằng đòn thế, cách ứng xử, cách hóa giải.

Nó chính là yếu tố ngoại quan. Chiêu thức kết hợp với nội công, ngoại quan kết hợp với nội hàm làm ra võ công.

Cái của người Quảng Nam cũng là một võ công bởi nó cũng có nội hàm và ngoại quan hẳn hoi. Về cơ bản, người Quảng Nam nào cũng đặc thủ được công phu cái; chỉ khác nhau ở chỗ thâm hậu hay hời hợt, nhiều hay ít, cái lớn hay... cái nhỏ nhỏ. Công phu cái trở thành quán tính của người Quảng Nam đến nỗi ra trước một đám đông, nghe một ai đó nói một chuyện sai sự thật mà không có ai lên tiếng cãi lại thì ta có thể kết luận trong đám đông ấy không có người Quảng Nam nào.

Trên Quốc lộ 1A, đoạn qua huyện Điện Bàn, có quán bún xương BL khá danh tiếng. Một ông cụ vào gọi tô bún xáo. Cô phục vụ bưng ra. Ông cụ bảo: “Mi đem vô đổi tô khác. Tô ni nước không sôi”. Cô gái vâng lời, đem vào đổi tô khác bưng ra. Ông cụ vẫn điềm nhiên: “Tô ni nước không sôi. Đổi tô khác cho tau”. Đến nước này thì cô gái không chịu được nữa, nói: “Răng ông nói nước không sôi? Nước sôi ào ào người ta mới đổ vào bưng ra đây”. Ông cụ vẫn điềm nhiên: “Mi nói nước sôi ào ào hả? Nước sôi răng mi... đứt được hai ngón tay cái khi bưng bún ra cho tau?”.

Tôi may mắn chứng kiến được cảnh cãi lộn đó, phì cười. Đúng là người Quảng Nam! Rõ ràng, ông cụ này cãi theo phong cách luận lý học hình thức (logique formelle)

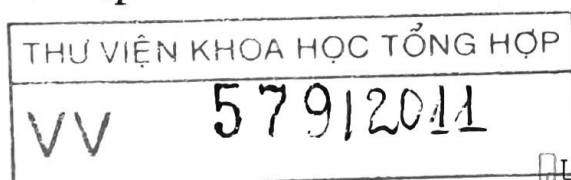
của triết học cổ điển Hy Lạp một cách chặt chẽ dù có thể ông không biết Hy Lạp là nước nào và trường phái luận lý học hình thức ra làm sao. Đôi mắt quan sát thuần túy kinh nghiệm của ông cụ khá tinh tế, nhìn một cái đĩa biết cô gái đút hai ngón tay vào tô bún. Chưa chắc là cô gái đã thật sự đút hai ngón tay vào nước nóng nhưng cái cách bung tô bún của cô làm ông cụ bực mình, không muốn ăn tô bún bung theo kiểu nớ! Tôi nhắc cô gái: “Cháu nên để tô bún trên cái đĩa rồi bung ra cho ông”. Quả nhiên, đến tô thứ ba thì ông cụ mới chịu ăn mặc dù nước có thể rất nguội.

Người Quảng Nam hay cãi thường giả bộ như nghe lời của người khác nhưng... vẫn làm theo ý của mình và nói theo ý của mình. Cái gì đã được người khác quyết định nhưng họ không đồng ý thì họ vẫn nói ra. Mới đây, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm vụ phá rừng Khe Diên, trong đó có bị cáo TĐM – nguyên hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện Quế Sơn. Ông M khai chính cấp trên của ông đã chỉ đạo ông làm như thế nhưng ông bất mãn vì các vị cấp trên đó không bị ra tòa. Trước đó, họ chỉ bị xử lý hành chánh nội bộ. Tòa tuyên phạt ông 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Án đã tuyên nhưng ông M vẫn cãi lại: “Thưa quý tòa, đây là một vụ án mà qua ăn dưa bắt cò phơi nắng”. Tòa chỉ còn biết cười.

Tích cực hơn, người Quảng Nam hay cãi thẳng thừng không tuân lệnh cấp trên mặc dù họ biết hành động đó

khiến họ có thể mất chức, mất việc. Ai đã chứng kiến được cuộc họp khẩn cấp tại Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam trong đêm lụt tháng 12 năm 1999 mới khâm phục tính cứng rắn, quả cảm và chịu chơi của ông Lê Trí Tập, chủ tịch ủy ban. Ông Tập từng là kỹ sư thủy lợi, từng có công chỉ huy xây dựng nên hồ Phú Ninh. Hồ Phú Ninh là công trình đại thủy nông, nằm giữa thành phố Tam Kỳ và huyện Phú Ninh. Trong cơn lụt dữ dội năm 1999, nước nguồn Chiên Đàn về và mưa không ngớt nên nước tràn lai láng các mặt đập. Ông Tập ra lệnh cho 5000 thanh niên xung kích, bộ đội, công an lấy bao cát be bờ mặt đập, đồng thời cho xả lũ theo đúng quy trình, quyết tâm giữ hồ Phú Ninh. Ngược lại, các cán bộ trung ương thì chỉ muốn ông Tập ra lệnh cho phá mặt đập, tháo nước ra để bảo vệ công trình.

Đang lúc chiến đấu căng thẳng nhất thì các cán bộ trung ương đề nghị ông Tập ra lệnh phá một mặt đập cho nước thoát tự do. Họ lý luận chỉ có thực hiện biện pháp khẩn cấp này thì hồ Phú Ninh mới khỏi vỡ. Ông Tập nói: “Ra lệnh nổ mìn để phá một mặt đập thì hàng mấy trăm nghìn mét khối nước sẽ tràn ngập thị xã Tam Kỳ; căn nhà mà chúng ta đang ngồi đây có thể lộn đi ba vòng. Chúng ta cùng nhân dân Tam Kỳ, Núi Thành, Thăng Bình sẽ chết. Phá một mặt đập cũng chết, không phá thì mặt đập vỡ cũng có thể chết. Vậy tôi cương quyết không ra lệnh phá mặt đập”.



Cán bộ trung ương đề nghị ông Tập ra lệnh cho di dời dân rồi hây phá mặt đập. Ông Tập cương quyết: “Bây chừ đã là chín mười giờ đêm. Chúng tôi lấy đâu ra phương tiện thuyền bè để di dời mấy vạn nhân dân? Mà ban đêm tối thui như ri, liệu họ có chịu ra khỏi nhà cho chúng tôi di dời? Nước lên bốn bề, làm răng lo chỗ ăn chỗ ngủ cho bà con? Di dời cũng chết, không di dời cũng chết vậy tôi cương quyết không di dời”. Cuộc họp thật sự nổi sóng gió. Ông Lê Trí Tập vẫn bảo lưu quan điểm của mình. Ông biết khi quyết định như thế là ông đã chung hết sinh mạng chính trị của mình vào trong quyết định.

Ông Lê Trí Tập đã nhận định đúng. Ông tin vào công trình mình đã chỉ huy xây dựng có thể đứng vững được trước cơn lũ dữ này. Về khuya, trời ngớt mưa; sáu mặt đập vẫn xả lũ theo đúng quy trình. Nước hạ xuống và hồ Phú Ninh vẫn hiên ngang tồn tại. Công sức và trí tuệ con người đã chiến thắng thiên nhiên hung bạo. Sinh mạng mấy trăm ngàn dân Tam Kỳ, Núi Thành, Thăng Bình vẫn được bảo vệ.

Mười năm sau, tôi lên lại Phú Ninh. Tất cả các mặt đập đã được gia cố hoàn chỉnh; Phú Ninh xứng đáng là đại công trình thủy nông lớn nhất miền Trung. Nhớ lại cuộc họp căng thẳng của mười năm trước, tôi nghĩ chính tình yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội của người Quảng Nam mãi mãi rục rờ với đại công trình này:

*Chiều nay, tôi lên núi Sa Rô.
Ghé về Bồng Miêu, thả hồn trên sóng ven hồ.
Cầm trên tay phiến đá quê hương.
Cứ hỏi vì sao, vì sao trong đá có vàng?
Quảng Nam đẹp như thế.
Lòng dân như vàng tinh chế.
Sống cho ngày mai, làm nên những kỳ tích này.
Bằng cả lòng yêu nước.
Rực rỡ nghĩa tình sau trước.
Phú Ninh ngàn năm làm nên đáng đại công trình.*

SUY TƯỞNG BÊN HỒ - VŨ ĐỨC SAO BIỂN

Ở bề ngoài, ông Lê Trí Tập là con người bình dị, hiền hòa, rất dễ thân cận nhưng ở bên trong, tinh thần và ý chí ông rất cứng rắn. Việc ông không tuân lệnh cho phá mặt đập tuy là hành động cãi lại cấp trên nhất thời nhưng thực sự nó bắt nguồn từ niềm tin nội tâm của một người từng chỉ huy và từng góp công sức xây nên hồ Phú Ninh. Ông tin cả chục vạn nhân dân Quảng Nam - Đà Nẵng (cũ) xây dựng 9 năm (1977-1986) nên hồ Phú Ninh là xây một công trình chắc chắn, xứng đáng để lại cho đời sau. Ông tin hồ Phú Ninh vẫn đứng vững trước lũ dữ. Và niềm tin của ông là có cơ sở.

Người Quảng Nam hay cãi thường thích đấu tranh bằng lý lẽ mặc dù những nội dung đấu tranh ấy không liên quan gì đến họ. Họ muốn chân lý và sự công bằng

được tôn trọng. Tôi nhớ đâu khoảng 1964 hay 1965 gì đó, viên quận trưởng quận Duy Xuyên đã có hành vi cưỡng bức một thiếu nữ 16 tuổi. Vụ việc bị nhân dân biết được. Thế là nhân dân các xã tự động kéo đến quận đường Duy Xuyên đấu tranh. Đầu tiên họ cãi nhau với lính gác để vào được bên trong. Sau đó họ cãi nhau với viên quận trưởng. Và họ đã thi hành công lý một cách tự phát: Cạo đầu viên quận trưởng để trừng phạt. Còn việc viên quận trưởng ấy còn làm quận trưởng hay không là quyết định của tỉnh trưởng Quảng Nam; họ không cần nghĩ tới. Họ chỉ “cãi” theo kiểu dân dã của họ.

Người ta cũng nhớ rằng, khi phong trào Duy Tân mới nổi lên ở Quảng Nam thì cụ phó bảng Phan Châu Trinh là người đầu tiên vút chiếc áo dài nhà nho để may đồ veston mặc như người Pháp. Cụ cũng là người đầu tiên cắt tóc ngắn, đoạn tuyệt cái búi tóc của hai ngàn năm quân chủ phong kiến. Trong những bài diễn thuyết và trong những cuộc nói chuyện bình thường, cụ chỉ trích gay gắt lễ thói ăn mặc, cách học hành thi cử mà cụ gọi là “hủ nho thiển cận”.

*Vạn dân nô lệ cường quyền hạ,
Bát cổ văn chương túy mộng trung.*

(Muôn dân nô lệ cúi đầu,
Văn chương tám vế say câu mơ màng).

Tích cực hơn, cụ thủ sẵn trong túi một... cái kéo. Đi thăm mấy ông bạn nhà nho cùng thời, cụ Phan đột ngột lấy cái kéo ra và đè bạn xuống cắt phăng cái búi tóc kia đi. Phong trào Duy Tân đã bắt đầu “cách mạng” từ hình thức ăn mặc, để tóc để râu bên ngoài tiến sâu vào làm mới tinh thần tự tôn dân tộc trong từng nhà nho, từng con người. Cụ Phan Châu Trinh là một người “hay cãi” trong lời nói và trong cả hành động. Cụ cãi là để hướng tới chân lý, hướng tới sự công bằng.

Lịch sử từng ghi nhận Phan Chu Trinh cãi lại vua triều Nguyễn. Năm 1922, vua Khải Định sang Pháp dự cuộc đấu xảo tại Marseille. Phan Chu Trinh đã viết *Thư thất điều* (*Thư gồm bảy điều*) lên án nhà vua. Trong bảy điều đó, Phan Chu Trinh viết rằng vua phạm hai tội nặng nhất là làm nhục quốc thể và phung phí tiền bạc của nhân dân. Phan Chu Trinh chịu chơi, chung hết sinh mạng của ông vào cuộc cãi vã lịch sử này. Và lịch sử chứng minh rằng ông đã đúng.

Người Quảng Nam hay cãi nên họ muốn đông đảo mọi người nghe được họ cãi. Cách nào để cãi mà được nhiều người nghe? Họ đã chọn con đường thi ca và báo chí. Chính vì thế mà các nhà nho yêu nước, nhà cách mạng Quảng Nam đồng thời cũng là những nhà thơ. Tên tuổi và tác phẩm của họ được ghi lại trong văn học sử. Ta có thể kể ra Hoàng Diệu, Ông Ích Khiêm, Nguyễn Duy

Hiệu, Châu Thơ Đông, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Phan Thúc Duyện, Phan Thành Tài, Phan Khôi, Mai Di...

Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng, chủ nhiệm kiêm chủ bút báo *Tiếng Dân*, là một nhà báo lỗi lạc. Giải thích lý do tờ báo đầu tiên ở Trung Kỳ ra đời, Huỳnh Thúc Kháng viết: *“Đó là sự vui mừng, sự buồn tủi và sự chờ đợi ấp ủ trong lòng hàng triệu đồng bào. Dân là đầu mối của nước... Tờ báo này thật xứng đáng để mang tên là Tiếng Dân vì trong thực tế, phải nhờ đến báo chí thì tiếng của dân mới bộc lộ ra được”*. Huỳnh Thúc Kháng cũng răn một cách lạ lùng, đến nỗi thực dân Pháp kết án cụ là *“Thông đồng với người bội quốc (chỉ cụ Phan Bội Châu - NV), xướng thuyết dân quyền cùng các cuộc khai trương lập học, bị kết án xử tử phát Côn Lôn”*.

Phan Khôi, sinh năm 1887 tại Điện Bàn (Quảng Nam), mất năm 1959 tại Hà Nội, là một nhà báo lỗi lạc. Ông là con của cụ Phan Trân, tri phủ Diên Khánh (Khánh Hòa), cháu gọi cụ Hoàng Diệu là ông ngoại. Có thể coi Phan Khôi như là người tiên phong “cãi” lại phong trào thơ cổ điển bằng cách đề xướng một lối thơ mới với bài thơ *Tình già*, viết năm 1932.

*Hai mươi bốn năm xưa,
Một đêm vừa gió lại vừa mưa.*

Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà cỏ;
Hai mái đầu xanh cùng nhau than thở.
- Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng
Mà lấy nhau hẳn là khôngặng.
Để đến nỗi tình trước phụ sau
Chi cho bằng sớm liêu mà buông nhau.
- Hay, nói mới bạc làm sao chớ?
Buông nhau làm sao cho nở!
Thương nhau được chùng nào hay chùng nấy,
Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy.
Ta là nhân ngãi,
Đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung.
Hai mươi bốn năm sau,
Tình cờ đất khách gặp nhau,
Đôi mái đầu đều bạc.
Nếu chẳng quen lưng đố có nhìn ra được.
Ôn chuyện cũ mà thôi
Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt còn có đuôi.

Bạn thấy gì trong *Tình già* của Phan Khôi? Về hình thức, đây là một thứ thơ tự do, câu dài câu ngắn không đều nhau, phá vỡ chủ nghĩa công thức của thi ca cổ điển. Về nội dung, đây là một bài thơ lãng mạn, nói rõ ra chuyện nam nữ thương yêu nhau một cách tự do, điều không thể tìm thấy trong thi ca cổ điển. Cả hình thức và nội dung của *Tình già* đã thực sự... cãi lại thi ca cổ điển. Rõ ràng,

nhà thơ - nhà báo Phan Khôi đã san ủi con đường đầu tiên cho thơ mới, để từ đó thơ mới lãng mạn lên ngôi.

Thế nhưng, điều thú vị nhất là đôi tình nhân này có một đoạn cãi nhau dù họ đang ở bên nhau. Thời gian gặp gỡ có lẽ rất ít, chỉ có một đêm mưa gió, đáng lẽ phải dành hết cho chuyện nâng niu, âu yếm nhau. Thế nhưng, hai người vẫn... tranh thủ cãi lộn:

... Chi cho bằng sớm liệu mà buông nhau.

- Hay, nói mới bạc làm sao chớ?

Buông nhau làm sao cho nỡ!

Thương nhau được chừng nào hay chừng nấy.

Chẳng qua ông trời bắt đôi ta phải vậy.

Ta là nhân ngãi

Đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy chung.

Rõ ràng, đôi tình nhân này là... người Quảng Nam. Họ cãi nhau bằng ngôn ngữ Quảng Nam rất ròn. Nói chung, theo một trong hai người, gặp nhau thì cứ yêu đại đi, đừng nghĩ tới chuyện thủy chung vợ chồng chi cho mệt. *Buông nhau rằng cho được, hở trời? Nói rằng nghe mệt quá!*

Năm 1911, Phan Khôi viết bài thơ *Dân quạ đình công*, ca ngợi cuộc biểu tình kháng sưu thành công của nông dân (quạ - dân đen) Quảng Nam xuân Mậu Thân 1908. Ông nhận định về chế độ thực dân phong kiến ở Trung Kỳ:

*Mềm thì ai cũng cần
Rắn thì ai cũng nả
Hằng hà sa số cu li quạ,
Bay về hạ giới kêu khá khá!*

Về cuối đời, Phan Khôi tham gia nhóm *Nhân văn giai phẩm*. Ông bị đưa đi an trí. Khi người ta đọc quyết định, Phan Khôi ứng khẩu bốn câu thơ lục bát, cãi thêm một lần nữa đúng phong cách Quảng Nam. Thơ rằng:

*Làm sao cũng chẳng làm sao,
Dẫu có thể nào cũng chẳng làm chi.
Làm chi cũng chẳng làm chi,
Dẫu có làm gì cũng chẳng làm sao.*

Người Quảng Nam cãi chỗ nào cũng được, kể cả trong chương trình... trực tiếp truyền hình. Năm 2003, các nhạc sĩ Quảng Nam được mời về Tam Kỳ xem chương trình trực tiếp truyền hình giới thiệu các ca khúc của họ. Tôi ngồi giữa nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu và nhạc sĩ Thuận Yến. Kịch bản chương trình có đoạn ghi nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu phát biểu ý kiến. Ông đứng tại chỗ, nói: “Tôi xin cảm ơn các cấp chính quyền đã có nhã ý chia cho tôi miếng đất ở Điện Bàn. Miếng đất ấy có một cây dừa; tôi định về trồng thêm một cây trụ, giăng chiếc võng để nằm sáng tác ca khúc...”

Ông nói đến đó, người dẫn chương trình đã vội cắt ngang: “Thưa bác, xin bác nói qua chuyện âm nhạc”. Nhạc

sĩ Phan Huỳnh Điểu phản ứng rất nhanh: “Thì cô để cho tôi nói cái đã chứ. Tôi chưa nói hết ý mà”. Việc thể hiện phong cách Quảng Nam công khai của ông được khán giả có mặt trong khán phòng vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt. Khi ông phát biểu xong ngồi xuống, tôi nói vào tai ông: “Anh nói nghe... sướng lỗ tai lắm”. Ông cười: “Cứ rửa mình sống, Sao Biển à”.

Ngày 22-2-2010, tôi mời nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu về quê nhà ở Duy Xuyên tham dự chương trình biểu diễn ca nhạc gây quỹ ủng hộ người nghèo. Vị nhạc sĩ 86 tuổi hăng hái như một thanh niên, cầm micro bước lên sân khấu trong tiếng vỗ tay của khán giả. Một viên chức địa phương đưa tay định giúp ông, ông “làm” ngay: “Ô hay, tôi đi được mà”. Trên sân khấu, một viên chức kéo ghế mời ông ngồi. Ông từ chối: “Tôi đứng để nói chuyện với bà con được, mắc chi phải ngồi?”. Người dẫn chương trình hỏi câu đầu tiên: “Thưa nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu, ông khỏe ạ?”. Ông “làm” ngay: “Có khỏe mới về đây chơi được chứ”. Rồi ông cầm micro cùng hát với các em ca sĩ Hội An ca khúc *Cuộc đời vẫn đẹp sao* của ông.

Ngay trước và trong ngày đám cưới, vốn cần nói những lời chúc tụng tốt đẹp, thì người Quảng Nam vẫn cãi. Họ cãi bởi vì họ thấy một cái gì đó trái đạo lý, không hợp với lẽ thường tình trên đời xảy ra. Tôi đã chứng kiến chuyện tranh cãi xảy ra trước lễ cưới một ngày như vậy. Ông sui

trai: “Thưa anh chị, trong nghi lễ ngày mai, mong anh chị bỏ qua cho phần hai cháu lạy bàn thờ gia tiên”. Bà sui gái: “Răng rứa anh?”. Ông sui trai: “Vừa rồi coi ngày, ông thầy nói hai đứa nó không hợp tuổi nhau, nên giảm bớt chuyện lạy bàn thờ. Bên phía tôi, tôi cũng định giảm cho hai đứa”. Bà sui gái: “Chuyện như rứa răng anh không cho chúng tôi biết sớm? Mà thầy bà mô phán tâm bậy rứa? Nếu con gái tôi không lạy bàn thờ bên anh, con trai anh không lạy bàn thờ bên tôi thì làm răng tổ tiên hai bên biết tui nớ là con cháu của mình? Tôi không ưng bụng. Nếu không lạy bàn thờ thì thôi miễn đám cưới đi”.

Cuối cùng, ông sui trai thua. Ông hiểu ra: Con gái người ta mà người ta không sợ lờ dờ tình duyên thì con trai mình sợ là sợ cái chi? Chú rể, cô dâu vẫn lạy bàn thờ đầy đủ. Họ sống hạnh phúc, có hai con, trên mười năm tình cảm vẫn bền như dây... dứa nhúng nước!

Nếu hiểu cãi như một cách phản biện để tìm ra chân lý, phân biệt đúng sai thì cái cãi của người Quảng Nam thật sự rất hay. Người Quảng Nam biết cãi là ở một chừng mực nào đó, đã thể hiện dũng khí của mình. Ít nhất, trước một sự kiện, tình huống nào đó của cuộc đời, người biết cãi cũng thể hiện một thái độ sống tích cực. Khi người ta lên tiếng cãi trước một người, một việc sai trái là người ta không vô cảm, không hờ hững với đời. Nếu ta đi trên đường đời mà việc gì cũng tai ngơ mắt lấp; không nghe,

không thấy, không biết và không dám có ý kiến phản đối thì sống làm gì?

Cho nên, người Quảng Nam đến... chết vẫn còn cãi. May mắn là những lời cãi của họ hóa thành thơ, được lưu lại cho con cháu đời sau học tập. Bài *Lời nói sau cùng trên án chém* là một bài tứ tuyệt, được xem là lời cãi sau cùng của chí sĩ Trần Cao Vân:

*Trời chung không đội với thù Tây,
Quyết trả ơn vua, nợ nước này.
Một mối ba giềng xin giữ chặt,
Thân dù thác xuống rặng đài mây.*

Cũng bởi cương liệt như thế nên người Quảng Nam lại ghét... thói nịnh. Những kẻ xu phụ quyền thế, theo đóm ăn tàn thực dân trở thành đối tượng bị phê phán, chê bai. Cụ Trần Quý Cáp có bài *Đánh đố quan lại tham nhũng*, trong đó có những câu có thể làm cho bất kỳ một quan lại nào của triều Nguyễn nổi giận. Giặc Pháp đem ông ra xử yên trảm (chém ngang lưng) tại Nha Trang có lẽ cũng vì rất căm giận ông.

*Dân ta cực đà như chó,
Sao quan còn võng đờ, ngáng ngà?
Thời thế này tài trí bỏ riêng ra,
Quyền thế thậm, kim ngân đã mới khá.
Dám hỏi mấy người công khanh hầu bá,*

*Ăn cơm vua, cầm quyền nước, ngồi mà lo những
chuyện chi chi?*

... Lại có chữ “Vị thân gia chi cô”,

Mút lông mèo một lữ u mê,

Mất rồi ngồi đợi trở về!

Nhân đây, xin bà con Quảng Nam cho tôi... cãi một chuyện. Trăm năm nay, theo cách khen ngợi của triều Nguyễn, đất Quảng Nam được gọi là đất Ngũ phụng tề phi (năm con phụng cùng bay), ca ngợi năm vị đi thi từng đỗ đại khoa, trong đó có bốn vị ra làm quan cho triều Nguyễn. Ở một chừng mực nào đó, làm quan thì phải tuân lệnh nhà vua, tuân lệnh cấp trên. Nói theo cách nói của Cao Bá Quát, họ phải “*Nghiêng mình đứng chực cửa hầu môn*” và thỉnh thoảng “*Mỗi gói quỳ mồn sân tướng phủ*”. Theo tôi, chúng ta nên tự hào rằng đất Quảng Nam là đất Ngũ phụng bất tề phi. Đó là ba vị tiến sĩ Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Duy Hiệu và hai vị phó bảng Phan Châu Trinh và Nguyễn Đình Hiến.

Ngũ phụng bất tề phi đỗ đại khoa nhưng can đảm từ quan hoặc không hợp tác với giặc Pháp, sẵn thân làm cách mạng, đấu tranh cho những phong trào dân sinh, dân chủ, dân quyền; bị Pháp tù đày, lãng nhục hoặc bị giết. Công lao họ đối với dân tộc hiển hách hơn nhiều sĩ phu khác, đặc biệt là hơn cả Ngũ phụng tề phi. Ca ngợi Ngũ phụng tề phi là chỉ ca ngợi cái học giỏi. Nhưng Ngũ phụng bất tề

phi chẳng những học giỏi mà còn yêu nước thương nòi. Họ chống Pháp, cãi lại triều Nguyễn, làm sáng tỏ phong cách Quảng Nam hay cãi thật tuyệt. Tôi yêu Ngũ phụng bất kể phi hơn Ngũ phụng tế phi. Tôi xin hết cãi.

Cãi là một cách chứng minh quyền bình đẳng. Người ta có thể không bình đẳng nhau trong miếng ăn, tấm mặc, chỗ ở, địa vị xã hội... thì ít nhất phải được bình đẳng nhau trong cái cãi. Anh ăn miếng ngon, mặc áo veste, ở nhà lầu, đi xe đời mới mà nói bậy là tôi được quyền cãi chứ. Ô hay, trời sinh ra ta có hai lỗ tai để nghe, một cái miệng để cãi tức là chúng ta phải được bình đẳng trong chuyện nói qua nói lại. Chỉ khi nào anh có được hai cái miệng và một lỗ tai thì tôi mới nhường nhịn, chịu thua anh. Nhưng anh không có được như vậy nên tôi phải cãi.

Ở chừng mực nào đó, người hay cãi giúp đối tượng có cơ hội tự nhìn lại mình. Tôi có một ông bạn có con thi đại học 14 năm trước đây. Môn toán của cháu không biết làm sao chỉ đạt điểm 2. Anh mang hồ sơ khiếu nại đến cho tôi coi và thuyết pháp tôi đến... vài tiếng đồng hồ rồi mới đi cãi. Tôi nghĩ bụng chắc anh chẳng làm ra cơm cháo gì. Ấy vậy mà anh cãi giỏi quá, cãi hay quá đến nỗi người ta phải phúc khảo lại điểm toán cho thằng bé. Điểm phúc khảo đạt tới 8 điểm. Chẳng những thằng bé đậu mà đậu rất hoành tráng! Tiếc là anh bạn làm kinh tế, không viết lại quyển *Nghệ thuật cãi điểm thi* cho... đời sau học tập. Nếu

anh không đi cāi, chắc các vị giám khảo kỳ thi tuyển sinh đại học ấy im luôn. Tôi nghĩ các vị giám khảo phải cảm ơn anh bạn tôi.

Cāi cũng có cái... chưa hay (tôi không dám dùng từ khác à nhe). Tuy chẳng ai ghi lại thành nhật ký, lưu trữ dữ liệu trong máy tính nhưng người Quảng Nam nhớ rất dai, đặc biệt là những chuyện làm họ bực mình. Thế là họ đợi có dịp gặp nhau để... cāi. Dịp tốt nhất để cāi là đám giỗ. Trời ơi, những chuyện thời cổ lũy cổ lai nào đó được dịp tuôn ra khiến chủ nhà mời đám giỗ lo cuống quýt, sợ khách... ra quyền cước.

Viễn tổ của tộc Vũ Văn chúng tôi vốn người Thanh Hóa, vào Quảng Nam khai khẩn vùng đất hạ du sông Thu, lập làng từ trên 5 thế kỷ trước. Làng ấy bây giờ là xã Duy Vinh, huyện Duy Xuyên. Theo các bậc trưởng thượng kể lại, năm Thành Thái thứ 13 (1902), tộc Vũ Văn tranh nhau đứng tiền hiền với một tộc khác. "*Tiền hiền khai khẩn, hậu hiền khai cơ*" – bậc tiền hiền đi đầu khẩn hoang, sau đó bậc hậu hiền mới mở mang cơ nghiệp. Dù chỉ là một tên gọi nhưng tộc họ chúng tôi rất hăng hái. Ban đầu họ cāi nhau bằng miệng, sau đó dùng tới gậy gộc, giáo mác. Phụ nữ lo tiếp cơm nước, đàn ông lo đánh nhau chỉ để giữ tấm bia tiền hiền đầu làng. May mắn, sau đó có sắc phong của vua Thành Thái về, công nhận Vũ Văn tộc đứng vai tiền hiền. Mọi chuyện tạm yên nhưng các cụ hai bên vẫn

ấm ức, dặn con cháu trai gái hai tộc không được lấy nhau. Ôn trời, có cái gọi là tình yêu, đám trẻ cứ yêu nhau và cưới nhau hà râm. Con cháu đã biết... cãi lại các cụ. Chuyện xảy ra năm 1902 mà tới năm 1959, trưởng tộc còn dặn dò con cháu đừng cưới nhau. Rứa mới kinh!

Cãi lắm nhiều khi đâm ra gàn bướng, tốn thì giờ nhưng chẳng đi tới đâu. Chuyện vui kể rằng ba anh nông dân mới sáng ra đồng cuốc đất, thấy chiếc xe lù lù chạy qua. Anh thứ nhất: *“Ý chu, cái xe thiết giáp”*. Anh thứ hai: *“Xe nổ mà xe thiết giáp. Người ta kêu là xe tăng”*. Anh thứ ba: *“Ông nói xe tăng cũng sai mà ông biểu cái xe thiết giáp cũng trật. Nó là xe... bọc thép”*. Ba anh không ai nhường ai, đứng ngoài nắng cãi chày cãi cối tới trưa, bắt phân thắng bại. Sau đó, họ mới hậm hực về nhà.

Cãi nhau thường gây ra không khí ồn ào ngay cả những nơi cần sự an tĩnh nhất. Có chuyện vui như vậy: Tôi đưa một đoàn nghệ thuật dân ca ở Quảng Nam vào thành phố Hồ Chí Minh thu đĩa nhạc đầu tiên. Hồi những năm 90, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Nam chưa có phòng thu nào. Đáng lẽ trong kỹ thuật thu thanh, nhạc thu trước, tiếng hát thu sau thì âm thanh mới đẹp. Thế nhưng vì dân ca Quảng Nam có nhiều đoạn hát tự do, nhịp tùy hứng, chậm và kể lể hoặc chậm và diễn tả (*Lento recitativo, lento espressivo*) nên đành phải thu nhạc và tiếng hát cùng lúc. Studio của nhạc sĩ Quang Đạt hơi nhỏ nên không đủ chỗ

cho ban nhạc ngồi. Cây organ đem theo làm bè trầm phải đặt ngoài studio.

Thế là ban nhạc quay ra cãi nhau, cãi hăng hái đến 40 phút về chuyện nên mở cửa studio hay không. Bởi mở cửa studio thì người chơi organ mới nghe được tiết tấu mà đánh bè trầm; ngược lại nó cũng có thể làm cho tạp âm bên ngoài lọt vào trong đĩa nhạc. Nhạc sĩ Quang Đạt gắt: “Bây giờ các anh thu hay cãi?”. Đến lúc đó, họ mới chịu im. Than ôi, phòng thu vốn là chốn trang nghiêm thanh tịnh như nhà chùa mà cãi nhau như bầm mả thì làm sao thu cho đẹp tiếng, hờ trời?

Người Quảng Nam hay cãi là thế nhưng khi họ thương yêu ai thì thương yêu rất đậm thắm, rất ngọt ngào. Bạn có nghe kỹ âm sắc Quảng Nam chưa? Hãy nghe thật kỹ, bạn mới thấy được cái chơn chất hồn hậu, cái đẹp trong âm sắc đó. Đặc biệt, người Quảng Nam thường trả lời câu hỏi của bạn bằng một câu hỏi ngược lại. Thí dụ bạn hỏi: “Đi một mình đến đây à?”. Người ta sẽ trả lời: “Một mình chớ mấy mình?” hoặc nghiêm trọng hơn “Thấy một mình rãng còn hỏi lui hỏi tới. Bộ đui hả?”.

Bạn là người đàn ông lần đầu tiên gặp một cô gái chưa quen biết. Bạn lỡ đại nắm tay cô gái đó. Nếu là cô gái Hà Nội, cô sẽ phản ứng khá dịu dàng: “Ấy chết, anh buông tay em ra”. Nếu là cô gái Huế, cô sẽ phản ứng cực kỳ nhỏ nhẹ: “Tội nghiệp em, em còn nhỏ mà”. Nếu là cô gái Nam

Bộ, cô sẽ nói: “Coi chừng người ta thấy”. Cả ba câu ấy đều là phản ứng nhưng vẫn còn dành cho bạn một cánh cửa, dù là cánh cửa hẹp. Thực sự, nắm tay một chút thì không chết ai cả; em còn nhỏ thì có nghĩa là em sẽ lớn; coi chừng người ta thấy thì cũng có nghĩa là nếu không có người nào thấy thì chẳng sao hết.

Nhưng nếu bạn nắm nhầm tay một cô gái Quảng Nam, cô sẽ phản ứng rất thô bạo: “Chớ ông làm cái chi rứa? Ông bỏ tay tui ra chưa?”. Kèm theo câu nói gây sốc ấy là một cái hất tay phũ phàng, một đôi mắt trợn long lanh màu hổ phách “*Mỹ nhân thành lai hổ phách quang*”. Gặp trường hợp nghiêm trọng như vậy, xin bạn đừng què độ, đừng sốc, đừng nản chí. Người Quảng Nam luôn luôn trả lời người khác bằng một câu hỏi mà. Xin hãy cứ bình tĩnh và bình thản, dịu dàng và nhẹ nhàng tiến tới. Nghĩa là bạn cứ... nắm nữa. Cho đến khi cô gái Quảng Nam nói với bạn: “*Chu, cái ông ni coi rứa mà dễ thương kinh*” thì có nghĩa là bạn đã thành công rục rĩ. Lúc đó, cô sẽ không cãi lại bạn nữa. Thậm chí bạn chỉ con chó mà gọi đó là con mèo, cô ấy cũng không cãi lại bạn. “*Ngu răng cãi? Chẳng biết chi hết trơn*”.

Người Quảng Nam hay cãi là như vậy. Nếu bạn gặp một người Quảng Nam trực tính, những lời nói và hành động ban đầu của họ có thể gây cho bạn cảm giác khó chịu, dễ bị sốc. Họ biểu hiện như vậy bởi lòng họ thẳng

như ruột ngựa, nghĩ gì thì nói và làm như vậy; không màu mè, rào đón, nịnh nọt. Không sao hết. Bạn cứ tiếp cận với họ. Rồi bạn sẽ thấy phía sau những biểu hiện kia là một tâm hồn chân thành, thuần hậu, dễ mến, đáng tin cậy. Đó là chất ngọc quý giá trong quan hệ giao tiếp giữa người và người.

Nhân đây, tôi xin kể lại truyền thống... cội của gia đình tôi. Cha tôi là một nhà nho bất đắc chí, sinh năm 1904, học chữ Hán giỏi nhưng không đi thi được vì Hán học suy tàn. Ông xoay qua học tiếng Pháp và tiếng Việt, đỗ sơ học yếu lược rồi... nghỉ chơi. Bên ngoài cha tôi có cái phong cách của một nhà nho trầm tĩnh, khiêm tốn nhưng bên trong, tinh thần ông cứng rắn một cách không ngờ.

Năm 1957, công an quận Duy Xuyên bắt anh Hai tôi tra tấn ba ngày ròng rã. Tưởng anh chết, quận trưởng Hồ Ngọc Tuấn viết giấy gọi cha tôi lên. Quận trưởng nói: *“Con anh hoạt động cộng sản, bị chúng tôi bắt và điều tra khéo léo. Anh ký vào giấy không khiếu nại về thương tích trên người hẳn thì tôi cho anh lãnh con về”*. Không nói không rằng, cha tôi ký ngay rồi nhờ hai thanh niên đem võng vào nhà giam, cáng anh đi đường bộ về nhà lo thang thuốc.

Năm 1965, tôi bị Quốc Dân đảng bắt, tra tấn tại Trung tâm Tình báo tác chiến. Họ giam tôi gần ba tháng trong một cát-sô dài 1,2m, ngang 1m. Nhờ sự can thiệp của

Giáo hội Phật giáo tỉnh và Hội phụ huynh học sinh, Quốc Dân đảng đưa tôi qua giam ở Ty Công an tỉnh. Sau đó, ông tỉnh trưởng Nguyễn Thanh Tùng ký lệnh phóng thích tôi và viết giấy mời cha tôi vào tỉnh đường Quảng Nam (khách sạn Hội An ngày nay) nhận tôi về.

Cha tôi tới, đầu đội mũ nỉ, mặc bộ quần áo may bằng vải thao Mã Châu, chân đi chandal đế crêpe mềm. Ông tỉnh trưởng:

- Mời ông Lung ngồi. Vừa qua, con ông có vài biểu hiện tình nghi, bị bên Trung tâm Tình báo tác chiến bắt giam một thời gian rồi đưa qua bên công an. Sau đó có ý kiến của Hội phụ huynh và Giáo hội Phật giáo, tỉnh chúng tôi đã cho điều nghiên lại mọi việc. Xét thấy con ông còn đi học, tôi đã ký lệnh phóng thích, cho nó về tiếp tục học hành.

Tôi chờ xem phản ứng của trung niên văn sĩ – tiếng gọi đùa thân thiết của tôi dành cho cha tôi, như thế nào. Cha tôi đứng lên:

- Thưa ông tỉnh trưởng, đáng lẽ tôi phải được nghe câu nói này trước đây ba tháng. Con tôi hoặc là có tội, hoặc là không có tội chứ không có thể nó là có vài biểu hiện tình nghi. Tôi phản đối cách đối xử vô nhân đạo và bất chấp pháp luật của Trung tâm Tình báo tác chiến. Trung tâm Tình báo tác chiến đã cho trung sĩ Trần Đình Sở đánh đập con tôi để lấy cung. Hành vi ấy là dã man, là chà đạp phẩm giá con người.

Cha tôi nói với một ngữ thanh vừa đủ nghe, nhưng ngữ khí thì đanh thép, rõ ràng. Tỉnh trưởng không ngờ ngay câu đầu cha tôi đã phản ứng như vậy.

- Thôi mà, ông Lung. Tôi đã ký giấy phóng thích. Ông ký vào quyển sổ này rồi đưa con về đi.

Cha tôi vẫn điềm nhiên, lắc đầu:

- Thưa ông tỉnh trưởng, tôi không ký. Con tôi không phải phạm nhân. Tôi không nhận lệnh phóng thích. Bằng chứng hiển nhiên là con tôi chưa bị đưa ra tòa, chưa bị tòa án của các ông phạt tù.

Ông Tùng có vẻ nổi nóng:

- Thôi mà ông Lung. Bữa nay con ông ra khỏi trại giam cứu, vẫn mạnh khỏe...

- Thưa ông tỉnh trưởng, mạnh khỏe là tình trạng bây chừ. Ba tháng trước, con tôi bị đánh đập, bị nhốt trong cát-sô. Các ông nói cái chi chính phủ quốc gia tôn trọng phẩm giá con người; tôi cho là điều không thật.

Lần đầu tiên, tôi thấy trung niên văn sĩ vĩ đại. Ông đấu lý với viên tỉnh trưởng mặc quân phục gabardine, lưng mang súng sáu bằng kiểu nói chuyện nhỏ nhẹ nhưng đanh thép. Tôi không hiểu vì sao cha tôi lại từ chối ký tên, từ chối nhận giấy phóng thích. Khi theo chân cha ra khỏi tòa tỉnh đường, tôi hỏi:

- Cha ơi, ngày anh Hai bị bắt, cha ký ngay. Sao hôm nay cha không chịu ký?

- Ngày đó, cha chưa biết anh con sống chết ra rã, phải cúi mình mà ký trước quận trưởng Tuấn để lãnh hẳn ra khỏi tù, về nhà chữa trị. Hôm nay thì khác. Cái lệnh phóng thích đã nằm chần vằn trên bàn, có nghĩa là bọn nó phải trả tự do cho con. Có ký bọn nó cũng thả con, không ký bọn nó cũng phải thả con ra nên cha không ký. Một chữ ký, một cái liếc mắt, một câu nói cũng không khoan nhượng bọn nó được.

Đắc thủ được bài... võ cãi đó, tôi cũng đem ra thi thử nhiều lần và lần nào cũng thấy công hiệu. Năm 1993, tôi đang là tổ trưởng phóng viên của một tờ báo lớn. Viên quyền tổng biên tập mới lên o bế tôi, đưa tôi lên làm phó ban thư ký tòa soạn. Ông nói với tôi: “Anh ráng làm giúp tôi, sẽ có nhà lầu cho anh ở, xe hơi cho anh đi”. Một hôm, tờ báo mở mặt trận đánh tác phẩm *Nổi loạn*, tiểu thuyết của nhà văn Đào Hiếu. Tôi hiểu viên quyền tổng biên tập này muốn chứng tỏ cho giang hồ biết là ông ta cũng... biết làm báo.

Viên quyền tổng biên tập bảo tôi:

- Anh làm chủ nhiệm vụ này, mở trang đánh “thằng” nhà văn Đào Hiếu cho tôi.

Tôi lễ phép thưa với ông:

- Thưa anh, Đào Hiếu là bạn học của tôi khi chúng tôi còn học ở Đại học Sư phạm. Tôi tin rằng ngay chính anh cũng không nỡ đánh một người bạn học của anh trên tờ

báo của mình. Anh vui lòng giao nhiệm vụ này lại cho người khác, đừng giao cho tôi.

Ông nổi nóng, vỗ bàn hỏi:

- Đây là nhiệm vụ cấp trên giao. Tôi là tổng biên tập hay anh là tổng biên tập?

Ông đã vỗ bàn, chẳng lẽ tôi lại không vỗ bàn? Tôi cũng vỗ bàn theo và nói:

- Tất nhiên là anh, nhưng anh cũng chỉ mới là quyền tổng biên tập. Đánh một người bạn học trên báo vì háo danh và để có thêm nhuận bút cho mình là một việc làm trái đạo lý. Tôi không làm được việc này. Và chẳng, nhà xuất bản này là nhà xuất bản có uy tín; họ không đại mà in ra một quyển sách dơ bẩn cho anh đánh. Đào Hiếu là một nhà văn tài hoa; nhiều lắm là *Nổi loạn* chỉ có mấy trang nói về tình dục. Ta đánh họ làm cái gì? Tôi không chấp hành được.

- Nếu anh không làm được việc với tôi thì anh nghỉ đi.

- Hoan hô! Ngày 1 tháng 4 tôi sẽ nghỉ việc.

Tại sao tôi chọn ngày này? Đó là ngày mà 5 năm trước, tôi chính thức vào tờ báo, đưa đơn xin việc làm cho anh Huỳnh Bá Thành. Anh Vũ Quang Hùng đã thay mặt ban biên tập, giao nhiệm vụ cho tôi. Tôi chọn mốc thời gian tròn 5 năm để có ra đi thì còn những kỷ niệm đáng nhớ với bạn bè, anh em cùng làm việc. Còn viên quyền tổng biên tập thì đánh giá ngày ấy là ngày.. Cá tháng tư, người

ta có thể nói giỡn chơi thoải mái. Đúng ngày ấy, tôi viết chừng 50 chữ đơn xin thôi việc, qua phòng quyền tổng biên tập:

- Tôi nộp đơn xin nghỉ việc.

Ông ta có vẻ luống cuống:

- Không, tôi đang cần anh. Anh đừng nghỉ. Tôi xin lỗi chuyện bữa trước.

Tôi bình thản:

- Trễ rồi anh à. Lời tôi đã nói thì tôi làm. Tôi nghỉ việc ngay từ bây giờ.

Viên tổng biên tập giận quá, hỏi qua bên chế độ chính sách. Cuối cùng, tôi được nhận 120 ngàn đồng và đi ra khỏi đó. Mọi chuyện diễn ra không quá 10 phút. Tôi áp dụng chiêu thức của cha tôi: *"Một chữ ký, một cái liếc mắt, một câu nói cũng không khoan nhượng"*.

Nói dóc kiểu Quảng Nam

Quối năm 2007, nghe tin nhà văn Sơn Nam bệnh, tôi đến thăm ông. Nhà văn Nam Bộ kiêm ông vua đi bộ danh tiếng bấy giờ ốm nhách, cơ bản chỉ còn một vài chút thịt ở đùi và tay. Còn cơ bắp thì mỏng như lá lúa. Ông mặc bộ pijama, nằm xuôi cò trên giường. Hai chân ông dường như đã tê liệt, nhưng đôi tay và cái miệng thì hoạt động khá tốt. Bằng chứng là khi tôi châm điều thuốc đưa gần tới môi ông, ông còn... cầm được điều thuốc, sáng khoái rít từng hơi dài. Ông nói với một trung khí đây rầy:

- Ê mây, vài hôm nữa tao khỏe, hai anh em mình đi xuống miệt Bình Dương chơi. Dưới đó còn mấy ngôi chùa

hay lắm. Tao xuống đó... nghiên cứu; mày đọc cho tao mấy câu đối liền chữ Hán.

Nghe ông nói, tôi vừa thương, vừa buồn cười. Tôi nói:

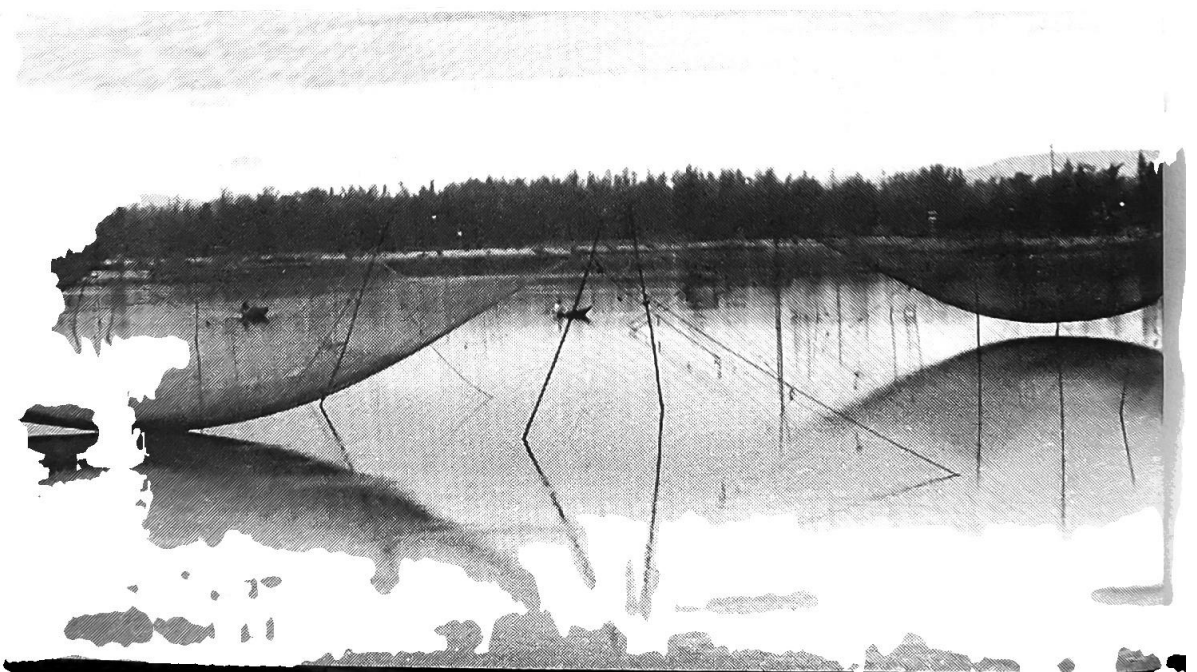
- Chân cẳng anh vậy mà đi Bình Dương với Bình Định chi nữa hờ trời? Em đến thăm anh một chút cho anh đỡ buồn. Vậy thôi. Còn chữ Hán chữ Tàu thì em quên sạch sành sanh rồi. Bỏ chuyện đi chơi đi. Anh cố gắng tịnh dưỡng cho khỏe để tiếp tục ngồi dậy viết sách... nói dóc, đem lại niềm vui cho đời.

Sơn Nam tiên sinh phản ứng nhanh cấp kỳ:

- Ê, tao nói dóc hồi nào mậy?

- Trời ơi, anh nói dóc thầy chạy luôn. Này nhé, trong *Hương rừng U Minh*, anh kể chuyện ông Năm Hên bắt sấu ở rạch Cái Tàu. Anh viết: "*Tiếp theo lái xuống là một bầy sấu. Con này buộc nối đuôi con kia, đen ngòm như khúc cây khô dài. Mỗi con sấu, hai chân sau thúc ké trên lưng, hai chân trước tự do, quạt nước cầm chừng...*".

Hạ du sông Thu. Ảnh: Hữu Đồng.



- Ủ, đúng vậy đó. Tao viết vậy, rồi sao?

- Anh làm cho độc giả đau khổ vô cùng.

- Độc giả nào?

- Em chứ ai nữa. Anh viết để bắt nguyên bảy sáu bốn mươi mấy con đó, Năm Hên chỉ uống một chung rượu rồi đào một đường nhỏ xuống ao sáu. Ông chặt một cây mốp tươi, cắt ra từng khúc chừng ba tấc. Năm Hên đứng trên gió, châm lửa vô sậy để cho khói bốc ra mù mịt. Khói phủ xuống đầm sáu. Bảy sáu bị cay mắt, ngộp thở phải theo đường đào bò lên rừng; con nhỏ bò trước, con lớn bò sau. Con nào thấy Năm Hên cũng há miệng, định táp. Năm Hên đút vô miệng sáu một khúc mốp; sáu táp vào dính cứng hai hàm răng như mình ngậm nhả một cục mạch nha bự. Năm Hên cầm mác, xắn nhẹ cắt gân đuôi từng con, trói thúc ké hai chân sau của nó rồi cột một khúc dây vào đoạn mốp dặt sáu đi kiểu như người ta dặt chó. Bảy sáu rạch Cái Tàu bị bắt, dẫn ra sông. Năm Hên cột sáu sau đuôi thuyền rồi giao cho Tư Hoạch chèo đi. Con sáu chúa có cái tam tinh ở giữa cũng bị truy quét trong chiến dịch này.

- Ờ, thì đúng vậy đó.

- Anh báo hại em tin anh sai cổ. Hồi nhỏ, em đang là học sinh ở Quảng Nam, vì lơ dợc và mê Hương rừng Cà Mau của anh, mới vô Nam học đại học rồi chọn về xứ Bạc Liêu đi dạy. Chân em đi khắp rừng U Minh, qua tận rạch Cái Tàu. Hỏi thăm bà con chuyện ông Năm Hên bắt sáu;

họ nói ở đây làm gì có ông nào tên là Năm Hên với Sáu Xui? Mà rạch Cái Tàu cũng không còn một con sấu nào làm thuốc. Cậu muốn mua sấu, sao không lên... Sài Gòn mà mua! Sấu bây giờ ở trên cạn, đâu còn ở dưới sông mà cậu xuống miệt này tìm cho mắc công.

Sơn Nam tiên sinh cười khà khà:

- Đó là tao kể chuyện rừng U Minh trước năm 1954, khi mây còn thò lò nước mũi. Mây về U Minh từ năm 1970. Làm sao còn ông Năm Hên với bảy sấu nữa mây?

Rồi ông dụ giọng, nói đủ nghe:

- Nói thật với mây: *Viết văn mà không nói dóc chút đỉnh thì không ra hồn vía văn chương. Văn chương mà nói toàn chuyện thiệt thì ai đọc?*

Tôi ủng hộ ông:

- Đúng vậy, thưa anh. La Quán Trung viết *Tam Quốc chí* bảy thực ba hư. La Quán Sơn Nam tiên sinh tên thật là Phạm Minh Tày, sinh tại Kiên Giang, viết *Hương rừng Cà Mau* năm thực năm hư. Đọc chuyện nói dóc của tiên sinh, cứ nghe sướng ran cả người.

Ông Sơn Nam cao hứng:

- Được mây khen một tiếng, tao mừng ba năm. Nói vậy nghe được đó mây. Còn tao nhận xét: Mây viết nhạc một thực chín hư. Nếu tao là tay nói dóc Nam Bộ thì mây là thằng nói dóc Trung Bộ, nói dóc kiểu Quảng Nam.

Tôi cố cãi lại ông:

- Em nói dóc chỗ nào?

- Mây không chối được đâu, mây ơi. Mây viết *Điều buồn phương Nam*, có đoạn: “*Con sáo sang sông/Sáo đã sổ lông/Bay về Bạc Liêu, con sáo bay theo phương người/Bay về Trà Vinh, con sáo bay qua đời tôi*”. Tao là dân Nam Bộ thật, phải nói cho mây biết chim sáo chỉ đậu trên lưng trâu, mổ vào da trâu ăn mấy con rận. Vào mùa nước nổi ở Nam Bộ, trâu được len hết ráo qua miệt Thất Sơn, còn con trâu nào đâu cho sáo đậu? Mà con sáo chỉ bay vài trăm thước là đậu lại. Cánh nó ngắn, không dài như cánh cò nên không bay xa được. Mây đứng ở đâu trong Khu tứ giác Long Xuyên mà nhìn thấy con sáo bay xa trên 250 cây số về tận Bạc Liêu với Trà Vinh? Mây là thằng nói dóc có căn.

Bị Sơn Nam tiên sinh sử ững trảo cầm nã thủ chụp đúng yếu huyết Mạch môn, tôi hạ giọng năn nỉ:

- Em xin lỗi anh. Xin anh đừng nói lớn.

- Lỗi phải gì mây ơi. Hồi hai mươi tuổi, mây đã nói dóc tổ mẹ rồi. Tao nghe bài *Thu, hát cho người* của mây mà buồn cười: “*Ta vẫn chờ em dưới gốc sim già đó/Để hái dâng người một đóa dằm tương tư*”. Văn chương bay bổng, tình ý chân thành nhưng xin lỗi mây, mây nói dóc có căn có đế. Tao đã đi Quảng Nam, thấy cây sim trên rừng Quảng Nam của mây lùn beo, thấp xin. Mùa thu miền Trung trời nắng chang chang, mây ngồi chỗ nào dưới gốc sim mà đợi

con nhỏ đó tới? Mà cái rừng sim thưa rinh thưa rảng, con nhỏ đó có vắc mặt tới thì mây mần ăn gì được?

Tôi thiếu điều quỳ lạy ông Sơn Nam:

- Hồi đó, em chưa biết và cũng chưa dám mần ăn gì. Xin anh nói nhỏ nhỏ, đủ nghe. Nói thật với anh, em cũng có nói dóc chút đỉnh như anh. *Ca từ trong ca khúc mà không nói dóc thì cũng chẳng ra hồn vía gì.* Em xin hứa với anh, qua năm tới, em không nói dóc nữa.

Năm tới tức là năm 2008. Cái chi cũng phải cần một lộ trình. Cai nói dóc cũng cần có lộ trình đảng hoàng như cai thuốc lá. Sơn Nam tiên sinh qua đời. Đến viếng vong linh ông, nhìn ông nằm nghiêm chỉnh trông quan tài, tôi đổ nước mắt khóc và nhớ ông. Rồi nghĩ đến kỹ thuật nói dóc của ông và chuyện ông phê phán tôi nói dóc, tôi lại buồn cười. Hồi Sơn Nam tiên sinh! Tôi đã hứa với ông rằng tôi sẽ cai nói dóc nhưng vẫn chưa bỏ được thói nghiện nói dóc.

Tháng 10-2008, tỉnh Bạc Liêu tổ chức kỷ niệm ngày ra đời bài *Dạ cổ hoài lang* của cố nhạc sĩ Cao Văn Lầu. Ủy ban tỉnh có nhã ý mời tôi về chơi. Tôi trở lại Bạc Liêu trong tâm trạng đứa con trở về nhà mình. Thôi thì ăn chơi mệt nghỉ: Ăn ngon, ngủ tốt, nói cười thoải mái, nghe ca hát, xem nhảy múa tưng bừng. Khi trở về, mấy anh chị còn gửi cho một bịch nylon bụi, trong đó có cá khô, tôm khô và hũ mắm cá chốt.

Cá chốt Bạc Liêu từng nổi tiếng trong... ca dao. Nó là con cá chốt giấy, trước đây lênh khênh trong sông rạch Bạc Liêu, bà con câu lên nấu cháo cho heo ăn. Bây giờ, người Bạc Liêu đào vuông tôm, vuông cua, vuông cá kèo. Cá chốt theo con nước vào vuông, thường trú ở đó; con nào con nấy đều được nuôi dưỡng tử tế, mập mạnh, da dẻ trắng non, mình mấy tròn lẳng như cánh tay hoa hậu. Nói quý cô tha lỗi, da cá chốt Bạc Liêu còn mịn và láng hơn cả da hoa hậu. Bà con bắt nó làm mắm, dâng cho đời chút hương vị miền quê biển. Tôi không ăn được mắm nên đem hũ mắm tặng cho ông bạn luật sư.

Luật sư ăn mắm xong, mà rằng:

- Mắm cá chốt Bạc Liêu ngon quá, ông ạ. Bình thường, xương cá chốt cứng lắm mà sao tôi ăn mắm này lại không thấy xương?

Tôi lấy phong cách đạo mạo, ân cần giảng giải:

- Đây là kỹ thuật làm mắm bí truyền của người Bạc Liêu. Anh nên nhớ Bạc Liêu là miền đất hội tụ ba nguồn văn hóa Việt - Hoa - Khmer nên cách làm mắm của bà con cũng có... văn hóa rất đặc biệt. Làm cá chốt sạch sẽ xong đợi đúng giờ Ngọ, người ta mới ủ con cá chốt trong muối. Ủ đúng ba ngày, người ta đem ra dang nắng hai ngày cho thịt con cá mềm ra. Sau đó là một khâu cực kỳ quan trọng: Ông chủ vừa mắm phải đích thân mượn cái nhíp nhổ lông mày của cô em út vợ mình – mà nhớ là nhíp nhổ lông mày

chứ không phải là nhổ thứ lông gì khác à nghen – nhẹ nhàng luôn vào thân cá chốt kéo từng khúc xương ra. Quá trình nhổ xương phải nhẹ tay và khéo léo, tránh làm cho thân thể ẻo lả của con cá chốt bị thương tổn. Ông ăn mắm không thấy xương là nhờ vậy.

Tay luật sư nghe tôi giảng đạo lý làm mắm, phục bà con Bạc Liêu sát đất, lại khen tôi có trí nhớ tốt và hiểu biết sâu về văn hóa làm mắm Nam Bộ. Tuần sau, luật sư tới rủ tôi uống cà phê, chửi:

- Ông nói dóc tổ mẹ. Tôi điện xuống ông bạn ở Sở Công thương Bạc Liêu hỏi, anh ta bảo có lấy nhíp nhổ xương gì đâu. Chẳng qua là người ta thêm một chất phụ gia vào mắm thì xương cá chốt mềm ra. Làm gì có chuyện ông chủ mượn nhíp nhổ lông mày mà không được mượn nhíp nhổ lông nách của con em vợ? Sao ông nói dóc quá vậy ông?

Tôi ngoan cường cãi lại:

- Đừng nóng. Bình tĩnh. Ông có biết tỉnh Minh Hải không?

- Biết. Mà sao?

- Sau ngày giải phóng, hai tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu nhập lại làm một, gọi là tỉnh Minh Hải. Ở Cà Mau có người nào nói dóc chọc cười danh tiếng?

- Bác Ba Phi. Mà sao?

- Tôi sinh ra tại Quảng Nam nhưng được bà con ở Bạc Liêu coi là dân Bạc Liêu. Mà hễ là dân Bạc Liêu, tôi có ảnh hưởng bác Ba Phi chút đỉnh thì cũng là người Minh Hải ảnh hưởng người Minh Hải. Đâu có gì lạ mà ông nổi nóng? Vô lễ ở trong cùng địa phương với bác Ba Phi mà việc gì tôi cũng phải nói thiệt với ông?

Anh bạn luật sư đớ lưởi, cứng họng. Có thể chứ.

Nói dóc là cách nói quá sự thật, nói sai sự thật nhằm mục đích tạo ra nụ cười, giúp thỏa mãn nhu cầu giải trí cho người nghe. Người Quảng Nam còn gọi nói dóc là nói láo; người Quảng Trị còn gọi nói dóc là nói trạng. Người Việt Nam có năng khiếu hài hước nên nói dóc có ở khắp nơi.

Nói dóc có tính mục đích rõ ràng, chỉ nhằm chọc cười thiên hạ, không gây ra thiệt hại cho người nghe; không hàm ý lừa gạt, phỉnh phờ người nghe. Nói dóc là một hình thức tấu hài khá trí tuệ; khác hẳn với nói xạo, nói phỉnh, nói gạt, nói điêu. Trong mấy thứ “nói” vừa kể, người nói thường muốn đạt một mục đích, một lợi ích cho mình và có thể gây hại cho người nghe. Riêng nói dóc chỉ nhằm mục đích... gây cười phục vụ cho đời.

Đất nước ta có một số nhân vật nói dóc danh tiếng được nhiều người biết đến như Trạng Quỳnh, Xiển Bột, Ba Giai, Tú Xuất, Ba Phi, Thủ Thiệm... Những câu chuyện họ kể lại có thể được người đời sau thêm mắm dặm muối, trở thành những chuyện giải trí thú vị, độc đáo. Tỉnh

Quảng Trị có hẳn một làng nói trạng Vĩnh Hoàng. Nhiều câu chuyện của làng nói trạng Vĩnh Hoàng đã được ghi lại trong sách vở.

Tu từ pháp Việt Nam có phép ngoa dụ, nghĩa là nói quá sự thật. Mục đích của ngoa dụ là nói cho cố để đạt tới mức độ sai sự thật, gây ấn tượng cho người đọc, người nghe. Ca dao đã thể hiện phép ngoa dụ đó:

*Lỗ mũi em mười tám gánh lông,
Chồng thương chồng bảo râu rồng trời cho.
Đêm năm em ngáy pho pho,
Chồng thương chồng bảo ngáy cho vui nhà.*

Ở đây, không thể dùng nhãn quan chính trị để bảo ca dao bêu riếu, thô bỉ hóa hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam. Ở đây, đơn giản là nói dóc cho vui, thể hiện tình chồng yêu thương vợ đến nỗi cái xấu nhất cũng trở thành cái đẹp nhất. Mà tôi nói thiệt, có cô nào thật bụng thương tôi thì dù trong lỗ mũi có tới... mười chín gánh tôi cũng dám gánh chứ đừng nói mười tám. Ấy là tôi nói dóc nghe chơi vậy chứ nửa gánh đã đủ bỏ của chạy lấy người rồi.

Người Quảng Nam có năng khiếu hài hước và một trong những biểu hiện của năng khiếu đó là nói dóc. Trong nói dóc, có sự gặp gỡ, sự giao thoa của người nói và người nghe, của chủ thể và khách thể. Người nói có nhu cầu thể hiện năng khiếu nói dóc để làm vui cho người

là việc kể lại không phương hại đến nội dung căn bản của câu chuyện.

Nói dóc là một nghệ thuật. Đầu tiên, người nói dóc phải đặt câu chuyện của mình vào một cơ sở thực tế nào đó. Trên nền tảng đó, người nói dóc thêu dệt ngôn từ hợp lý, kết cấu tình huống cho chặt chẽ để đẩy câu chuyện đi xa sự thật. Trong khi nói dóc, người ta phải thể hiện kịch tính, phải chọn lọc ngữ thanh ngữ khí làm như là câu chuyện ấy có thật, nhấn nhá sao cho hấp dẫn để đưa người nghe vào mê hồn trận. Thế rồi câu chuyện kết thúc một cách đột ngột khiến cho người nghe bật cười. Người xưa có câu “Lộng giả thành chân”. Nghệ thuật nói dóc đi ngược lại qui trình đó. Nó là tác động “Lộng chân thành giả”.

Nói dóc cũng là một cách cãi trong thói hay cãi của người Quảng Nam. Nói dóc nhiều khi được dùng như một phản ứng, một cách biểu thị thái độ không đồng tình trước một người, một sự việc. Nó là một biểu hiện của công phu cãi. Thiệt chiến mà. Người Quảng Nam dùng cách nói dóc một cách khéo léo để cãi lại một người, một hành động mà họ không đồng tình. Câu chuyện sau đây của ông Chánh Thị (xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ ngày nay) là một thí dụ.

Ông Chánh Thị trên 70 tuổi, là một nhân vật “gân guốc” của xã Kỳ Kim (tên gọi trong kháng chiến chống Pháp). Sau khi Hiệp định Genève được ký kết, một toán

lính bảo an kéo về chiếm đóng Kỳ Kim. Họ vào nhà ông Chánh Thị xin ở nhờ. Ngày nào, viên thượng sĩ chỉ huy toán lính cũng xách súng đi bắn chim cu đất làm thịt nhậu. Lòng chim bay đầy nhà ông Chánh Thị nên ông rất bực.

Một hôm, ông Chánh Thị thấy viên thượng sĩ xách xâu chim về, nói ngay:

- Mấy ông bắn chim cu chỉ là nổ súng ồn ào. Hồi tôi trẻ, đi thổi ống sì đồng, một ngày cũng được vài ba chục con chim.

Viên thượng sĩ ngạc nhiên:

- Úi chao! Bác thổi bằng đạn gì?

- Tôi thổi bằng hột é!

Làng Bàn Thạch (xã Duy Vinh, Duy Xuyên, Quảng Nam) có một ông già nói dóc rất giỏi. Tên ông là Trương Nhơn. Ông này là một trong những thần tượng của tôi, đã được tôi khắc họa chân dung trong truyện ngắn *Ông Trương Nhơn*. Năm tôi lên chín tuổi thì ông đã ngoài sáu mươi. Ông chuyên bưng một cái rổ, trong đó đựng các món dưa tre, ống thổi lửa, cặp nhắc (một đồ vật dùng kẹp nồi niêu nóng, đem ra khỏi bếp lửa) và mấy gùi lá xông đi bán dạo ở chợ Bàn Thạch.

Ông Trương Nhơn hay nói về. Mỗi khi đến chợ, ông đem một đôi dưa gồ vào cái ống tre lớn và nói bài về *Nói láo* – một “đặc sản” được truyền tụng nhiều đời khắp đất Quảng Nam:

Ngồi buồn nói chuyện lão thiên,
Hồi hôm họ rủ tui đi khiêng ông trời.
Ra đồng thấy muỗi đớp dơi,
Bù hung đám giỗ lại mời ông voi.
Nhà tui có một bụi khoai,
Đào lên một củ nấu vài nôi dư.
Nhà tui có một bụi từ,
Đào lên một củ lăn hư con đường.
Xuống sông bắt một con lươn,
Thịt bán đồng rươi, cái xương đẽo cà...
... Nhà tui có một cái ang,
Gặt lúa cả làng đổ lại còn lưng.
Nhà tui có một bụi gừng,
Đào lên một củ ước chừng đòn xeo.
Nhà tui có một con mèo,
Khi mô hết thịt, nó lên đèo bắt nai.
Nhà tui có con chó thậm tài,
Đánh hơi chồn ngận mười hai đêm ròng
Ra đồng bắt một con còng,
Thịt bán chín đồng rươi, bộ lòng tui xỏ xâu.
Ông già tui có một sợi râu,
Cắt ra làm thành bốn dây câu cá kình.
Thiên hạ nghe tôi nói lão thất kinh,
Ở tỉnh ni ai ai cũng nói lão chó phải một mình tôi
láo đầu.

Nếu đúng như câu kết của bài về này thì phần lớn người Quảng Nam quả có năng khiếu... nói láo, nói dóc lỏi lạc. Có lẽ nhờ đặc thù truyền thống ấy mà ông Trương Nhơn quảng cáo các mặt hàng của mình rất ấn tượng.

- Mi thấy cái cặp nhắc ni có người chê là mảnh (mỏng quá - NV). Mảnh răng được mà mảnh? Nấu một nồi mười cơm, cặp vô khiêng đi tới Huế còn được.

Ông Trương Nhơn nói tới xứ Huế mặc dù ông chẳng biết Huế ở đâu. Suốt ngày, ông chỉ qua chợ bán rồi về lại nhà mình. Thành phố Hội An sát bên vách mà ông còn không biết, nói chi tới Huế?

Có người lại hỏi mua ống thổi lửa. Ông Trương Nhơn:

- Ống thổi lửa của tui khỏi cần thổi. Bà kê vô tới bếp là hẵn đỏ liền hè.

Quảng cáo lá thuốc xông:

- Gùi lá xông ni hay lắm, còn tốt hơn thuốc bắc của ông Cửu Đình. Hôm tê, bà Hương Chư đau nằm liệt giường liệt chiếu, tay tưởng đầu đã bắt chim chim (rúm lại, ý nói sắp chết - NV). Tui động cho bả ba gùi; chiều hôm nay bả đã xách rổ đi chợ, cãi một chặp rồi còn muốn đánh lộn với mấy bà bán cá nữa!

Có hôm, tôi thấy ông ngồi vót đúng ba sợi lạt tre, chuốt đi chuốt lại thật đẹp. Tôi hỏi:

- Ông ơi, răng ông vót có ba sợi?

- Nhà tau có con chó khôn lắm, chỉ ghét cái hay sửa dai. Hôm qua, tau có ông bạn tới chơi; hăn sửa miết, biểu nín không nín. Săn cái đòn tre, tau động lên đầu hăn một cái làm cái sọ hăn nứt ra làm hai. Tau vót ba sợi lạt để chiều ni về bó cái sọ hăn lại.

Hôm sau, tôi gặp ông hỏi thăm tình trạng sức khỏe con chó. Ông nói:

- Hăn ăn cơm với ngoắc đuôi lại được rồi. Nhưng do cái sọ chưa lành hăn nên hăn sửa nghe còn rè rè.

Tôi đã học được kỹ năng hài hước qua cách nói dóc của ông Trưởng Nhơn. Lớn lên đến 30 tuổi, tôi đã có thể viết được trên báo *Tuổi Trẻ*; tới 36 tuổi, đã có thể viết trên báo *Tuổi Trẻ Cười*.

MẤY KIỂU NÓI DÓC QUẢNG NAM

Tác hại của thuốc lá

Tiếng đồn: Gái Quảng Nam ta,

Vấp tàn thuốc lá chết ba ngàn người.

Đàn ông nghe vậy, chạy coi.

Vấp tàn thuốc lá lại chết toi thêm năm ngàn.

Một tai nạn lớn, làm chết đến tám ngàn người mà báo chí không đưa tin thật thiếu sót. Tôi kiểm chứng lại nguồn tin. Hóa ra đây là “thơ” của nhà văn Vu Gia, bạn đồng nghiệp của tôi bên báo *Người Lao Động*. Theo ông

Vu Gia, tuyên truyền chống tác hại của thuốc lá thì phải tuyên truyền tới... cỡ nớ. Đừng nói xa xuôi chuyện nicotin làm tắt mạch máu, chỉ một chuyện vấp tàn thuốc lá vút bậy ra đường khiến nam thanh nữ tú té chết tới tám ngàn người đã đủ khiến cho người ta kiêng mặt thuốc lá rồi! Nói là nói rứa chớ ông Vu Gia này nghiện thuốc lá nặng. Dose của ổng cao cường hơn của tôi.

CỘT PHÁO “TRỊ” ÔNG BA MƯƠI

Chuyện này của ông Bốn Cang, người xóm Cây Cốc (Tam Đàn, Phú Ninh) kể. Ông nói thời 1950, xóm Cây Cốc chỉ toàn là rừng và tròng mây. Một hôm, ông đi đếm bò, thấy thiếu mất một con, mà xương bò lại vương vãi. Ông biết có cạp về ăn bò, tức mình quyết trị con cạp.

Ông lựa một tròng mây độc đạo, ngay chỗ có hai gộp đá lớn chỉ đủ cho một đứa con nít đi lọt qua. Phía trên gió, ông đóng một cái trụ, cột con heo nhỏ làm môi nhử.

Một buổi chạng vạng, con heo môi kêu eng éc. Biết cạp về rồi, cả ba cha con sè sẹ đi dưới gió. Con cạp ngồi giữa gộp đá rình môi, cái đuôi lúc lắc, đầu hướng về phía con heo. Theo kịch bản đã phân công, hai người con chạy tới... túm đuôi con cạp ghì mạnh ra sau, hai chân tỳ vào gộp đá giữ thế. Cạp phản ứng dữ dội nhưng không cách chi quay ngược đầu lại được.

Ông Bốn Cang nhanh nhẹn cột dây pháo Nam Ô vào đuôi cọp rồi lấy thùng diêm (hộp quẹt) châm lửa. Pháo nổ, hai người con ông buông đuôi cọp ra. Cọp sáng hồn đâm đầu chạy. Nó càng chạy thì pháo càng nổ dữ dội, mười phút sau mới hết nổ. Từ đó, cọp kiêng mặt ông, không dám mò về Cây Cốc nữa!

CÂU CÁ NGẠNH HÀNG LOẠT

Chuyện này của ông Phó Bảy, người câu cá nổi tiếng ở chợ Bàn Thạch (Duy Vinh, Duy Xuyên) kể. Cá ngạnh hình thù giống y chang con cá chột Nam Bộ; chỉ khác cá chột ở chỗ da nó đen. Cá ngạnh rất mê mồi. Hôm nào có mưa nguồn là ngày sau, cá ngạnh về đầy sông Bà Rén. Người ta câu cá ngạnh mỗi lần chỉ giật một con nhưng ông Phó Bảy nói mỗi lần ông câu được từ ba đến bốn con.

Cách câu như vậy: Ông lấy một khúc phèo heo, chẻ ra làm bốn rồi cột vào dây câu. Cá ngạnh mê mồi, nhào tới ăn phèo, bốn con ngậm bốn miếng. Chúng rút ra không được vì phèo dai nhưng không nở nhả bỏ vì sợ con khác ăn mất. Ông Phó Bảy nhẹ nhàng kéo dây câu lên, vượt một cái là cả bốn con cùng rơi vào trong giỏ (đọt) của ông. Ông câu giỏi đến nỗi bấy cá ngạnh trong giỏ không có con nào chết. Có dính lưới câu đâu mà chết.

CON CÒ MẠNH

Chuyện này của ông Hương Bường (Trần Bường), người xã Quế Phú (Quế Sơn) kể. Một hôm ông vác cây cần câu dài đi nhắp (câu rê) cá tràu (cá lóc). Móc con nhái bự vào lưỡi câu, ông kéo mấy đường vẫn không có con cá nào cắn câu. Ông nép mình sau đụn rơm, vụt mạnh đường câu vào bụi lát. Roạt một tiếng, cây cần câu ông cong vút lại, tưởng đầu dính cục đá.

Hóa ra, một con cò lớn đã ăn miếng mồi. Con cò giương hai cánh, bay lên. Sợ mất cây cần câu, ông Hương Bường quyết giữ gốc cần thật chặt. Con cò kéo ông bay lơ lửng trên mặt ruộng rồi bay dọc sông Bà Rén. Sau cùng, ông Hương Bường mỏi tay, sợ té chết bất tử, lên tiếng năn nỉ: “Tau biết mi mạnh rồi. Thôi mi cho tau xuống đất về nhà với bà, mi bay đâu thì bay”.

Nói xong, ông buông cần câu, rút tôm xuống giữa sông Bà Rén. Con cò mang cần câu của ông bay biệt dạng.

TAY SĨ QUAN ĐÓ CŨNG ĐƯỢC

Chuyện này của ông Tri Tiên (làng Thanh Vân, xã Đại Cường, Đại Lộc) kể. Hồi chiến tranh, một hôm ông vác cuốc ra đồng thì chợt nghe tiếng máy bay trực thăng phành phạch bay tới. Chiếc trực thăng đứng ngay trên đầu ông, gió cánh quạt làm ông muốn ngã. Ông nghĩ bụng: “Chà, không biết có chuyện chi mà mấy thằng này bay

máy bay bắt mình”. Bỗng có một tay sĩ quan thò đầu ra khỏi cửa trực thăng, chào ông: “Chào bác Tri Tiên. Bác khỏe chớ”. “Ừ, tau khỏe. Chớ mi con nhà ai, cháu nhà ai mà biết bác?”. “Tui là con ông X, cháu kêu ông Y là bác ruột”. “Rứa tau nhớ ra rồi. Chừ mi đi mô đó?”. “Tui phải bay vòng vòng. Thấy bác, dừng trực thăng lại chào hỏi thôi. Tui đi, bác hí”.

Tay sĩ quan bay đi. Ông Tri Tiên về thuật lại chuyện gặp gỡ cho bà con nghe rồi tấm tắc khen: “Làng mình rứa mà được. Thằng nó là sĩ quan cấp trung úy mà xem ra cũng có văn hóa, thấy bậc trưởng thượng biết dừng trực thăng lại chào hỏi. Có đứa là đại úy đi xe hơi mà thấy tui, hăn chạy luôn, không biết chào hỏi chi hết”.

Ông Lê Hoàng Linh, giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Nam, kể:

HIỆU QUẢ CỦA PHÂN HÓA HỌC

Ông nọ có miếng vườn nhỏ cỡ bốn chiếc chiếu. Thấy đất để không cũng uổng, ông bèn cuốc lên, đánh tơi ra và gieo hạt rau muống vào. Ba ngày sau, hạt nảy mầm xanh lên đều trên. Nghe nói có phân hóa học u-rê chi đó tốt lắm, ông mua một ký, lấy ra cỡ nửa chén hòa nước tưới.

Đêm đó ông nằm ngủ, chợt nghe tiếng rào rào. Ông biết rau muống đang bò. Chỉ có con chó ở nhà nghe tiếng động lạ, không biết là tiếng chi, cứ sủa miết. Sáng hôm

sau, ông thức sớm. Úy trời ơi là trời, rau muống thấm phân hóa học, cọng nào cọng nấy nở to như cán cuốc, bò dài cỡ cây tre, dọc ngang hết cả vườn, chỉ chừa có căn nhà ở giữa.

CÁI CHI CŨNG CÓ ĐỘ GIẶT

Trong chuyện nói dóc sau đây, công phu cãi của người Quảng Nam được hiển lộ, nghe cũng vui vui.

Ba anh bạn gặp nhau. Một anh ở huyện miền núi Bắc Trà Mi khoe:

- Tui trồng một vườn quế. Quế mới ba tuổi mà có một cây cao tít lên khỏi mây xanh, đụng tới trời.

Anh ở huyện Duy Xuyên, hạ du sông Thu cãi liền:

- Ông nói dóc quá. Làm chi có chuyện cây quế mọc lên mà đụng tới trời?

- Ời, thì còn khoảng vài chục thước là tới trời.

Anh Duy Xuyên vừa cãi, vừa khoe:

- Thà ông nói vậy tôi nghe còn được. Vừa rồi, làng tui mới đóng con thuyền dài lắm. Hễ xây ngang nó một cái thì hai đầu thuyền chạm vào hai bên bờ sông Thu, khỏi cần bơi chèo chi hết.

Anh Bắc Trà Mi phản đối:

- Làm chi có thuyền dài như rứa?

- Ờ, thì nói ngay là nó chưa đụng tới bờ, chỉ cách bờ chừng một thước.

Anh thứ ba người thành phố Tam Kỳ, trăm ngàn:

- Lạ lắm mấy ông. Hôm qua trong bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam, có chị nỡ sinh con ra từ lỗ rún.

Hai anh còn lại gân cổ ra cãi:

- Chuyện tào lao. Nói dóc quá sức rồi. Làm chi có ai đẻ được từ lỗ rún?

- Ồi, thì như chuyện của hai ông, chuyện của tui cũng có một chút độ giạt. Chị ấy sinh con dưới lỗ rún một gang tay!

LỤT LỚN CŨNG RẤT LỢI

Ông nọ ra chỗ ruộng biển cuốc đất. Gặp lúc nước lụt về, ông chống cuốc xem nước nôi ra sao. Do sơ ý, cán cuốc ngã xuống, làm chết năm con cá dựng lớn. Ông bắt mấy con cá về đưa cho vợ kho nấu thì nước lụt đã vô ngập nhà.

Nước dâng lên thật nhanh, hai vợ chồng phải leo lên mấy tấm ván kê sãn trên trính. Hai ngày sau, nước rút. Ôi thôi, cá rô, cá tràu, cá giếc kẹt đầu trên bốn vách phen nhà nhiều không biết bao nhiêu mà kể. Hai vợ chồng gỡ cá ra, bỏ vào lu hũ rộng lại, ăn cả nửa tháng mà không hết cá.

MẸ QUẢNG NAM GIỎI HƠN BÁC SĨ PHÁP

Câu chuyện sau đây tưởng là nói dóc nhưng không dóc chút nào. Thời kháng chiến chống Pháp, trong lực lượng bộ đội Việt Minh Quảng Nam, có ông Kostas Sarantidis

người Hy Lạp bỏ hàng ngũ Pháp về cùng Việt Minh tham gia đánh Pháp. Sarantidis được đặt tên Việt là Nguyễn Văn Lập. Ông là người bắn giỏi, đã từng dựng đứng khẩu đại liên, bắn rơi chiếc máy bay Morane của Pháp trên ga Phú Cang (Thăng Bình), bắt sống ba sĩ quan Pháp. Một hôm ăn trưa xong, ông Sarantidis bị đau bụng dữ dội. Bụng ông chướng lên nhưng đơn vị không có bác sĩ, không thuốc men nên không biết cách chi mà chữa.

Một bà mẹ Quảng Nam thấy chiến sĩ bị đau lăn lộn, bảo:

- Bay đưa hăn vô nhà mẹ!

Đồng đội đưa ông Sarantidis vào nhà. Mẹ ra sau bếp, lấy con dao mỏng cạo nhẹ lớp mùn trên mặt tẩm thớt làm cá. Bà hòa lớp mùn ấy vào nửa chén nước, bảo:

- Bay cho hăn uống đi.

Sarantidis nhắm mắt, uống hết “dung dịch” ấy vào bụng. Uống xong, ông nghe miệng mũi tanh ói, ọe lên một tiếng rồi nôn thốc nôn tháo. Đợi cho anh chiến sĩ nôn xong, bà mẹ bảo đồng đội cho anh súc miệng, rửa mặt. Rồi bà nấu nước chè tươi, giã nát củ gừng, pha một chén đem cho Sarantidis uống. Mười phút sau, Sarantidis tháo mồ hôi, bụng nghe nhẹ tênh. Cơn đau biến mất.

Ông chấp tay lạy bà mẹ:

- Con xin lạy tạ ơn mẹ. Mẹ đã cứu con! Mẹ cho con uống cái chi mà hay rứa?

Bà mẹ cười:

- Nó là... nhót cá lưu cữu trên mặt thớt đó con. Nó tanh nên con uống vào phải ói. Mà ói ra thì bụng mới nhẹ được. Đây là do mi trúng thực.

Từ đó về sau, đi đánh Pháp ở đâu, Sarantidis cũng nói:

- Bà mẹ Quảng Nam chữa bệnh đau bụng giỏi hơn mấy tay bác sĩ Pháp nhiều.

- Bả cho uống thuốc chi?

- Nhót cá trên mặt tấm thớt!

Đạo ăn mì Quảng

Trong thiên hạ, có nhiều địa danh bắt đầu từ chữ Quảng. Trung Quốc có Quảng Đông, Quảng Tây. Việt Nam có Quảng Ninh, Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Quảng Nam. Nhiều Quảng như thế nhưng khi ta nói đến mì Quảng thì ta hiểu ngay đó là món mì nổi tiếng của đất Quảng Nam chứ không phải là mì của một Quảng nào khác.

Nguyên liệu chính để làm nên món mì Quảng là bột gạo nước. Vuốt gạo sạch xong, người ta đem gạo ngâm trong nước 4 giờ liền cho gạo mềm ra rồi đem xay. Bột gạo này phải hòa đều với nước theo một tỷ lệ nhất định để làm sao khi tráng ra lá mì thì lá mì không ướt quá, cũng không khô quá.



Mì quảng. Nguồn Internet

Bắc một nồi nước sôi lên lấy hơi nóng, người ta căng một tấm vải thẳng trên miệng nồi và tráng lá mì. Múc từng vá bột, người thợ đổ trên tấm vải rồi dùng vá trang bột ra thành hình tròn theo khuôn khổ tấm vải. Đậy nắp hấp bột trong một phút, người thợ dùng một chiếc que đẹp gỡ lấy lá mì ra khỏi tấm vải, đặt trên một mặt bằng phẳng và thoa một chút dầu phụng khắp lá mì. Cách hấp bột tráng lá mì cũng tương tự như làm bánh cuốn hay làm bánh tráng, chỉ khác ở chỗ lá mì cần bột đặc hơn.

Dầu phụng (Nam Bộ: dầu phọng) là dầu chiết từ hạt đậu phụng mà ra. Trước kia, khi chưa có điện, người

Quảng Nam thường ép dầu phụng thủ công bằng cách đóng bông dầu. Nay, dây chuyền công nghiệp đã làm ra dầu phụng công nghiệp có màu đẹp hơn, sạch hơn. Nói thì nói vậy nhưng tôi vẫn giữ ý nghĩ được thưởng thức món dầu phụng thủ công vẫn ngon hơn món dầu công nghiệp. Nó có một mùi thơm rất đặc trưng mà dầu công nghiệp không thể có.

Chính mùi dầu phụng quyết định yếu tính Quảng Nam của tô mì Quảng. Cái mùi dầu phụng phảng phất như có như không trước lỗ mũi của người ăn. Nó giúp cho người sành ăn phân biệt mì Quảng thiệt với mì Quảng dỏm. *Phi phụng du bất thành Quảng mì* – Không có dầu phụng, không ra cái hồn vía của mì Quảng Nam - một nhà nho đời mới là... tôi đã nói như vậy.

Tuy nhiên, yếu tố quyết định giá trị của tô mì Quảng vẫn là nhưn. Nhưn của mì Quảng không gò bó, công thức như nhưn các loại hủ tiếu, mì tàu, bún giò, bún bò của các địa phương khác. Người ta có món gì thì cứ nấu ra thứ nhưn ấy. Cho nên, mì Quảng có lắm loại nhưn: tôm, cua, thịt heo, thịt bò, cá lóc, gà, vịt... Hoặc ai muốn hợp chủng quốc các loại nguyên liệu trên đây để nấu nhưn mì Quảng thì cũng... không sao. Phổ biến nhất ở Quảng Nam hiện nay vẫn là mì gà; nhưn nấu bằng thịt gà. Thịt gà Quảng Nam là thịt gà ta thứ thiệt chứ không phải là giống Tam hoàng ngũ đế chi đó của Trung Quốc nhập qua.

Khác với nước phở hay hủ tiếu, nước nhưn mì Quảng được nấu sắc lại, vừa ăn. Nước nhưn chan vào tô mì chỉ đủ thấm các cọng mì khi trộn lên, không mênh mông trời nước một màu như nước phở, hủ tiếu, bún giò. Ai muốn ăn mặn hơn, xin cứ dùng nước mắm, tự nêm. Còn ham ăn mặn khiến huyết áp tăng lên thì chủ tiệm mì không chịu trách nhiệm. Cái đó đã có các vị thầy thuốc lo; bốn tiệm chỉ bán mì Quảng. Rửa thôi!

Một nồi nhưn ngon quyết định tính chất ngon của những tô mì Quảng. Ở huyện Núi Thành, nhưn mì Quảng còn có cả một hoặc một nửa con cua lột. Chan nhưn xong, chủ quán còn thơm thảo rắc lên cho bạn một ít đậu phụng hạt rang giòn. Món này làm cho tô mì thơm ngon hơn.

Hiện nay, ở Tam Kỳ và Duy Xuyên, có vài tiệm bán mì cá lóc, làm nhưn bằng thịt cá lóc. Tôi vào một tiệm mì cá lóc ở Tam Kỳ, nghe ông khách ngồi bàn bên cạnh gọi: “Cho tô mì cá tràu”. Bà chủ cười: “Thưa anh, anh ăn mì cá lóc chớ”. Ông khách cãi: “Quảng Nam mình làm chi có cá lóc? Cá lóc là cá ở trong Nam, nó to chân vằn và dài như chân hoa hậu. Con cá ngoài mình nhiều lắm chỉ to và dài cỡ cườm tay. Nó là cá tràu chớ làm chi lên chức cá lóc được?”. Bà chủ chịu thua, phải làm cho ông tô mì cá tràu, dù biển hiệu bên ngoài ghi là mì cá lóc!

Ăn tô mì Quảng, bạn nên ăn kèm với ba món khác. Một là rau sống. Tôi đi nhiều nơi, chưa thấy ở nơi nào

có rau sống ngon như ở Quảng Nam. Rau sống trong sự nghiệp lâu năm Cần Thơ với 17 loại đã ngon rồi nhưng rau sống Quảng Nam còn tuyệt vời hơn nữa. Ấy bởi vì người nông dân Quảng Nam trồng rau mà chẳng bao giờ doping, cũng không dùng phân hóa học để bón. Vì thế, cây rau của họ trông ra là rau sạch, nhỏ xíu và rất đảm bảo chất lượng. Rau sống trong mì Quảng gồm có húng thơm, cải củ, cải bẹ xanh (cải bắng), rau đắng, ngò, hành. Lại có cả bắp chuối xắt, không ngâm trong nước tẩy trắng hóa học như ở phía Nam. Sáng, bạn ăn tô mì độn thêm một vài đĩa rau, bảo đảm no tới chạng vạng.

Hai là bánh tráng nướng mè chà. Bạn có thể bóp nhỏ bánh tráng trộn vào trong tô mì hay cầm riêng bánh tráng trên tay ăn theo mì tùy ý. Bánh tráng giòn, thơm, nhai rào rào nghe rất sướng lỗ tai. Ăn mì Quảng mà không có bánh tráng là thiếu âm nhạc, đơn điệu, không tiết tấu, mất hòa thanh. Bạn có thể ăn hai chiếc bánh tráng với một tô mì nhưng khi uống nước vào, bạn bị căng phồng bụng lên thì tôi không chịu trách nhiệm. Ấy bởi vì bánh tráng nướng mà gặp nước vào thì nổ nhanh một cách tàn bạo.

Thứ ba là ớt xanh, tục gọi là ớt sừng trâu. Ăn mì Quảng phải ăn thật cay, cay sè càng tốt. Hãy tưởng tượng bạn là phụ nữ, ăn một đĩa mì Quảng, cắn búp một miếng ớt xanh nhai sào sạo. Trời ơi, nước mắt nước mũi tuôn ra, không bị ai chòng ghẹo nhưng môi và má vẫn hồng lên

phơi phới. Tôi về Quảng Nam trong mùa đông, đã tức cảnh sinh... tình nghi và mẩn thơ thế này khi gặp một cô vì ăn cay, khuôn mặt trở thành đào hoa.

*Ngã kiến quân hê, trọng đông tiết,
Hà cổ quân nhan hồng như đào?
Hốt tưởng xuân lai, hoa mãn xú.
Đông quân, thực nữ tiếu sơ giao.*

(Ta gặp em chừ, tiết trọng đông,
Can có chi mà má em hồng?
Cứ ngỡ xuân về, hoa nở khắp,
Buổi đầu thực nữ thấy đông quân).

Ai cũng tái ngắt; chỉ có người phụ nữ ăn ớt cay mới hồng đôi má. Sương thế đấy, cần chi phải son phấn rườm rà? Mua gặp son phấn tào lao, giả mạo hàng Lyon bên hông chợ Cây Quéo đánh vào chi tổ hư da. Chi ngon bằng ăn ớt.

Tư thế ngồi ăn mì Quảng cũng là một nội dung cần quán triệt. Khi ăn mì Quảng, bạn... đừng ngồi nghiêm túc quá. Hãy tự nhiên co một chân lên ghế, lấy đầu gối làm... cái bàn. Tay trái bạn vịn tô mì cho chặt, tay phải thông thả (hoặc vồn vã) trộn tô mì lên và ăn. Ăn vài miếng, bạn nên ngừng lại ăn một chút bánh tráng hay căn búp một miếng ớt. Nóng quá hoặc cay quá thì bạn nên uống một hớp nước chè xanh, vận khí vào Đan điền thở nhẹ rồi... ăn tiếp.

Trong khi ăn, nếu gặp mì gà hay mì vịt, bạn nên tự cảnh

giác lừa xương ra. Tôi đã thấy có nhà nhỏ nóng vội, mắc xương gà ngang cổ. “Mắc xương gà, sa cảnh khế” là hai thứ dễ chết hoặc không chết thì cũng dễ bị thương trên đời này. Tục ngữ Quảng Nam có dạy như thế và ta tự cảnh giác với thói nóng vội là không bao giờ thừa. Mà nhà nhỏ thì đừng bao giờ cho phép mình nóng vội. Hãy cứ từ từ, êm êm, nhẹ nhẹ mà làm tới tới.

Ăn xong tô mì, bạn sẽ thấy dưới đáy tô còn sót lại một ít nước. Xin bạn đừng vội bỏ đĩa. Tinh túy của tô mì Quảng còn lại trong chút nước đó. Đó là mấy hạt đậu phụng, một chút thịt hoặc tôm cua. Hãy can đảm (mà bạn thì có thừa can đảm!) bưng tô mì lên mà húp roạt một cái. Bạn bỏ nó lại vì sĩ diện thì bạn vẫn phải trả tiền đủ cho chủ quán.

Tôi thường bay tuyến bay Chu Lai - Sài Gòn. Ở Chu Lai, máy bay bay lúc 11 giờ 30 nhưng tôi vẫn muốn vào sớm để... ăn mì Quảng hiệu Long Bình. Ông chủ quán này rất vui, mở miệng ra nói là có thơ lục bát. Hôm đầu tiên tôi đến quán ông, anh Sơn - người lái xe của Ủy ban nhân dân thành phố Tam Kỳ, cao hứng làm thơ:

Ông này là Vũ Đức Sao

Biển là nhạc sĩ người nào cũng thương!

Ông chủ quán nghe tên tôi, có vẻ rất vui. Ông bảo con gái đem máy ảnh ra, xin chụp chung với tôi vài tấm. Xong rồi, ông làm cho hai tô mì cao lên tới lỗ mũi, bưng ra và ứng khẩu:

*Đi đâu nhạc sĩ cứ đi,
Về Chu Lai nhớ ghé mì của tui.*

Tôi cũng tức cảnh sinh tình... nghi, gài trước một nước
cờ:

*Lắm khi tôi... chẳng có tiền,
Ăn xong ghi nợ, chớ phiền lòng nghe.*

Ông cười:

*Ăn xong, nhớ uống nước chè,
Đi xe đời mới mà nói nghe thất cười.*

Tôi ăn xong tô mì, uống hết ly nước, rửa ông chủ một
cái rồi ra đi:

*Mì Long Bình, mì Long Bình,
Về Chu Lai mới thấy mình thèm ăn.*

Quán mì Quảng cũng là nơi để... cãi lộn. Quảng Nam
mà! Bạn sẽ sống rất đơn điệu nếu cứ chỉ vào đó ăn mì rồi
ra đi.

Phải có một chút cãi vã thì mới ra... hương vị mì
Quảng. Một sáng chủ nhật, tôi vào tiệm mì gà đường Trần
Cao Vân thì gặp hai vợ chồng trẻ đang ăn. Chị vợ: “Răng
tui thấy anh ở nhà ăn uống uể oải mà vô quán lại ăn ngon
lành rứa?”. Anh chồng: “Ờ thì ở quán món ăn lạ hơn ở
nhà”. “Rứa là anh thích của lạ phải không?”. “Đúng rồi”.
“Anh nói kiểu nớ thì đi tìm con khác đi, cưới tui làm chi?”

“Trời ơi, chuyện ăn khác chuyện ngủ bà ơi”. “Khác cái chi? Ăn cũng rửa, ngủ cũng rửa, thứ mô mà anh không thích món lạ?”. Rồi chị vợ ùng ùng bước ra khỏi quán!

Trong quán mì Tư Châu ở ngã ba Kỳ Lý lại xảy ra tình huống như vậy. Hai cô gái đi chiếc Dream vào ăn mì. Cô thứ nhất: “Chỗ ni là ngã tư, rằng người ta cứ gọi là ngã ba?”. Cô thứ nhì: “Tư ở mô mà tư. Trước chừ đường Kỳ Lý cắt ra gặp quốc lộ nên người ta gọi ngã ba Kỳ Lý là đúng rồi”. “Đúng rằng được? Con đường bê-tông lớn trước mặt chạy về hướng biển nối đường Kỳ Lý cũng cắt qua quốc lộ. Hẳn phải là ngã tư”. “Thôi mệt quá bà ơi. Cả trăm năm ni họ gọi ngã ba Kỳ Lý rồi”. “Họ nói trật. Hai đường cắt nhau phải ra ngã tư chớ không phải ngã ba”. “Kệ mi. Mi cứ ăn mì ở ngã tư Kỳ Lý, còn tau ăn mì ở ngã ba Kỳ Lý. Biết rửa tau không dẫn mi ra đây nữa!”.

Trận cãi vã của hai cô khiến tôi buồn cười. Họ cãi nhau đúng y như kiểu cãi truyền thống của người Quảng Nam. Vấn đề ở đây nhỏ xíu, chỉ là một cái tên gọi. Chỗ này hai con đường giao nhau, rõ ràng nó phải là ngã tư chớ không phải ngã ba. Rửa mà trên trăm năm nay, người ta vẫn gọi là ngã ba Kỳ Lý. Báo hại một người bạn tôi từ Sài Gòn ra đây tìm nhà bà con, đi miết không thấy ngã ba. Ngã tư của hai giao lộ thì làm răng nói là ngã ba được?

Tôi ăn quán Mì 37 ở Thăng Bình, ngạc nhiên khi thấy lát thịt gà dai dai, đen đen. Tôi nói với anh bạn: “Nhà này

chuyên mua gà đá độ làm thịt”. Anh bạn cãi: “Một con gà đá mấy triệu bạc, hơi đâu họ làm thịt cho ông ăn?”. Tôi cá giận, không nói nữa. Ăn xong, tôi ngoắc anh ra sau xem thử. Té ra tôi đúng. Chủ quán này chuyên mua những con gà nòi đá thua hoặc bị thương nặng về làm thịt. Phía sau nhà còn bảy tám chú như thế, đang đợi vào nôi. Mua gà đá... thua này giá rẻ hơn gà thường mà thịt lại ngon hơn. Ăn thịt gà đá độ, biết đâu mình sung độ!

Ở thị trấn Núi Thành, thường xảy ra tình hình... cãi nhau giữa khách và chủ quán mì. Nguyên là tại đây, tô mì nào cũng được bỏ trên mặt như một nửa con cua lột. Trong nguyên tắc sinh học, mỗi tháng cua chỉ lột một lần theo con nước nhưng ở đây, ngày nào cũng có cua lột trong tô mì Quảng là cái làm sao? Khách nghi ngờ các vị chủ quán mua cua nhèm (cua nhỏ) rồi ngâm vào một thứ thuốc chi làm mềm chất calci của mai cua để giả làm cua lột. Còn chủ quán một hai là bốn tiệm chỉ bán cua lột thứ thiệt mua từ ruộng nuôi cua về. Cứ thế, hai bên cãi nhau ỏm tỏi.

Tôi vốn tính dĩ hòa vi quý, tự nhủ lòng rằng mình đang được ăn cua lột thứ thiệt. Và tôi kết luận: Ở Núi Thành, Quảng Nam, con cua lột quanh năm chứ không đợi chu kỳ con nước hàng tháng!

Bạn ăn mì Quảng đã no. Hãy từ từ vận khí công mà thở. Hãy lắng nghe bánh tráng đang nở ra trong bao tử của

bạn. Bạn nên uống thêm một ly nước chè nữa để đỡ khát, bởi bánh tráng hút nước nhanh cấp kỳ, có thể khiến bạn khát ngay. Mà đi đường xa, cứ 5 phút phải dừng xe lại mua chai nước uống giải cơn khát do mì Quảng gây ra là một sai lầm lớn trong đời.

Bí quyết để sống và giữ cho được chữ Thọ ở trên đời đã được cổ nhân đúc kết là “*Ăn mạnh, uống đậm, đi chậm, vác nhẹ*”. Ngay trong đạo lý ăn mì Quảng cũng tiềm ẩn bốn nội dung cơ bản ấy. Ở xã Duy Trinh (Duy Xuyên), có ông nớ buổi sáng điếm tâm hết hai tô mì Quảng, hai cái bánh tráng, hai đĩa rau và một ly cà phê sữa đá đá. Suy rộng ra, cứ hàng ngày bạn ăn uống và làm việc như vậy thì chữ Thọ sẽ không bỏ bạn mà ra đi sớm. Có những “cụ ông” mới hưởng thọ 32 tuổi đã ra đi vì quên câu nói giản dị trên.

Như tôi vừa viết, ăn mì Quảng nên uống nước chè (trà). Vậy cũng nên nói thêm một chút về nước chè. Đất Quảng Nam trồng cây chè khá nhiều, có những cây lâu năm cao quá đầu người, ra trái um sùm. Người nông dân cứ ra sân, bẻ một mớ nhánh chè xanh xuống, rửa sạch. Họ chặt nhánh chè ra từng khúc ngắn, có thể cho vào cối giã sơ. Nấu một nồi nước sôi sùng sục, họ bỏ chè vào và vớt bọt. Vậy là có sẵn mấy bình tích chè xanh.

Để nước chè thơm ngon hơn, người ta rang sẵn một ít đậu đen hay đậu ván, đập giập một củ gừng cho vào nồi

nước chè. Khi rót chè ra chén hay bát, nhìn màu chè xanh nhạt, ngửi hương chè thơm mùi đậu rang, mùi gừng tươi là đã muốn uống ngay. Ai đói bụng mà uống nước chè tươi này vào có thể bị say; cảm giác rất giống với say sóng. Bụng no mới nên uống.

Nước chè xanh tự nhiên này giải khát tốt, vị đậu thơm và mát, vị gừng nóng hòa với nhau. Uống nước chè có chút gừng là để đề phòng chuyện ta vừa ăn mì Quảng có nhiều rau sống. Rau sống thuộc âm nhu, gừng thuộc dương cương. Lấy dương chế âm tạo ra sự hài hòa. Âm dương tương hỗ, tương thích, tạo ra thể quân bình cho... bao tử. Nước gừng có thể chế ngự một số loại bệnh đường ruột, đặc biệt là sau khi ăn rau sống. Ấy gọi là ăn chắc mặc bền.

Quảng Nam nói gay

Ngày xưa, người nông dân Quảng Nam hầu như nghèo túng quanh năm bởi họ đứng chân trên một miền đất mà khí hậu và những điều kiện thiên nhiên khá khắc nghiệt. Nông dân Quảng Nam, cũng như nông dân các tỉnh miền Trung khác, lao động rất cần cù, chăm chỉ, chịu thương chịu khó. Ấy vậy mà mùa hè, gió nam thổi về khiến vườn tược, ruộng đồng khô héo. Mùa đông, trời làm bão lụt mênh mông. Những nỗ lực của người nông dân nhằm chống chọi lại thiên nhiên để sinh tồn, để bảo vệ mùa vụ nhiều khi trở thành công cốc.

Tính chiến đấu chống thiên nhiên khắc nghiệt của người Quảng Nam rất cao cường, tinh thần và kinh

nghiệm chiến đấu của họ rất phong phú. Thế nhưng chiến đấu là chiến đấu còn thành công hay thất bại lại là chuyện khác. Nhiều khi sức người không thắng nổi sức trời. Việc thành bại phụ thuộc vào tình trạng dữ dội hay không của thiên nhiên. Cho nên cái nghèo, cái túng do thiên nhiên tạo ra, do thiên nhiên tàn phá vẫn đeo đuổi số phận họ từ trên 500 năm qua.

Một nhà nông dân hôm nay có thể có thóc lúa đầy bồ, có căn nhà vững chắc. Thế nhưng chỉ cần một cơn bão dữ quét qua, một cơn lũ nguồn như thiên binh vạn mã ủa tới bất chợt thì căn nhà sụp đổ, mớ lương thực dự trữ kia cũng trôi theo dòng nước. Họ khánh kiệt, trắng tay ngay chỉ sau một cơn hoành hành của thiên nhiên. Thế là họ rơi vào nghèo túng, mười năm sau chưa chắc lấy lại được “phong độ” như trước. Nhiều khi chỉ cần một cơn gió nam (gió từ vịnh Bengale thổi qua nước bạn Lào, xuôi Trường Sơn Đông đổ về đồng bằng miền Trung) là họ đói ngay.

*Gió nam thổi kiệt ba ngày,
Khoai lang khô cũng hết, hột lúa vay không còn.*
CA DAO QUẢNG NAM

Tuy quê nhà như vậy nhưng người nông dân Quảng Nam ít khi muốn rời làng đi xa. Trái tim họ gắn liền với mảnh đất quê nhà. Có một cái gì đó rất thiêng liêng nối kết trái tim họ với mồ mả ông bà, với tộc họ, với bà con

láng giếng. Chính vì thế, họ không muốn bỏ làng ra đi, dù là đi tìm nguồn sống, cuộc sống tốt hơn ở một miền đất mới. Họ nghèo thật nhưng nếu phải ly hương để làm giàu thì họ vẫn khó chấp nhận ly hương. Họ rất kỵ bốn chữ “*Tha phương cầu thực*” (Kiếm sống ở nơi khác) mặc dù ngữ nghĩa của câu này rất tích cực.

Tôi còn nhớ thời ông Ngô Đình Diệm, có hai câu “thơ” vận động người Quảng Nam đi dinh điền vào cao nguyên Đăk Lăk, Gia Lai khai phá vùng đất mới:

*Quảng Nam đất hẹp, người đông,
Quyết lên miền thượng ra công cấy cày.*

Ta hãy bỏ qua một bên ý đồ chính trị của chế độ ông Diệm muốn tách những gia đình bản nông, cổ nông vốn trung thành với cách mạng ra khỏi cái nôi cách mạng Quảng Nam trong chủ trương dinh điền. Ta hãy công bằng nói rằng việc đi dinh điền khai phá đất bazan làm cà phê trên các tỉnh cao nguyên vẫn mau giàu hơn là ở lại Quảng Nam làm ruộng. Ruộng Quảng Nam phần lớn là đất cát pha đất thịt, có khi chỉ rộng một trăm mét vuông, thậm chí có miếng ruộng chỉ rộng bằng hai chiếc chiếu. Thế nhưng người nghèo Quảng Nam ít khi hưởng ứng chuyện dinh điền. Họ vẫn muốn ở lại quê nhà, bám đất, bám làng, có chi ăn nấy. Cho nên lại có câu “thơ” phản ứng, cãi lại khẩu hiệu trên:

*Quảng Nam đất hẹp, người đông,
Dinh điền kẻ nó, ta không bỏ làng.
Ai đi muốn được giàu sang,
Biểu ta bỏ làng, ta quyết không đi.*

Ấy là việc cãi nhau bằng... thơ. Cũng chính vì bảo lưu ý kiến “Ta quyết không đi” mà hiện nay trên các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Phước, số lượng bà con gốc Quảng Nam làm cà phê và giàu lên nhờ cà phê ít hơn bà con gốc các tỉnh khác. Tôi nói vậy để thấy người Quảng Nam dẫu nghèo túng bao nhiêu đi nữa thì việc bỏ quê nhà ra đi vẫn là chuyện mà họ không thích làm.

Mở ngoặc: Chỉ có mấy tay du côn, lãng mạn, ham chơi cỡ như tôi mới bỏ Quảng Nam mà đi. Hồi nhỏ, tôi bị bệnh... say mê nhan sắc. Nghe nói các bạn gái Nam Bộ tươi tốt lắm nên tôi xa Quảng Nam, về phương Nam dòm thử họ ra như thế nào. Tôi đi không nhằm mục đích tìm công danh qua con đường đại học. Mà quả là họ tươi tốt thiệt! Sơn Nam đại sư phụ dạy tôi: “*Mày gặp nó (cô gái), đừng nói gì hết, cứ giả bộ ngồi im re cho tao. Tưởng mày bảnh trai, nó tò mò nó đến nói chuyện. Vậy là dính chấu*”. Cám ơn thầy. Bằng chứng là vợ tôi là... con gái Sài Gòn thứ thiệt. Đó là chưa kể những mối râu ria. Xin lỗi, đóng ngoặc!

Chính vì mặc cảm nghèo túng và tâm trạng không nỡ bỏ quê nhà ra đi nên bà con nông dân Quảng Nam rất ghét... những anh đi xa. Họ ít khi muốn chơi với những

người đi xa về vì họ tin rằng những anh đó ít nhiều cũng đã mất đi chút “hương đồng cỏ nội” của quê nhà. Hễ nói tới Quảng Nam thì phải *gin*, không được lai tạp. Không *gin* là không được. Anh nào đi xa không lâu mà về làng giả bộ sửa tiếng nói (và cách dùng từ, cách ăn mặc) thì họ lại càng ghét hung. Có câu chuyện vui thế này:

Anh nọ người Quảng Nam mới đi vào một tỉnh phía Nam làm công việc sáu tháng. Gặp dịp Tết, anh trở về làng, ghé thăm một vài nhà người quen để lấy le. Anh ghé một ông hàng xóm, sửa tiếng nói toàn giọng phía Nam.

- Độ này, bác có mạnh giỏi hông?

- Ủ, tau mạnh. Chớ còn mi, bữa mô mi vô lại trong nớ?

- Dạ chắc con ăn Tết, hết rằm mới vô lại trong trống.

Năm tới con mới về lại.

- Rửa hả? Tau tưởng mi vô vài ba tháng rồi về lại thì tau nhờ một chút xí.

- Có gì vậy bác?

- Cũng không có chi. Nếu mi rảnh, mi cho tau gọi con chó vô để nó học sửa theo giọng trong nớ rồi mang giùm về lại cho tau!

Kết thúc của câu chuyện khiến người đối thoại đau điếng. Người Nam Bộ gọi đó là kiểu nói móc họng; người Quảng Nam gọi nói đó là nói gay. Nói gay (trong ngữ nghĩa gay gắt) là cách nói bày tỏ sự phản đối không khoan

nhượng, không rào đón, không nề nang ai hết. Trong cách nói gay, người Quảng Nam cũng sử dụng công phu cāi làm nền tảng. Người nói gay đôn người đối thoại vào sát chân tường, “đánh” một chiêu chí mạng quyết định khiến họ phải bó tay. Câu nói thường là một lời phê phán, trách cứ, khi nặng như một cái tát bất ngờ ập vào người đối thoại.

Khi nói gay, người Quảng Nam thường tự hạ mình xuống để tỏ thái độ không chấp nhận mối quan hệ vốn có, tạo ra một khoảng cách với người đối thoại. Nó biểu hiện trong đặc điểm của một người khó tính. Tôi có một người bạn quê Hải Dương, chưa hề dám nói gay với bạn lần nào. Ấy vậy mà thỉnh thoảng bạn phê tôi: “*Lão gia Quảng Nam khó tính quá, khó chịu quá*”. Tôi đồ chừng nếu bạn ra Quảng Nam sống một tháng, có thể bạn không chịu nổi cách nói gay của người Quảng Nam.

Còn nhớ khi mới 15 tuổi, tôi đi trọ học ở thành phố Hội An, thứ bảy nào cũng về làng. Đi ngang qua nhà một người bà con, tôi nhìn vào không thấy ai nên cứ vậy mà... đi luôn. Mùa hè đến, tôi nghỉ hè về nhà, xách cần đi câu cá. Trời xui đất khiến thế nào, tôi lại gặp người bà con đó. Tôi nói:

- Chào chú Bốn.

Ông ta “làm” ngay:

- Thôi mi ơi, chú cháu chi mi! Chừ mi sang rồi, mi học ở Trần Quý Cáp Hội An, chê tau học hành không bằng

cái lá mít. Mi đâu có thèm nghĩ tới tau. Mi chào tau làm cái chi?

Kiểu nói của ông làm tôi chưng hửng. Sau này, tôi mới biết ông rất tự ty mặc cảm vì sự nghèo túng và chuyện không được học hành tới nơi tới chốn của mình. Ông không ghét bỏ gì tôi nhưng ông phải nói gay với tôi như một biện pháp giải tỏa những ẩn ức tâm lý đã gây ra cho ông mặc cảm đó. Tôi chỉ là một cái cớ, một cái bung xung để ông xả stress mà thôi.

Đức Thích Ca nói: *“Ngã bất nhập địa ngục, thùy nhập”* - *Ta không vào địa ngục thì ai vào.* Bắt chước ngài, tôi cũng muốn nói: *“Ta không bị chú Bốn nói gay thì ai bị”*. Số trời đã định vậy rồi, tôi phải bị chú Bốn nói gay. Ai biểu tôi bà con với ông làm chi? Giày dép, áo ngực, quần lót phụ nữ còn có số, có size hưởng chi là cái mặt tôi!

Nói gay như là một phản ứng tự vệ của người nghèo, người ít học. Họ tin đó là cách giúp họ tự bảo vệ phẩm giá của mình. Họ nghèo, họ ít học nên phải giữ lòng tự trọng như một cách thế và phương tiện chiến đấu chống lại những ai họ không thích. Họ cắt đứt những quan hệ, thu mình lại trong cái vỏ ốc tui thân của một đời dãi nắng dầm sương, lao động vất vả. Những chuyện lật vạt, không đáng để quan tâm cũng khiến họ tui thân. Có câu chuyện vui thế này:

Anh nọ đi xa về, ghé thăm ông hàng xóm.

- Chào bác, bác mạnh giỏi hỷ?

- Thôi mi ơi, bác cháu chi mi. Tháng năm vừa rồi, nhà mi có đám giỗ mà ông già mi cũng không thèm mời tau một tiếng. Bác cháu chi lạ rứa?

Người Quảng Nam nói như vậy là... nói thật. Hễ có quan hệ bác cháu thì việc qua lại, vui buồn đều phải cần đến nhau. Một cái đám giỗ mà không mời nhau thì còn ra cái thể thống gì nữa? Nói là nói vậy, nhưng thỉnh thoảng người ta vẫn quên mời nhau, hoặc hoàn cảnh gia đình không dư dả nên chỉ giỗ quây trong nhà, không dám mời ai. Ông bác nói gay này có lẽ bị rơi vào một trong hai tình trạng đó.

Nói gay không dễ. Ít nhất, người nói gay phải có một cái lý vững chắc (hoặc họ tin là vững chắc) để đốp chát ngay vào người đối thoại. Nói gay là một hình thức của cãi, dù mức độ cãi vā có nhẹ hơn. Đánh lộn bằng võ lưỡì hay bằng quyền cước thì cũng là đánh lộn, cũng cần đến sự nhanh, mạnh, chính xác. Cho nên, nói gay bùng phát mãnh liệt ngay từ “chiêu” đầu tiên. Tuy không phải tất cả người Quảng Nam đều đã đọc tiểu thuyết võ hiệp Kim Dung nhưng gần như họ đều hiểu được nguyên tắc “*Tiên phát chế nhān, hậu phát chế ư nhān*” - Ra tay trước thì chế ngự được người, ra tay sau thì bị người chế ngự. Cho nên, họ phải tiên phát. Tất nhiên để có được những chiêu thức này, người nói gay phải lập trình sẵn, đợi đúng lúc thì đem ra dùng, y chang kiểu ta học võ để phòng thân.

Nói gay như một cách ứng xử thường tình, mang tính chiến đấu, tính phản ứng. Thế nhưng, có nhiều trường hợp, nói gay là một cách biểu thị lòng thương yêu, nỗi mong nhớ của người Quảng Nam với một người mà họ thương yêu. Cha mẹ nói gay với con cái, bạn nói gay với bạn, vợ chồng hay tình nhân nói gay với nhau, thầy nói gay với học trò... đều nằm trong trường hợp này.

Năm 1998, tôi về Tam Kỳ tham gia một đêm ca múa nhạc chào mừng tỉnh Quảng Nam được tái lập. Một nhạc sĩ nổi tiếng ở Quảng Nam bắt tay tôi và “điểm huyết” ngay:

- Chu, ông Sao Biển mới về đó hử? Răng ông không ở lại trong Nam, viết nhạc dân ca Nam Bộ tán tỉnh các em miền Tây cho khỏe mà lại về cái đất Quảng Nam khi ho cò gáy ni làm chi, ông hè?

Tôi biết anh trách tôi chuyện khai thác thành công các giai điệu dân ca Nam Bộ mà chưa viết một bài nào khai thác dân ca Quảng Nam. Anh trách vậy là phải. Cái đó đúng là thiếu sót của mình với bà con quê nhà. Nhưng cách nói gay của anh làm tôi tự ái. Tôi nói:

- Hề anh nói gay rứa thì tôi đi à.

Anh còn ráng “đánh” một chiêu nữa:

- Thôi thôi, ông đừng đi. Để chiều, tụi tôi làm con bò đái ông ăn mấy miếng rồi hãy đi cũng chưa muộn!

Nhớ lại lời nói gay của anh bạn, tôi... nổi nóng, bỏ công nghe lại các làn điệu dân ca, dân nhạc Quảng Nam và khu

5. Và tôi viết hẳn một đĩa *Hoài niệm Trường Giang*, khai thác các làn điệu dân ca ấy, Vân Khánh hát, Bảo Phúc hòa âm, VAFACO thu thanh và phát hành đầu năm 2003. Chúng tôi coi đĩa nhạc này là món quà tặng quê nhà Quảng Nam.

Một cô gái đi lấy chồng xa, sáu tháng sau mới quay về thăm cha mẹ ruột ở quê nhà. Cô chào cha:

- Thưa cha, con mới về.

Người cha:

- Đứa mô mà kêu tau là cha rứa bay hè?

- Thưa cha, con là con Út đây mà cha!

- Út hả con? Rứa mà tau nhìn không ra con gái của tau chớ. Chừ mi sang rồi, cái nhà chồng gần hơn cái mả cha mi. Răng mi không đợi tau chết rồi hãy về cho đỡ tốn tiền tàu xe, con hè?

Còn câu chuyện sau đây thì không khỏi khiến cho tôi bối rối.

Trong một lần đi Đà Nẵng công tác, tôi tình cờ biết được địa chỉ người thầy cũ của mình thời tiểu học trên 30 năm trước. Tôi đến thăm, thấy vui lắm.

- Ủ, Vũ Đức Sao Biển đó hả? Em ngồi đi.

Rồi thầy pha trà, đem trái cây cho tôi ăn, lại kêu các người con ra nhìn mặt “nhạc sĩ mà mấy đứa bay từng ái mộ”. Trong cuộc trò chuyện, thầy nhắc đến từng người

học trò đã học với thầy năm 1959, trong đó có anh H, đại tá. Ngày xưa thầy từng rất thương yêu anh H. Giọng thầy bỗng dưng chìm xuống:

- Cái thằng H bây chừ hăn ỷ hăn là đại tá, đâu có cần ghé thăm thầy nữa!

Tôi biết thầy đang vừa nhớ vừa giận anh H, phải đỡ cho anh:

- Thưa thầy, có lẽ anh ấy bận rất nhiều công vụ.

- Công cái chi mà vụ, em? Hăn ở sát nhà thầy, đi ba phút là tới. Chẳng qua hăn thấy mình già, không thèm đến thăm mà thôi. Thăm một ông già thì đâu có sướng bằng thăm mấy đứa con gái trẻ trẻ.

Tôi hoảng quá, ngồi im. Sau đó, tôi điện cho anh H:

- Ông nên ghé thăm thầy đi. Thầy đã trên 80 tuổi rồi. Ông không ghé thăm, để sau này thầy qua đời thì không còn ai mà thăm nữa đó.

Tôi bây giờ đã là một ông già Quảng Nam thứ thiệt. Tôi cố giữ cho lòng mình không giận ai, không ghét bỏ ai trong mọi mối quan hệ, kể cả quan hệ thầy trò. Thời tôi dạy ở Bạc Liêu, anh Trần Hồng Việt và anh C cùng học một cấp lớp, cùng tham gia đi bưng vào khoảng năm 1974. Anh Trần Hồng Việt bây giờ là phó trưởng đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hậu Giang. Anh C là bí thư quận ủy một quận ở thành phố.

Anh C ở gần tôi nhưng trong 35 năm qua, tôi chỉ gặp được anh một lần, trong một hội nghị. Anh Trần Hồng Việt ở xa tôi trên 250 cây số nhưng chúng tôi thường gặp nhau, đặc biệt là trong những dịp tỉnh Bạc Liêu tổ chức lễ hội, anh thường rủ tôi cùng về. Thậm chí khi hay tin tôi đi công tác ở Bạc Liêu, anh Việt dù đang bận họp tại Hà Nội cũng điện về nhờ các vị đại biểu Quốc hội tỉnh Bạc Liêu ghé thăm tôi xem tôi ăn ngủ thế nào.

Xuân Canh Dần 2010, anh Trần Hồng Việt gọi điện chúc Tết tôi, một câu chúc Tết xứng đáng được ghi vào... guinness:

- Thầy ơi, em xin chúc thầy sống lâu đúng 100 tuổi. Thầy đừng sống tới 120 tuổi nghe thầy, bởi vì lúc đó tụi em... chết hết rồi! Đám ma thầy mà không có học trò bọn em đi đám, sẽ buồn lắm!

Nghe anh Trần Hồng Việt chúc Tết ngộ nghĩnh, tôi cũng cao hứng:

- Tôi cảm ơn anh. Tôi sẽ sống đến 65 tuổi thôi để các anh chị còn đến đây đủ viếng đám ma cho vui.

Nhiều khi, tôi nhớ và mong gặp anh C. Rồi tôi tự nhủ: Chắc là anh C bận bịu nhiều công vụ quá.

Cha tôi dạy tôi đừng nên nói gay với ai. Mỗi người có một hoàn cảnh, một cách sống. Cha nói đôi khi vì hoàn cảnh, vì cách sống ấy, họ có những điều khác ta mà họ không tiện (hoặc không muốn) giải bày. Vậy thì ta đừng

nên nói gay với họ, đừng lấy lòng ta đo lòng họ. Nói gay là một cách đánh người khác bằng ngôn ngữ nói. Gây tổn thương cho người khác làm gì nếu ta không muốn ai gây tổn thương cho ta? *"Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân"* - Điều gì ta không muốn thì đừng làm cho người khác - Khổng Tử nói vậy.

Sau này lớn lên, có cơ hội tìm hiểu về văn hóa Quảng Nam, tôi nhận thấy trong cách nói gay của bà con có một cái gì đó rất dễ thương. Khi nói gay, người già cũng hóa thành trẻ con. Họ hờn dỗi một cách rất hồn nhiên khiến lòng ta cảm động. Bởi trái tim trẻ con là trái tim đáng yêu nhất, chân thành nhất và hồn nhiên nhất. Và khi bị họ hờn dỗi, nói ra như thế thì ta ắt hẳn phải tự coi lại mình, xem có gì thiếu sót, có gì không đúng. Tôi cho ở chừng mực nào đó, nói gay vẫn mang tính tích cực bởi ít nhất, nó cũng khiến người ta tự nhìn lại mình, tự xét mình.

Hát bội Quảng Nam

*Hát bội làm tội người ta,
Tan cửa nát nhà cũng vì hát bội.*

Đó là một câu “thơ” quen thuộc của người Quảng Nam. Câu thơ ấy xuất phát từ vài tình huống xấu trước năm 1960. Ở thời ấy, bà con bình dân Quảng Nam chưa có nhiều phương tiện giải trí, một năm chỉ đợi đoàn hát bội về làng mình một lần để được coi hát. Một cô gái nào đó, có hoặc chưa có chồng con, lỡ mê anh kép hát đóng vai nguyên soái Địch Thanh oai hùng trên sân khấu, bèn bỏ nhà chạy theo... nguyên soái. Cho nên mới có chuyện “*Tan cửa nát nhà cũng vì hát bội*”. Giận thì nói vậy thôi nhưng đại để, hễ là một người Quảng Nam thì phải biết

mê hát bội (như bà con Nam Bộ mê cải lương). Không mê hát bội, không ra hồn vía người Quảng Nam.

Về căn cơ, hát bội Quảng Nam là một loại hình sân khấu tuồng manh nha từ thời các chúa Nguyễn vào khai phá vùng Thuận - Quảng, lập ra nước Đàng Trong. Đào Duy Từ được coi là ông tổ nghề hát bội miền Trung và Quảng Nam. Đến thời ông Đào Tấn (Bình Định, miền Trung) và cử nhân Bùi Hữu Nghĩa (Gia Định, Nam Bộ) viết ra những tuồng tích chính quy thì hát bội thực sự phát triển mạnh trên đất Quảng Nam. Hát bội trở thành loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống. Người ta thường tổ chức hát bội trong các lễ hội hay cúng kỳ yên (cầu an) xuân thu.

Người Quảng Nam thường... cãi nhau về tên gọi hát bội hay hát bộ. Có người bảo vệ tên gọi hát bội bởi trong nghệ thuật hóa trang, đào kép phải đeo, phải giắt (bội) những cờ phướn, lông công, lông trĩ... lên người. Có người bảo vệ tên gọi hát bộ bởi chủ yếu trong cách diễn, đào kép phải ra bộ (geste) nhiều. Chỉ một câu tẩu mã gồm năm chữ "*Nhứt khứ đáo Trường An*" – *Một đi là đến Trường An*, anh kép hát đã có thể diễn trong một phút. Anh đi vòng vòng trên sân khấu, đưa chân đá giáp rồi quất roi ngựa vào chân mình để thể hiện động tác đi ngựa. Cái chủ yếu ở đây không phải là câu văn để hát mà là động tác để ra; cho nên gọi là hát bộ.

Quảng Nam mà, phải cỡi một chút cho vui, dù chi là một chữ bội hay bộ. Theo nhà nghiên cứu Vũ Khắc Khoan, cả hai tên gọi ấy đều đúng.

Tuồng hát bội gồm hai thứ. *Tuồng pho* là những vở tuồng chính quy, lấy sự tích từ trong sách sử (phần lớn của Trung Quốc) để viết ra. Thí dụ ông Đào Tấn viết *Địch Thanh ly Thận, Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Phụng Nghi đình, Sơn hậu, Phúc Lộc Thọ*; cử nhân Bùi Hữu Nghĩa viết *Kim thạch kỳ duyên...* Văn chương tuồng pho là văn chương bác học, đặc biệt rất nhiều câu biên ngữ viết bằng Hán văn rất nghiêm túc nên yêu cầu người hát và người coi phải có một trình độ hiểu biết Hán văn nhất định.

Tuồng đồ là những vở tuồng được viết với chữ Nôm hay Quốc ngữ, nội dung lấy từ những sự tích văn chương trong văn học Việt Nam cải biên thành tuồng. Tuồng đồ nặng về giải trí, giàu tính hài hước nên đáp ứng đông đảo thị hiếu và trình độ thưởng ngoạn của người bình dân. Thí dụ các vở *Nghêu sò ốc hến, Trần Bô, Trinh thử...* Có lẽ vì mặc cảm cải biên từ văn chương người khác nên các tác giả của tuồng đồ không để lại danh tính. Điều này cũng là lý do cắt nghĩa tại sao tuồng đồ hay thất truyền và ít được những người có chữ nghĩa xem trọng.

Hát bội là nghệ thuật nặng tính ước lệ. Kép vẽ mặt đỏ hay trắng, râu ba chòm sông là người trung. Kép vẽ mặt



Phước Lộc Thọ đầu xuân.

đen, vắn vện, râu quai nón là người nịnh. Kép nào ra sân khấu từ cánh gà tay mặt đều sống tới cuối tuồng, dầu có bị gian nịnh hãm hại, bỏ vào cối mà già cũng không chết. Kép nào ra sân khấu từ cánh gà tay trái cũng phải chết giữa tuồng, dầu làm tới hoàng đế đi nữa. Ấy bởi vì cánh gà tay mặt là sinh môn (cửa sống) còn gọi là Tống môn; cánh gà tay trái là tử môn (cửa chết) còn gọi là Phiên môn.

Trước năm 1965, Quảng Nam có ba đoàn hát bội lớn là Ý Hiệp miền Trung của kép Long Trọng, Tân Ca ban của cặp đào kép Túy Nguyệt - Trường Thành và Tân Thành ban. Ngoài những đoàn chính quy ấy, tại các huyện, xã của

Quảng Nam cũng có những ban hát bội chuyên nghiệp chính quy khác nhỏ hơn. Thí dụ làng Lạc Câu (Bình Sa, Thăng Bình, Quảng Nam ngày nay) có hẳn một ban hát chính quy, trình độ nghệ thuật không xa Tân Ca ban là bao nhiêu. Chẳng qua thời ấy phương tiện giao thông khó khăn, lại chưa có ai nghĩ đến công việc quảng cáo tiếp thị nên tiếng tăm và tài hoa của các đoàn hát cấp huyện xã không được vang xa. Người dân cũng còn nghèo, một năm mới chỉ dám mời đoàn hát về một lần hát vài ba đêm. Tuồng tích còn rất hiếm hoi, chỉ chừng mười vở, hát đi hát lại hoài. Chính vì thế mà các ban hát không phát huy được tài năng và danh tiếng.

Làng tôi (Duy Vinh, Duy Xuyên, Quảng Nam) là một làng nghèo nhưng cũng có được một ban hát bội. Người chủ trì ban hát nghiệp dư này là ông xã Thám. Tên thật của ông là Võ Minh, trước năm 1945 là lý trưởng của làng. Ông xã Thám giỏi chữ Hán, thuộc nhiều tuồng tích, vừa là đạo diễn, vừa là diễn viên. Sau ông Thám, có ông Là, một người dẹt chiếu chuyên thủ vai kép độc và bà Châu, một phụ nữ bình thường chuyên thủ vai đào thương. Ban hát bội không chuyên này mỗi năm hát được vài đêm, không nhận thù lao. Sự có mặt của họ cũng đỡ buồn cho bà con đói văn nghệ. Nhân dân làng tôi có câu “thơ” khen ngợi họ:

*Có tiền rước bạn Lạc Câu,
Không tiền thì rước bà Châu, ông Là.*

Hiện nay, làng tôi vẫn còn đội văn nghệ quần chúng chuyên hát bội. Họ biểu diễn những trích đoạn trong các vở tuồng cổ, hát theo phong cách của hát bội chính thống. Đội đi phục vụ trong xã, tham gia cùng các xã khác trong hội diễn của huyện và đạt những giải thưởng văn nghệ quần chúng.

Trên đất Quảng Nam, Quế Sơn là huyện có nhiều ban hát bội nhất, kể cả nghiệp dư và chuyên nghiệp. Truyền thống ấy được giữ cho đến ngày nay. Xã nào cũng có đội văn nghệ chuyên hát bội và họ hát bội rất... Quảng Nam. Nghĩa là họ không hát theo kiểu dân ca, cải cách, pha thêm những đoạn theo phong cách cải lương Nam Bộ vào. Họ phát âm rất ròn giọng Quảng Nam, nghe rất sướng tai.

Hát bội là loại hình sân khấu phù hợp tỳ vị người Quảng Nam. Vì thế những khi nghe có đoàn hát bội về làng, người dân hân hoan chờ đợi, đón nhận, đi xem. Làng nào có gánh hát về là làng ấy có lễ hội. Không khí hội hè ấy lan sang những làng bên cạnh. Bà con chỉ đợi chiều xuống, cơm nước xong là thấp đuốc, chèo ghe đi coi hát bội.

Sân khấu dã chiến được làm trước đó trên một khuôn viên lớn hay một bãi đất trống. Nếu có bán vé, người ta lấy cót (Nam Bộ: cà tăng) che chung quanh khu vực để ngăn chặn nạn... coi hát cọt. Nếu không bán vé, gọi là *hát hiển*, người ta không che chắn gì cả. Thời ấy chưa có điện, các đoàn hát phải dùng máy phát điện chạy xăng. Máy đời

cũ, điện đóm chạy cà giựt, mạnh yếu đột xuất khó lường; khói phun khét lẹt. Không sao cả, miễn có điện là tốt rồi.

Phía dưới sân khấu, bên góc tay phải, người ta luôn luôn bố trí một cái trống châu và một khay thẻ để phục vụ... những ông già mê cầm châu. Vị nào muốn tốn tiền thưởng cho đào kép, muốn oai phong lẫm liệt ra vẻ tay chơi sành điệu, xin cứ thoải mái ngồi vào ghế đó mà cầm châu. Người cầm châu phải có trình độ thưởng ngoạn cao cường, phải biết gõ tang trống để chê đào kép hát sai, hát dở; phải biết vỗ dõn trống để khen hay. Mỗi khay thẻ quy định là bao nhiêu tiền; ai vỗ mấy khay cứ vậy tính ra tiền thưởng cho đào kép.

Cá biệt có những ông già nghèo mà ham chơi, sẵn sàng đi cầm châu một đêm để sau đó, cong lưng làm việc ba tháng. Giữa họ và vợ họ có thể phát sinh những màn cãi vã nảy lửa. Có khi, trận cãi vã diễn ra ngay tại đêm hát bội, trước... ba quân tướng sĩ. Trong trường hợp đó, khán giả được xem một xuất hát thứ hai, tình tiết nóng nực hơn xuất hát trên sân khấu. Nói chung, tính hay cãi của người Quảng Nam đã thật sự đi vào sân khấu hát bội.

Phía sau ghế cầm châu là hai hoặc ba hàng ghế danh dự giành cho các bậc thân hào nhân sĩ trong làng. Nói ghế danh dự là nói cho oai chứ thực ra, chỉ cần mấy chiếc băng dài kê cho có lệ. Trời tháng 4 tháng, 5 dương lịch nóng nực nhưng các thân hào nhân sĩ vẫn áo dài khăn đóng đi coi

hát bội. Ấy bởi vì họ là những con người biểu tượng của làng xã. Tính văn hiến thể hiện qua cách họ ăn mặc, nói năng với nhau trong đám hát.

Phía sau mấy hàng ghế danh dự là những bà con bình dân và trẻ con. Ai thận trọng cầm theo được chiếc ghế có quyền ngồi; ai không có ghế cứ tự ý đứng ngồi tùy thích. Đám đông bao quanh thành một vòng trước sân khấu, hồi hộp chờ đợi xem tuồng. Mấy tay thanh niên nghịch ngợm chen vào chỗ các cô gái để có dịp là nắm tay, sờ đùi. Cái nhả và cái tục luôn luôn có trong một đêm coi hát bội.

Mấy ông già lựu đạn trong làng thường dạy đám thanh niên cách... đứng coi hát. Ấy là cứ tìm vào chỗ đông phụ nữ trẻ, chen vào mà đứng. Say mê hát bội là một chuyện nhưng hai tay phải để ra... sau hông. Người phía sau lấn tới, hy vọng có thể bắt được một... con Bạch huê. Trong ngôn ngữ Quảng Nam, con Bạch huê có nghĩa là bộ phận sinh dục nữ. Cho nên, trong đêm hát bội nào cũng xảy ra chuyện cãi vã, mắng chửi. Chủ yếu là phụ nữ cãi cọ và chửi mấy anh thanh niên hoang nghịch. Con Bạch huê được mô tả như vậy:

*Hoa phi đào, phi cúc,
Sắc phi lục, phi hồng.
Không cành, có cuống có bông,
Ở trong có nhụy, bốn bên vòng có tua.
Nhà dân cho tới nhà vua,*

*Ai ai cũng muốn cười mua để dành!
Từ tôn do thử nhi sanh,
Bạch huê mỹ hiệu xin phành ra coi!*

Đoàn hát diễn những gì? Nếu đó là một cuộc biểu diễn đầu năm, sau ngày tết trước lǎng thờ bà Thu Bồn, họ phải hát một tuồng ngắn, có nội dung cơ bản chúc lǎnh năm mới là *Phúc Lộc Thọ*. Điều này đã trở thành quy ước không thể du di được. Tôi đã từng bị coi đến ba lần tuồng này, ngán muốn chết nhưng lại vẫn cứ đi coi. Hát bội như chất gây nghiện; không coi, e rằng người ta có thể chết được. Những đêm sau đó, đoàn hát tự do. Đào kép đủ tới đâu, phù hợp với vở nào, xin cứ thoải mái hát vở ấy.

Như tôi đã nói, thời ấy tuồng tích rất hiếm hoi. Gần như ban nào, đoàn nào cũng chỉ qua lại những *Ngũ hổ bình Liêu, Sơn hậu, Trám Trịnh Ân, Lưu Kim Đính giải giá Thọ Châu, Kim thạch kỳ duyên...* Các ban, đoàn cứ vậy mà hát đi hát lại. Nghe riết, bà con đâm ra... thuộc tuồng. Đào kép chưa hát tới, họ đã hiểu ra sẽ hát lớp gì, nhân vật nào sẽ lên chức nguyên soái, nhân vật nào sẽ bị giết. Thuộc thì thuộc vậy nhưng họ cũng ráng đi coi hát. Một năm lao động miệt mài chỉ có vài ngày được giải trí thành thơi, bỏ qua rất uống. Và chẳng, phải coi hát bội mới kiện toàn được kiến thức về câu chuyện mà kể cho con cháu nghe.

Nạn thuộc tuồng lại đưa tới một hệ quả khá buồn cười. Có những đào kép mới lên sân khấu vài lần, chưa thuộc

tuông tích, hát cương hát ầu. Một khán giả nào đó thuộc tuông, nghe câu hát không đúng, chống nạnh đứng lên cãi ngay: “Ê, hát cái chi rứa? Hát rứa mà nghe được hử?”. Đào kếp què chết đi được. Quảng Nam hay cãi mà. Hát sai văn chương là phải cãi.

Có những ban thuộc loại bầu Tèo, thiếu đào kếp phải vá víu, mời luôn đào kếp không chuyên tới hát. Hát trong trường hợp này, các đào kếp mới không thuộc tuông, đành phải nhờ một người đứng sau cánh gà nhắc tuông. Nhân vật đứng nhắc tuông được gọi là ông nhưn. Ông nhưn là một tay tương đối có chữ nghĩa, mắt phải nhanh, miệng phải lẹ. Tuy nhiên, tuông tích thì không có bản chính; bản chép tay thì nhòe nhoẹt rách rưới. Ông nhưn lại cũng không đủ trí thông minh để viết ra những câu biên văn mới có vẻ đối hoàn chỉnh, nghiêm túc như văn chương của người xưa. Vả chăng, dưới ánh đèn mù mờ thì chữ tác có thể đánh lộn ra chữ tộ. Cho nên, các ông nhưn đành phải chơi theo chủ nghĩa công thức.

Công thức thế này: Bất cứ tuông nào trong đó có trường hợp vợ chồng hay tình nhân chia tay, đào (kếp) cũng có quyền hát đại:

*Phu quân ơi (Phu nhân ơi)
Sơn cách, thủy cách, tình nan cách,
Tinh di, nguyệt di, chí bất di...
Cổ quốc bồi hồi thiên lý nguyệt,*

Cựu gia trù trưởng ngũ canh kê...
(Núi cách, sông xa, tình chẳng trở,
Sao đời, trăng đổi, chí không thay.
Trăng ngàn dặm, bụi ngùi hồn nước cũ,
Gà năm canh, eo óc tiếng nhà xưa).

Thế nhưng, qua những đoạn có nhân vật hài hước ra sân khấu, tuồng tích viết bằng văn Nôm thì lạ thay, cả đào kép và ông nhưn cùng thuộc một cách trôi chảy. Trong trường hợp đó, đào kép tự tin, hát và diễn trơn tru. Ông nhưn khỏi nhắc tuồng, lấy khăn mùi xoa lau mồ hôi trán và tranh thủ nghỉ ngơi tại chỗ. Thí dụ nhân vật trùm áp vừa làm biếng, vừa hèn lại vừa dâm dăng sau đây trong *Kim thạch kỳ duyên* của cử nhân Bùi Hữu Nghĩa thì kép hài nào cũng thuộc:

*Hương thôn chỉ một tui,
Trùm áp xưng chức mỗ.
Như tui đi làm ri đây là:
Nghe quan đòi, rút cổ,
Thấy lệ tới, lắc đầu.
Điều lính thời tui giả mới đau,
Đóng thuế lại mỗ rằng chưa mạnh.
Ở dưới làng, chảnh ngoảnh,
Lên tới tỉnh, bản xừ.
Lính kêu, tôi chẳng dám ừ,
Lệ biểu, thì tôi phải dạ.*

Ấy vậy mà:

*Chẳng chừa con mẹ góa,
Nào luận gái có chồng.
Chứng máu dê người đã tỏ lòng,
Sinh bụng chó chúng đều biết mặt.
Đây... Biết... i... i... mặt.*

Có những vở tuồng bị vá víu đào kép, ông như đứng nhắc tuồng sang sáng. Khán giả nghe nhắc tuồng rất rõ mà đào kép trên sân khấu lại không nghe nên lời nhắc tuồng đi một đường mà đào kép hát một nẻo. Không sao cả. Hết lớp đó là đào kép vào; tới lớp sau đào kép chuyên nghiệp thuộc tuồng ra; đêm hát vẫn trơn tru.

Người Quảng Nam đi coi hát bội khá nghiêm túc. Họ ngồi im để nghe hát, gặp những đoạn *thán* hay, gây cảm xúc thật sự thì vỗ tay tán thưởng. Tiếng hát trên sân khấu, tiếng dàn nhạc chơi sau màn, tiếng trống châu vãi thè cộng với tiếng vỗ tay tán thưởng tạo ra một không khí rất đặc trưng mà chỉ có sân khấu hát bội mới có. Người Quảng Nam đi coi hát bội là để được hòa mình, được “sống” trong không khí đó. Chính vì thế mà những loại hình sân khấu khác, dù cũng được người Quảng Nam hân hoan đón nhận, nhưng chỉ được xếp ở hạng nhì, hạng ba.

Đêm hát vãn, ai về nhà nấy. Tiếng guốc dép, tiếng cười nói, tiếng bàn tán xôn xao đường làng. Người ta hồi hộp chờ đợi đêm hát kế tiếp. Đánh trúng tâm lý đó, nhiều

đoàn hát chơi ác: Một đêm chỉ hát nửa tuồng, đêm sau hát tiếp. Vỡ cái lương *Khi hoa anh đào nở* được chuyển thể sang hát bội đã bị đoàn Tân Ca ban cắt ra diễn thành hai đêm khiến bà con chợ Bàn Thạch lo muốn chết, không hiểu số phận và mối tình của anh Tô Điền Sơn ra làm sao!

Đừng tưởng hát bội không gây ra thù oán. Có những đoàn hát xét vé kỹ quá, không cho bọn trẻ con đi kèm theo người lớn vào coi hát. Vậy là mấy đứa trẻ rấn mắt trả thù. Chúng nhổ cây bắp, bỏ hết lá, rửa bộ rế, dùng làm một cây gậy. Chúng nhúng rế bắp vào (xin lỗi) cứt gà sấp rồi đợi khi đoàn hát mất cảnh giác, chúng lén vào hậu trường. Chúng đưa cây gậy bắp lên chỉ vào các bộ râu: “Râu này là của ông trung nể, râu này là của ông nịnh nể”. Chỉ cần một chút cứt gà sấp dính vào bộ râu, đêm đó anh kếp hát dở ẹc. Cứ hít một cái đã nghe mùi phân gà, còn cảm hứng đâu mà hát nữa! Đây cũng là một... cách cãi của trẻ con khi không được coi hát bội.

Đời hát bội đúng là đời nghệ sĩ giang hồ. Trừ đào kếp chính được hưởng thù lao kha khá, những đào kếp còn lại và anh em nhạc công, hậu đài, ánh sáng sống thật vất vả. Họ là những người không được ngủ đầy đủ, phải thức khuya nhất, phải dậy sớm nhất. Căn bản, họ không có tiền cho nên phải ăn thiếu, ghi nợ. Sau một đêm hát, từ vua nhà Tống tới công chúa nước Thộn Thộn, từ nguyên soái Địch Thanh tới anh hề đều xiù co mặt mũi, ngáp ngán

ngáp dài. Có người lo nấu cơm ăn, có người sà đại vào hàng quán có gì ăn nấy rồi... ghi nợ.

Trên sân khấu, họ là những hoàng đế, hoàng hậu, công chúa, nguyên soái, thái sư oai hùng. Giữa đời thường, họ là những người nghèo hoặc vừa đủ ăn, cuộc sống lưu diễn có vẻ vất vả và cực nhọc. Có khi nguyên soái mượn cái nồi nấu nước mà anh lính hầu không cho, còn cự cãi rùm trời. “Sáu, mi cho tau mượn cái nồi chút xí”. “Làm chi?”. “Tau nấu nước pha trà”. “Nồi chi mượn hoài rứa ông. Có giỏi thì đi mua nồi mà nấu chớ”. “Ờ, chút nữa tau đi mua”. “Vậy chút nữa ông hãy nấu nước pha trà. Làm tới nguyên soái mà không mua nồi cái nồi, thiệt tức cười”. “Đừng nói hỡn. Mi cười cái chi?”. “Tui cười miệng tui chớ tui có cười ông mô?”. Có khi, công chúa và cô cung nữ ngoan ngoan đem qua cãi nhau vì chuyện giành chỗ phơi áo quần khiến nhà vua cũng bó tay, không can thiệp nổi. Cá biệt, có anh kép chính ngon cơm, chải đầu brillantine láng mượt, hay lượn lờ đầu đó với một bà vừa chết chồng. Rồi dùng một cái, anh kép bỏ đoàn ra đi và bà quả phụ trẻ cũng vắng bóng!

Bà con bình dân bày tỏ tình cảm cũng rất lạ. Có bà con coi hát xong, ghét thói nịnh của thái sư Bàn Hồng trong vở *Địch Thanh ly Thận*. Sáng hôm sau, anh kép đóng vai thái sư Bàn Hồng đi chợ, chẳng những họ không chịu bán hàng, lại còn lên tiếng sỉ vả. Vậy là có một màn cãi vã xảy ra. Kép hát: “Chị bán cho tui hai hột vịt đi”. Chủ hàng:

“Ừ. Ý ủa, y như tuổi qua, anh đóng vai thái sư Bàng Hồng phải không?”. “Dạ phải”. “Cái mặt nịnh thần chi mà dễ ghét. Thôi ông đi chỗ khác mua đi ông. Tui không bán. Làm tới thái sư mà đi mua hột vịt”. Tất nhiên bà con có sự nhầm lẫn giữa nhân vật trong tuồng tích và con người thật giữa đời. Nhưng tôi nghĩ lại, sự bày tỏ tình cảm yêu ghét như thế cũng rất Quảng Nam.

Và tôi cũng mừng dùm cho anh kếp hát. Trình độ diễn xuất của anh cao cường thì mới lột tả được tính cách của nhân vật, khiến người ta ghét lây con người thật của anh. Nếu anh diễn xuất qua loa, lấy lệ thì người ta đã cười và vui vẻ bán hàng cho anh rồi. Cho nên trong trường hợp này, tiếng cãi cọ, xỉ vả quý giá hơn nụ cười thân thiện!

Phương ngữ QUẢNG NAM

Tiếng Quảng Nam có âm vị mặn mà.

Người Quảng Nam vốn ngôn từ thiết tha.

Mở rộng vòng tay và gắn kết tim ta.

Hồn quê em Quảng Nam nằm trong sắc rượu đậm đà.

VŨ ĐỨC SAO BIỂN - RƯỢU HỒNG ĐÀO

Một cách khái quát, trong ngôn ngữ nói của người Quảng Nam, có một số phương ngữ trùng hợp với phương ngữ chung của nhiều tỉnh miền Trung như Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Đà Nẵng. Đó là các từ ngữ như ở mô (ở đâu), đặng tê (đằng kia), cái chi rứa (cái gì vậy), con khộn (con khi), xa ngái (xa lắm)...

Đất Quảng Nam phần lớn là rừng núi và vùng bán sơn địa, nhiều sông suối đèo dốc nên địa hình khá hiểm trở. Tổ phụ của người Quảng Nam phần lớn là người Thanh Hóa - Nghệ An. Trên 500 năm trước, theo bước chân tuần du của vua Lê Thánh Tông, họ về phương Nam khai phá đất đai, lập làng mới. Những người đến trước thường chiếm vùng đồng bằng ven biển bởi đất đai ở đây dễ khai phá hơn. Những người đến sau phải đi dần lên vùng bán sơn địa và miền núi. Lịch sử của con người nói chung và của con người Quảng Nam nói riêng là phát triển từ Đông sang Tây. Đông là hướng biển, Tây là hướng rừng núi Trường Sơn.

Trước năm 1975, phương tiện giao thông chưa có nhiều, phương tiện truyền hình phát thanh lại càng hiếm. Người ta ở đâu thì ở đó, ít đi lại với nhau, ít nghe nhau nói. Có người suốt đời không có dịp đi ra khỏi làng mình. Họ nói thứ ngôn ngữ mà tổ phụ và bà con chung quanh họ thường nói. Chính vì thế nên hệ thống phương ngữ Quảng Nam gần như được bảo lưu trọn vẹn. Địa hình hiểm trở khiến ngữ thanh của từng địa phương nhỏ cấp huyện, xã, thôn rất khác nhau. Chỉ trong một địa bàn Quảng Nam, những bà con vùng nguồn nói, vùng biển chưa chắc đã nghe được.

Tôi nhớ có một ông ở Sơn Lãnh (Quế Sơn) gánh nôi đất xuống tận chợ Bàn Thạch (Duy Xuyên) bán. Buổi trưa nóng nực, chợ chưa đông, ông ngồi than thở với cha tôi;

- Tôi ở Sơn Lành, đi qua Sơn Thạnh xuống đây bán nôi đất. Chưa bán chi được mà nó trợt cái oách, bể hai cái trách một cái vung.

Ông nói rất nhanh, đặc biệt khi phát âm các từ có nguyên âm A như *Lành, Thạnh, bán, đất, oách, trách* thì ngữ thanh rất gần với ngữ thanh của bà con Thanh Hóa. Sau này có dịp thâm nhập, tôi mới biết bên kia đèo Le của Quế Sơn, có những làng mà tổ phụ là người Thanh Hóa. Bởi quần cư sau một ngọn đèo hiểm trở, điều kiện đi lại khó khăn nên bà con ít khi đi khỏi làng mình. Sự giao lưu ngôn ngữ không có nên có những âm rặt của người Thanh còn được giữ lại dù bà con đã sống giữa lòng Quảng Nam trên 500 năm.

Bà con vùng Tiên Phước phát âm những chữ có vần *Ôi* thường cho ra âm vị *Oôi* rất dễ thương. Nếu bạn may mắn gặp được một cô gái Tiên Hà xinh đẹp phát âm những âm vị này, e rằng bạn khó bỏ xứ Tiên Phước mà đi. "*Trời tối rồi, anh nên về đi thôi*" - cô bảo bạn như vậy. Nhưng xin bạn chớ dại dột mà bỏ đi thiệt. Bởi "*Nhút gái Tiên Hà; nhì gà Tiên Lành*". Bạn đến Tiên Phước mà không chiêm ngưỡng vẻ đẹp và nghe ngữ thanh duyên dáng của cô gái Tiên Hà, không ăn món gà Tiên Lành xé phay trộn rau răm với cháo là sai lầm nghiêm trọng!

Tuy nhiên, ngữ thanh (âm vị) chỉ là cái vỏ bên ngoài. Chính hệ thống phương ngữ mới quyết định nội hàm của



Tuổi trẻ Quảng Nam vẫn giữ được phương ngữ.

ngôn ngữ Quảng Nam. Tôi sẽ bắt đầu bàn qua phương ngữ theo thứ tự alphabet, giải thích ngữ nghĩa và đặt từ ấy trong văn cảnh cụ thể để các vị bạn đọc tiện theo dõi. Có những từ về âm vị, người Quảng Nam nói đúng theo âm vị các vùng miền khác nhưng ngữ nghĩa thì rất Quảng Nam. Chúng tôi cũng đưa các từ này vào trong phương ngữ Quảng Nam.

- *Ang*: Đơn vị đo lường, tương đương 30 lít. Ang được đan bằng nan tre, có hình khối chữ nhật, thường được dùng để đong gạo, lúa.

Miếng ruộng này gặt được khoảng mười ang lúa.

- *Áng*: Một đồ dùng để chứa nước, thường được đúc bằng xi-măng. Áng có miệng to, đáy nhỏ, dưới đáy có ba chân, được trổ một lỗ lù để thoát nước.
Rồi, không để cho vợ hỏi lời thôi nữa, ông Trùm ra áng múc một miếng nước súc miệng.
(Hai tướng hát bội - Vũ Đức Sao Biển)
- *Ba xăng khao*: Tào lao, ăn nói vớ vẩn.
Thằng X là thằng ba xăng khao.
- *Bá láp, bá xàm*: Nói năng bậy bạ, sai trái. Không có nghề nghiệp gì.
Thôi đừng nói bá láp bá xàm nữa.
Bá nghệ bá tri, vị chi bá láp.
- *Bá vợ*: Tào lao. Không đáng tin.
Thằng đó nói toàn chuyện bá vợ.
- *Bàn hình*: Máy chụp ảnh. Sở dĩ máy ảnh được phong lên thành “bàn” bởi ngày xưa, chiếc máy Leika do Đức sản xuất rất to lớn, công kênh. Người chụp đứng sau nó, phủ tấm vải đen trùm đầu rồi mới ra hiệu sẽ chụp ảnh. Ngày nay, máy ảnh kỹ thuật số đã gọn nhẹ nhưng nó vẫn được gọi là... bàn hình. Gọi vậy cho oai!
Anh đem cái bàn hình chụp cho em một tấm ảnh đi.
- *Bàn thọa*: Học bàn.

Cha để giấy tờ của con trong cái bàn thọa nớ.

- *Bành chát, bành sư, bành sư chát: Cái gì to lớn quá khổ.*

Củ khoai từ bành sư, nặng tới mười ký.

*Cái gì của ông Phó Bảy cũng quá khổ, cũng rùng rợn,
cũng to bành sư chát.*

(Con cá vược - Vũ Đức Sao Biển)

- *Bảy đáp: Danh từ chung chỉ những người chuyên mổ heo.*

*Không thương ai bằng thương anh bảy đáp,
Ảnh làm heo rồi mình có tim, có cật mình ăn.*

(Hát ru con Quảng Nam)

Bảy đáp táp... heo.

(Thành ngữ Quảng Nam)

- *Bị: Cái túi áo (dính liền với áo).*

Chị lựa những trái sim chín nhất, to nhất bỏ vào bị cho em. (Hoa sim thời phiêu lãng - Vũ Đức Sao Biển)

- *Bủng: Trạng thái của người bị phù thủng.*

Tiết đông thiên, ông Út ổng bủng.

- *Chuối: Cây chổi quét nhà.*

Mi cầm cái chuối suốt cái nhà coi!

- *Chừ: Bây giờ.*

Chớ chừ ông đi mô?

(Hai tuồng hát bội - Vũ Đức Sao Biển).

- **Cúp:** Hớt tóc (phiên âm động từ couper trong tiếng Pháp).

Anh Sáu là thợ cúp.

- **Cược:** Đi rồi.

Sau vụ nớ, hấn bỏ làng cươc luôn.

- **Dá:** Nhứ để dọa nhưng chưa đánh (hư chiêu).

Một cái dá bằng ba cái đánh.

(Thành ngữ Quảng Nam).

- **Dận:** Bận rộn.

Tôi dận quá, không đến chơi với anh được.

- **Điều:** Cái bầu chứa thóc gạo trong thực quản của gà vịt, trước khi đưa các loại thức ăn đó xuống mề.

Con Út hấn về ních no một điều rồi đi mất.

- **Dị:** Xấu hổ, mắc cỡ.

Ăn mặc hở hang rúa mà không biết dị.

Hôm qua, em đi vô toa-lét, lúc ra lại quên kéo phọc-mơ-tuya. Trời ơi, dị chi mà hấn dị!

- **Diễn:** Trạng thái của chiếc nón lá đẹp, nhìn thích mắt.

Chiếc nón này diễn lắm.

- *Dớn*: Tên một loài rau họ tảo, mọc ven bờ sông, bờ suối các huyện miền cao.

*Mùa này canh rau dớn,
Ngọt ngào tươi hơn hớn,
Chờ bàn tay em hái dâng cho người.
(Xuân ca vô tận - Vũ Đức Sao Biển)*

- *Dũm*: Loại nắp nhỏ làm bằng đất sét nung để đậy hũ mắm (tĩn mắm) rồi khấn lại bằng xi-măng hay mật rỉ đường.
Mặt hấn thun lại như cái nắp dũm.

- *Đà: Đã.*

*Đất Quảng Nam chưa mưa đà thấm,
Rượu Hồng đào chưa nhấm đã say.
Bạn về năm nghĩ gác tay.
Hỏi nơi mô ơn trượng nghĩa dày cho bằng đây.
(Ca dao Quảng Nam)*

*Trang hồng kim hải ra hoa,
Trở bông mùa phượng cũ đà hồ phai.
(Mùa phượng cũ - Bùi Giáng)*

- *Đầu dẫu*: Đầu không đội nón.
Trời nắng chang chang mà mi đi đầu dẫu rứa Tèo!
- *Đùm*: Khúc. Ngắn ngắn. Ngắn.
*Mía được chặt ra thành từng đùm.
Người chi mà đầu đuôi có một đùm.*

- *Đường đượng*: Trạng thái của cái lưng to, mập mạp.
Ăn uống cho lắm rồi cái lưng đường đượng.
- *Giú*: Giấu. Che giấu.
Trò mô giú quyển sách của trò X thì đưa ra.
Cái chuyện động trời như rúa tại răng mi giú cho hăn?
- *Gù (gò)*: Tán, tán tỉnh. Nói dịu dàng để lung lạc người khác.
Mi lại đây, tau bày cho cách gù gái.
Hăn gù răng không biết mà mượn được bà Hai đến 6 triệu đồng.
- *Hâm hình*: Trạng thái của đồ vật chông chênh, không cân đối chắc chắn, người đứng lên có thể té ngã.
Cái bàn đang hâm hình, đừng có đứng lên đó.
- *Hỷ*: Nhé, nhá. Vây (thường đứng cuối câu).
Anh về em hỷ.
Đang ở mô rúa hỷ?
Mạnh giỏi không hỷ?
- *Hoang*: Nghịch ngợm. Nói bậy bạ chuyện tình dục.
Thích tình dục.
Mi nói mi hoang hả? Mi hoang răng bằng tau?
(Bốn Chính - Vũ Đức Sao Biển).

Cái thằng đó hăn nói hoang lăm.

Mới 30 tuổi, ông đã có bốn đứa con. Đúng là hoang sớm.

- *Họ: Người ta. Đại danh từ nhân xưng ngôi thứ nhất.
Đi đâu mà bỏ họ ở nhà một mình?*
- *Hung: Quá.
Như rứa thì đúng hung rồi.*
- *Hử: (Hả) Thường đứng cuối câu hỏi, hàm ý giận dữ.
Mi có nhớ mi hứa với tau cái gì không, hử?*
- *Khí: Con người, đồ vật chẳng ra gì.
Thằng khí nó không làm được việc chi hết.
Cái xe khí này mà chạy răng được?*
- *Khía cạnh: Nói châm chọc.
Thôi, ông đừng khía cạnh tôi nữa.*
- *Khính: Chẳng ra gì (hàm ý khinh bỉ).
Cái đồ làm ăn như kính!*
- *Khò: Cái gì được kết dính lại bằng lửa.
Đào vàng ba năm, anh X chỉ kiếm được mấy chỉ vàng khò.*
- *Khu đi: Chỗ vách nhà hình tam giác đỡ lấy hai mái nhà.
Nước lụt lên rất nhanh khiến nhiều bà con phải trở khu đi
thoát ra, leo lên ngói trên mái nhà.*

- *Khù: Khờ, không biết gì.
Ba mươi tuổi mà hăn vẫn khù như con nít.*
- *Kinh: Quá.
Chu, cái ông ni dễ thương kinh!
(Quảng Nam hay cāi - Vũ Đức Sao Biển)*
- *Lả: Không đứng đắn, không nghiêm túc.
Làm con gái thì đừng có lả.*
- *Lộn thìn lộn mòng: Đầu óc hồ đồ, lộn lạo các thứ không
nhớ ra.
Mi đi chơi, tau sẽ đánh cho mi lộn thìn lộn mòng!*
- *Lù đu: Không phát triển, không lớn, không cao.
Vùng đất cát lại thiếu nước nên trồng cây chi cũng lù đu.
Mười tám tuổi rồi mà hăn lù đu như rứa đó.*
- *Mặc tịt: Mặc cỡ. Xấu hổ.
Mặc xà lỏn mà đi ngoài đường, không biết mặc tịt.*
- *Măn: Sờ sẫm. Mân mê.
Tối ba mươi Tết, Tết ba mươi,
Chông măn ngực vợ, vợ cười tươi.
Ông bà phán hỏi: Làm chi rứa?
- Vui!
(Thơ yết hậu dân gian Quảng Nam)*

- *Mít*: Dốt. Chịu thua, không trả lời được.
Anh hỏi tới chữ nghĩa thì tui mít.
Cái thằng nó đi học nhưng vẫn mít như không đi học.
- *My*: Lạ lùng, không giống ai.
Chớ mi làm cái chi mà my rứa mi?
- *Mo đài*: Vật dụng mức nước, làm bằng tàu cau, hai đầu bẻ lại trông giống một khối hình thang. Người nghèo Quảng Nam làm mo đài để mức nước giếng tắm giặt hay tát nước trong lòng ghe thuyền ra.
Bước xuống đò, ông cầm ngay cái mo đài tát nước rồi cầm cái dầm trước kìm cho đò đứng yên để khách lên.
(Ông Trưởng Nhơn - Vũ Đức Sao Biển)
- *Mỏi*: Trạng thái đói.
Mì tôm anh Tám Quảng Nam,
Khi mô mỏi bụng vô làm một tô.
(Ca dao đời mới Quảng Nam)
- *Nậu*: Người sống trong một địa phương nhất định.
Em chừ nậu rồi quê mùa,
Có thương xin anh chớ bỏ bùa thuốc em.
(Ca dao Quảng Nam)
- *Ngặng*: Nghịch ngợm
Tính thẳng đó ngặng lắm.

- *Ngặt: Khó. Khó khăn (trong Ngặt nghèo)
Anh nói cái chi nghe ngặt quá.*
- *Nhằm: Đúng, không sai.
Mi nói rứa mà nhằm đó.*
- *Nhấp: Câu bằng cách kéo miếng môi di động trên mặt nước. Nam Bộ: Câu rê.
- Nực cười chú nhấp cá trê,
Nhấp qua nhấp lại đi về cái giỏ không.
- Hứ, cầm chi cầm chẳng có lông?
Không nhiều thì ít chớ không cái nôi gì?
(Hát đối đáp dân gian Quảng Nam)*
- *Ni: Này. Bên này.
Mi cầm giùm tau cái ni.
Một dòng nước trong. Đôi bờ thương nhớ. Oi người bên
nớ. Có nhớ bên ni?
(Hoài niệm Trường Giang - Vũ Đức Sao Biển)*
- *Nớ: Đó. Kia. Bên kia.
Con đứng chỗ nớ đợi cha nghe.
Mi làm cái chi mà nhận rứa, thẳng nớ?
Nhà cha mẹ tôi bên nớ.*
- *Ngơm: Đẹp đẽ. Làm ra bộ đẹp đẽ.
Đi lễ tiệc chi mà ăn bận ngơm rứa ta?*

Ông ấy mặc áo đỏ, làm như mình ngơ mẫn!

- **Ngủm:** Chết.

Ông X đã ngủm củ tỏi rồi.

- **Nguồn:** Vùng núi. Nơi phát tích của một dòng sông.

*Em có hẹn với nguồn xưa kể lại,
Chuyện phiêu bồng yêu cánh mộng lên cao.
(Lời của nguồn xưa - Bùi Giáng).*

*Ai về nhắn với bạn nguồn,
Mít non gửi xuống, cá chuồn gửi lên.
(Ca dao Quảng Nam)*

- **Nén:** Một loại củ làm gia vị, màu trắng, tròn cỡ đầu ngón tay út, vị cay.

*Củ nén mà ướp cá chuồn,
Ăn vô một miếng người buồn cũng vui.
(Ca dao Quảng Nam)*

- **Óng:** Mất dấu.

Hẳn bỏ đi óng rồi.

- **Ô:** Đơn vị đo lường, được tiện bằng gỗ mít, dung tích khoảng 3 lon gạo. Ô được dùng để đong các thứ thực phẩm dạng hạt, có nhiều ở Quảng Nam trước năm 1975. Hiện nay, bà con đo lường bằng lít (3 lon) hay ký (4 lon).

Ổng bình mà mỗi bữa ăn hết một ô gạo nấu cháo!

- *Phỉnh*: Gạt. Nói gạt.
Ra ngô, phỉnh bà già;
Về nhà, phỉnh con nít.
(Thành ngữ Quảng Nam)
- *Quần*: Thun lại. Tên một loại ốc sông nước lợ.
Cha tôi đánh tôi ba roi, muốn quần đít.
Tôi lội sông Trường Giang, bắt được một mớ ốc quần.
- *Răng*: Sao.
Làm răng mà ông hỏi tôi như vậy?
Máu xương lở đổ biết mần răng đợi bóng sáng hôm sau
tuyết trắng như sêu băng thương nhớ.
(Xuân xanh - Bùi Giáng)
- *Ri*: Như thế này.
Em về có hỏi răng ri rứa,
Nhắm mắt đưa chân có bận liêu.
(Bờ trần gian - Bùi Giáng)
- *Rượng*: Trạng thái phát triển tình dục. Chơi bậy bạ.
Mới có mười mấy tuổi mà đã muốn rượng đực rồi.
Hồi hôm, mi đi rượng ở đâu?
- *Sè sẹ*: Khẽ khàng. Nhè nhẹ để không gây ra tiếng động.
Tôi sè sẹ mở cửa, bước ra ngoài hiên đêm.

- *Sô*: Nổi nóng (Phiên âm chữ Chaud trong tiếng Pháp)
Nghe hẳn nói, tau nổi sô muốn đập cho một đập.
- *Suốt*: Quét (nhà).
*Suốt nhà lông một, lông hai,
Suốt nhà như rửa như chưa suốt nhà.
(Hát ru con Quảng Nam)*
- *Tai*: (Động từ) Tát vào tai, vào màng tang.
Tau tai đầu mi bây chừ.
- *Tê*: Kia. Đẳng kia.
*Bên tê sông đã là vùng giải phóng của ta.
Mi tìm chị mi hả? Ở đẳng tê kia.*
- *Tê*: Kia. Làm cho cái gì ngăn lại.
*Coi tê! Coi tê! Con mẹ nữ hoàng Cléopatre nơn nường
của xứ Ai Cập du dương đã xuất hiện đó tê.
(Trăng Tỳ hải - Bùi Giáng)
Để tôi tê bớt cái cán cước ni.*
- *Tuối*: Tối.
Trời sắp tối, đàn gà nhảy lên chuồng.
- *Thụi*: Đấm bằng tay (quyên). Cái túi áo.
*Tui thụi cho nó mấy thụi.
Bỏ kẹo vào thụi của em đi.*

- *Thùng diêm*: Hộp quẹt. Ngày trước, bà con dùng hộp quẹt giấy, có nhiều que đầu gắn diêm sinh. Nay, loại quẹt này không còn phổ biến; bà con chuyển sang dùng quẹt gas nhưng vẫn kính trọng gọi cái hộp quẹt là thùng diêm.

Ông cho mượn cái thùng diêm một chút.

- *Trớ*: Né. Tránh.

Lỗi của hăn sờ sờ mà hăn còn trớ được.

- *Ú*: Mập, tròn vo.

Ú na ú nần.

Em ăn cái chi mà càng ngày càng ú,

Đến nổi đi đường hai vú nó rung rinh?

(Hát gheo dân gian Quảng Nam)

- *Ủm*: Ôm vào lòng. Ôm cho ấm (mùa đông).

Để mẹ ủm con nghe.

Chu cha, không có con gái mình ủm một xí.

- *Ứng*: Vừa ý. Đồng ý.

Mi có ứng thẳng đó không?

Tòa xử vậy, tôi ứng lắm rồi.

- *Ve*: Ve vãn, dụ dỗ.

Nhứt đốn tre, nhì ve gái.

(Thành ngữ Quảng Nam)

- *Xàng xê*: (Động từ) Ưỡn ẹo qua lại nhằm gợi tình.
Chàng ràng.

*Đờn cầm đờn sắt đờn ca,
Đờn sáu dây anh cũng gảy giao hòa,
Đờn chi anh chơi cũng đủ,
Duy chỉ có đờn bà anh chưa chơi!
Anh đến đây xin dặn em đôi lời,
Nếu anh không cống lú,
Xin em thời đừng có xàng xê.*

(Một cách chơi chữ trong hát đối đáp dân gian Quảng Nam)

- *Xâu*: Sưu (trong từ ghép sưu thuế). Phụ nữ có nguyệt kỳ.

*Dầu mà ăn quán, ngủ đàng,
Đình trung miếu vô thiệp với chàng cũng sướng thân,
Lo chi khâu thuế hai phần.
(Về Quảng Nam)*

Bữa nay con có khâu, nhớ đừng làm việc nặng.

- *Xí*: Một chút. Nhỏ xíu xiu.

*Con đợi cha chút xí nghe.
Cái chuyện một xí mà sinh ra cãi lẫy um trời.*

- *Y*: Chẩn. Đúng vậy. Một kiểu cổ áo xưa ở Quảng Nam.

*Tôi đã nhận 300 ngàn đồng y.
Chuyện ông nói xảy ra y sì sì.
Tai ta nghe tiếng bạn có đôi,*

Đập bàn tay xuống chiếu thôi rồi còn chi.

Bộ nút vàng đã tra áo cổ y.

Mười hai bến nước biết bến mô thì đục trong.

(Ca dao Quảng Nam)

Bạn đọc quý mến! Tôi làm sơ sơ *Từ điển phương ngữ Quảng Nam* trên đây để bạn có dịp đi thăm Quảng Nam, có thêm một chút vốn ngôn ngữ mà dùng, khỏi cần tới... người phiên dịch. Đất Quảng Nam có nhiều cái ngộ nghĩnh, dễ thương, trong đó có cái ngộ nghĩnh, dễ thương của phương ngữ. Nếu bạn đang có tham vọng làm rể (làm dâu) xứ Quảng Nam, tôi nhiệt liệt khuyên bạn hãy học và nói theo phương ngữ Quảng Nam. Bởi nhập gia phải tùy tục. Bạn khỏi lo chuyện trả tiền tác quyền cho tôi bởi... nhà xuất bản Trẻ đã trả tiền nhuận bút cho tôi rồi. Với lại, phương ngữ là thứ mình dùng chung để trao đổi.

Tôi tin rằng sẽ có bạn đọc Quảng Nam... cãi lại: “Ê, ông Sao Biển, phương ngữ của ông còn thiếu lắm nghe”. Dạ phải. Tôi xa quê 44 năm, có về nhiều lần. Vốn liếng phương ngữ vì vậy ngày càng rơi rụng đi. Tôi sợ mình mất gốc nên mới bày đặt viết phương ngữ để tự nhắc mình. Tôi hy vọng bạn sẽ bổ sung cho nhiều từ ngữ kỳ khôi dị hợ hơn nữa. Có rứa thì đọc lên nghe mới sướng lỗ tai.

Từ điển trên đây giúp bạn về chơi Quảng Nam... hóa giải công phu cãi bởi khi cãi thì người Quảng Nam dùng khá nhiều phương ngữ. Thí dụ bạn nói chuyện vui với

một đám đông. Một người nào đó đứng lên cãi bạn: “Ê, anh nói chuyện kiểu nớ là trật. Anh nói lại cho nhằm đi chớ không tui kiện anh lộn thìn lộn mòng bậy chừ”. Gặp trường hợp như vậy, bạn phải... thuộc từ điển trên đây và hiểu vừa rồi mình nói cách đó là sai, phải nói lại cho đúng chứ không thì sẽ bị cãi lại tối tăm mặt mũi ngay!

Với các em, các cháu người Quảng Nam, dù có đi mô và làm tới cái chi đi nữa, tôi tha thiết mong các em, các cháu cố giữ các phương ngữ này. Mất phương ngữ là có nguy cơ đưa đến mất gốc đó, các em nghe. Tôi mong các em đừng chê phương ngữ là thứ văn nói nhà quê. Cuộc sống tiến lên văn minh hiện đại nhưng chúng ta cũng nên – tôi nói nên chứ không nói phải – giữ gìn phương ngữ. Bởi phương ngữ là một phần của bản sắc văn hóa vùng miền. Phương ngữ Quảng Nam góp phần làm nên hồn tính Quảng Nam.

Trong thời đại chúng ta, việc giao lưu ngôn ngữ qua tivi, đài phát thanh khá rộng. Sự nghiệp du lịch của Quảng Nam đang phát triển, người cả nước đến Quảng Nam nhiều nên bà con Quảng Nam cũng biết tự giới hạn, ít dùng phương ngữ trong văn nói. Mà cái gì không dùng đến thì dễ bị suy thoái, dễ mất đi. Chính vì vậy, tôi mạo muội viết bài phương ngữ này làm một chút dấu ấn để lại cho... người đời sau. Mong các em các cháu đem ra mà dùng cho vui vậy.

Âm vị Quảng Nam

Vấn đề âm vị được đặt ra trong văn nói nhiều hơn là văn viết. Như tôi đã giới thiệu ở chương trước, tổ phụ người Quảng Nam vốn là người Thanh - Nghệ từ Bắc Trung Bộ du nhập về phương Nam. Trong quá trình cư trú trên miền đất mới, một số âm đọc đã được Nam-hóa. Thí dụ họ của chúng tôi ở xứ Thanh đọc âm là *Vũ*, vào Quảng Nam âm này được Nam-hóa thành *Võ*. Một số lớn con cháu tộc *Hoàng* được Nam-hóa thành *Huỳnh*. Nếu viết với chữ Hán thì *Vũ* hay *Võ* chỉ có một chữ; *Hoàng* hay *Huỳnh* cũng chỉ một chữ. Nhưng nếu viết sang Quốc

ngữ thì âm và chữ Vū khác hẳn Vō; âm và chữ Hoàng khác hẳn Huỳnh.

Ngoài yếu tố Nam-hóa, âm vị người Quảng Nam còn chịu chi phối của yếu tố tự ngữ. Nhân dân ngày trước tránh dùng những từ kỳ húy theo cách ràng buộc của các triều đình và theo quan niệm chung của văn nói dân gian. Nước Đàng Trong có Ngọc Hoa công chúa lấy một thương nhân Nhật Bản. Từ đó, người Quảng Nam không gọi *hoa* (*bông*) nữa mà gọi trại âm ra là *ba*. Cũng thế, khi Nguyễn Ánh và hoàng tử Cảnh tẩu quốc vào Nam Bộ, bà con Nam Bộ tự húy chữ *Cảnh*, trại âm ra thành chữ *Kiến* (*làng Phước Kiến, làng Tân Kiến, một kiếng hai quê, xem huê ngăm kiếng, chơi chậu kiếng*). Từ khi vua Tự Đức lên ngôi, người Quảng Nam trại âm chữ *Đức* thành âm *Đắc*.

Tôi từng làm hai nghề khá tế nhị là dạy học và biên tập báo chí nên phải nhận ra những lỗi chính tả trong bài thi của sinh viên và bài viết của cộng tác viên. Do quán tính nói sao viết vậy nên trên nhiều vùng của đất nước ta, nhiều người viết sai chính tả. Tình hình nghiêm trọng đến nỗi bài của tiến sĩ cũng sai chính tả tươi rời!

Tháng 6-2010, Đài Truyền hình Trung ương có một phóng sự ghi nhận những lỗi sai chính tả trong các biển hiệu, tên đường ở phía Bắc: *bánh trứng, xôi động, dây lịt...* Nhiều bạn đọc phía Bắc hay viết sai phụ âm đầu *L* và *N, R*

và *D*, *Tr* và *Ch* (*Làng tôi ra Nàng tôi; Ru ơi, ru hời ra Du
ơi, du hời*). Trên 10 năm qua, ngày nào tôi cũng nhận được
một tờ báo trao đổi gửi từ một tỉnh phía Bắc vào, địa chỉ
cứ ghi là 470 Nguyễn Chi Phương thay vì 470 Nguyễn Tri
Phương. Nguyễn Tri Phương là một danh tướng, một anh
hùng dân tộc mà tất cả những ai học Việt sử đều phải biết
chứ đâu có phải là con người nào mới mẻ!

Tình hình sai chính tả xảy ra phổ biến trong các em
sinh viên gốc đồng bằng sông Cửu Long. Các em sai về
các nguyên âm *Un* và *Ung*, *In* và *Inh*. Các em sai về các phụ
âm đầu *D* và *V*, *Tr* và *Ch*, *Q* và *H*. Thí dụ các em viết *Cái
vũng nước* thành ra *Cái vùn nước; Tĩn nước mắt* thành ra
Tĩnh nước mắt; Lê Kim Dũng thành ra *Lê Kim Vũn, Ông
Trạng Quỳnh* thành ra *Ông Chạng Huỳnh*. Tôi trực tiếp
ngồi hướng dẫn cho một em nam ca sĩ miền Tây hát *Đêm
Gành Hào* nghe điệu *Hoài lang*:

*Bạc Liêu ơi, có nhớ chãng người.
Thuở ấy thanh xuân,
Trăng Gành Hào tròn như chiếc gương.
Giờ tóc pha sương,
Qua Gành Hào tiếc một vầng trăng.*

Văn bản thì như vậy nhưng em cứ phát âm chữ *Trăng*
ra thành chữ *Chãng*. Sửa mãi cũng không được, đành chịu
trận. Bản thu âm đó hiện nay còn lênh khênh trong các đài
phát thanh - truyền hình miền Tây Nam Bộ.

Trong khi đó, bản thảo văn bản của các bạn đọc nhiều tình miễn Trung gởi vào lại ít sai chính tả. Nếu họ có sai thì cũng chỉ sai về dấu Hỏi, Ngã; ít khi sai nguyên âm và phụ âm đầu, phụ âm cuối. Người Quảng Nam cũng thế. Họ có thể phát âm âm vị sai (so với chính tả) trong văn nói nhưng ít khi viết sai trong văn viết.

Tôi còn nhớ chuyện ông Nguyễn Cao Kỳ khi còn làm thủ tướng Việt Nam cộng hòa, đã phê bình ông dân biểu Phan Ngô ở Quảng Nam là "*Hay théc méc*". Câu đùa giỡn đó được đài phát thanh Sài Gòn và báo chí truyền đi khiến nhân dân tỉnh Quảng Nam (năm 1966, gồm cả thành

Hòn Kẽm - Đá Dừng trên thượng nguồn sông Thu.



phố Đà Nẵng) nổi giận, cho là ông Kỳ nhại giọng Quảng Nam. Sự kiện đó tạo ra một trận cãi nhau kịch liệt trên các phương tiện truyền thông. Người Quảng Nam cho rằng “*Chửi cha không bằng pha tiếng*”. Ông Kỳ thì cãi chính rằng ông lỡ miệng.

Tôi chỉ nghĩ rằng ông Kỳ còn trẻ, muốn đùa giỡn chút với ông Phan Ngô chứ không có ác ý nhại cách phát âm của nhân dân Quảng Nam. Sau đó, ông Kỳ đổ quân ra Đà Nẵng, đàn áp phong trào đấu tranh của sinh viên - học sinh và Phật giáo. Ba chữ “*Hay théc méc*” trở thành ấn tượng để người Quảng Nam ghét ông Kỳ.

Bạn có nghe người Quảng Nam nói chuyện bình thường bao giờ chưa? Về mặt âm vị trong văn nói, người Quảng Nam thật sự không nói nguyên âm *Ăc* ra *Ec*, *Ăn* ra *En*, *Uang* ra *Oang*, *Am* ra *Ôm* như một số bạn vẫn thường đùa nghịch: *Théc méc, En không en tét đèn đi ngủ, Mì tôm anh Toám Quỏảng Noam; Khi mô mỗi bụng vô loàm một tô*. Nếu nghe kỹ, bạn sẽ nhận ra tiếng Quảng Nam phát âm chữ *Ăc* nằm giữa *Ăc* và *Ec*, *Uang* nằm giữa *Uang* và *Oang*, *Am* nằm giữa *Am* và *Ôm*.

Tại sao có tình trạng nằm giữa đó? Về mặt địa lý, tỉnh Quảng Nam mà cụ thể là thành phố Tam Kỳ, nằm ngay trung lộ của đất nước. Giữa Quảng Nam và Thừa Thiên - Huế, có đèo Hải Vân. Nếu bà con Thừa Thiên - Huế phát âm rất chuẩn các nguyên âm *Ac*, *An*, *At*, *Ăn*, *Ăng*, *Oam*,

Oang, Uang thì qua đèo Hải Vân, bà con Quảng Nam phát âm không được chuẩn như vậy. Sự cách trở về địa lý, về giao thông (ngày xưa) đã tạo ra một sự phân cách khá rõ về ngôn ngữ nói. Ngôn ngữ nói của người Thừa Thiên - Huế là ngôn ngữ Bắc Trung Bộ; ngôn ngữ nói của người Quảng Nam là ngôn ngữ Trung Trung Bộ. Sự khác biệt ấy đậm đà ngay trong ngữ thanh và cả ngữ khí. Cho nên, cách phát âm của người Quảng Nam nằm giữa các nguyên âm trên là một cái gì rất khách quan, rất dễ nhận ra.

Người Quảng Nam bình thường có thể phát âm sai hai từ *Chuối* và *Chúi*, *Thang* và *Than* trong câu "*Vác thang nặng thở than; Té chúi vô bụi chuối*". Phát âm thì như vậy nhưng trong văn viết, người Quảng Nam viết rất chuẩn chính tả Việt ngữ. Nhiều lắm, người Quảng Nam chỉ sai dấu Hỏi Ngã chứ không sai về nguyên âm và phụ âm trong từ. Đó là nói về ngày trước. Hiện nay, sự giao lưu ngôn ngữ đã rộng rãi, phương tiện thông tin truyền thông đã mở rộng. Người Quảng Nam nói rất dễ nghe. Nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu đã viết:

*Đất Quảng Nam chưa đi đã nhớ,
Em nói mặn mà vừa gặp gỡ mà đã yêu.*

QUẢNG NAM YÊU THƯƠNG - PHAN HUỲNH ĐIỂU

Cái còn lại là bà con vẫn dùng phương ngữ theo thói quen giao tiếp nên đôi khi ta nhận chưa kịp nội dung của câu chữ. Mà phương ngữ thì miền nào, tỉnh nào không có.

Tôi bảo đảm nếu các bạn đi về các tỉnh duyên hải đồng bằng sông Cửu Long, nghe bà con nói *“Anh có huồn hông vô dườn em chơi; Mèng đéc ơi, con gấn nó bậy dai; Con cá gô bỏ vào gổ nhậy gột gột”* mà hiểu kịp ý thì tôi gọi bạn là thiên tài!

Phương ngữ có cái dễ thương của phương ngữ. Âm vị có cái dễ thương của âm vị. Âm vị Quảng Nam cũng thế, cũng có cái dễ thương, thậm chí rất dễ thương của nó. Ở các huyện miền cao Quảng Nam, bà con phát âm nguyên âm *Oa* gần giống với nguyên âm *Uoa*. Tôi đi dự một phiên xử dân sự, nghe viên thẩm phán hỏi *“Tuòà xử như vậy, nguyên đờn ứng chưa?”*. *“Thưa quý tuòà, ứng hung rồi”*. Tôi nghe âm vị rất dễ thương và cũng rất dễ hiểu nội dung của hai bên trao đổi.



Ở những nơi này, bà con nói rất âm vị Quảng Nam.

Ở trên, tôi nói văn nói của người Quảng Nam có thể chưa chuẩn về âm vị nhưng văn viết thì khá chuẩn. Hiện tượng này lại tạo ra một tình trạng buồn cười trong quá trình gieo vần hòa thanh cho thơ lục bát, đặc biệt là trong về dân gian của bà con Quảng Nam. Năm 1953, Pháp đổ bộ biển Tĩnh Thủy (Tam Kỳ) đánh vào một số xã ven biển. Bài về viết:

*Tam Thanh cùng với Tam Thăng,
Chia quân hai cánh từ ven biển vào.*

Vâng, viết thì chính xác như vậy nhưng khi nói về (nói có trước rồi viết mới ghi lại) thì người nói phát âm vẫn *Ăng* trong *Tam Thăng* lại rất gần với vần *En* trong *Từ ven biển vào!*

Lại có câu thơ:

*Tám giờ, keng đánh keng keng,
Than ôi lãnh đạo chưa ăn miếng nào.*

Cũng thế, câu trên vần *Eng* mà câu dưới lại hòa thanh với vần *Ăn*. Hòa thanh chưa chuẩn khi viết nhưng trong khi nói thì vần *Eng* lại rất gần với vần *Ăn*. Thôi kệ, cứ dùng tạm. Và tôi rút ra kết luận: Đọc thứ lục bát có cách gieo vần thế này, ta nhắm mắt cũng biết tác giả là người Quảng Nam, không trật vào đâu được dù bài thơ (hoặc về) không có tên tác giả.

Bạn có thể là người Nam Bộ về làm rể đất Quảng Nam. Không sao hết, người Quảng Nam chịu chơi, chấp nhận bất kỳ chàng rể nào có tâm huyết, có tầm cỡ vào làm chồng con gái họ. Tôi chỉ tha thiết khuyên bạn khi nói chuyện với gia đình bên vợ, nên nói bằng tiếng... bạch thoại chứ đừng dùng cổ văn. Nghĩa là bạn nên nói thật dài, thật rõ từ ngữ ra chớ đừng nên nói gọn quá để có thể.. phát sinh tai nạn. Thí dụ mẹ vợ bạn nhờ bạn đi một chút công việc thì bạn nên nói: *"Thưa mẹ, con bận chút việc rồi"*. Nếu bạn dùng cổ văn ngắn gọn, nói theo thói quen *"Thưa má, con kẹt"* thì tôi e bạn sẽ bị một trận mắng mỏ và bị đuổi ra khỏi nhà ngay.

Ấy bởi vì về mặt âm vị, vần Ấc trong tiếng Quảng Nam rất gần vần Et. Nguy hiểm vô cùng vô kể. Nhớ đấy nhé. Kinh nghiệm xương máu đấy nhé! Chớ để xảy ra chuyện vì một vài âm vị không phù hợp mà phát sinh cãi vã. Mà cãi thì các bạn không thắng nổi Quảng Nam đâu.

Quảng Nam đám giỗ

Đám giỗ là một ngày lễ trọng trong các gia đình Quảng Nam. Trong niềm tin tâm linh chung của người Quảng Nam, người chết (hoặc linh hồn người chết) đang ở đâu đó cạnh người đang sống. Ngày bình thường, bà con đã cúng trái cây, nước chè, bánh, thắp hương lên bàn thờ, thường xuyên tưởng nhớ người chết. Họ chỉ chờ đến ngày kỷ niệm người chết qua đời là làm đám giỗ thịnh soạn.

Việc tổ chức đám giỗ thịnh soạn bắt nguồn từ tập quán ăn uống của một dân tộc có nền nông nghiệp lạc hậu. Vốn xưa, ông cha ta sống thuần túy về sản xuất nông nghiệp,

căn bản là có gì ăn nấy. Miếng ăn trong xã hội nông nghiệp lạc hậu nhiều khi rất khắc nghiệt bởi gặp những năm mùa vụ bị thất bát do bão lụt, hạn hán, côn trùng phá hoại là con người có thể đói. Do vậy, người ta phải chờ đến những ngày giỗ, tết để được ăn no và ăn ngon; bù vào những ngày ăn thiếu, ăn dở bình thường. Tổ chức đám giỗ thịnh soạn là một sự bù trừ về miếng ăn trong tâm lý của một xã hội nông nghiệp lạc hậu. Nông nghiệp của chúng ta ngày nay không còn lạc hậu nữa nhưng biểu hiện tâm lý bù trừ qua đám giỗ vẫn còn duy trì bởi nó đã trở thành tập quán. Đám giỗ diễn ra trong hai giai đoạn.

Giai đoạn thứ nhất là lễ tiên thường, diễn ra trước khi người chết qua đời một ngày. Thí dụ người chết ngày 12 tháng 3 âm lịch thì lễ cúng tiên thường phải diễn ra ngày 11 tháng 3 âm lịch. Tùy theo hoàn cảnh gia đình khá giả hay không, người sống tổ chức cúng tiên thường theo khả năng mình có. Trong cúng tiên thường, gia chủ van vái người qua đời để trình bày lý do cúng, ước nguyện vong linh trở về thượng hưởng lễ vật, chứng kiến tấm lòng thành kính của những người còn sống. Lễ cúng tiên thường diễn ra trong phạm vi gia đình, không mời bà con chòm xóm đến dự.

Qua ngày hôm sau, đúng ngày người chết qua đời, mới là lễ giỗ chính thức. Để chuẩn bị cho ngày giỗ này, ngay trong ngày tiên thường, gia chủ đã nhắn tin thông báo



Bò tái trong đám giỗ.

để gọi các con cháu về. Ngoài những lễ vật mà con cháu mang về cúng, gia chủ thường ước định số người sẽ mời, số thực khách sẽ tham dự để tính ra số mâm ăn và lương thực, thực phẩm cần dùng. Nếu số khách đông, gia chủ sẽ quyết định mời thợ tới mổ thịt một con bò nhỏ hoặc một con heo.

Những người khéo tay chế biến trong gia đình sẽ dựa vào đó làm ra những món ăn chủ lực. Thông thường, vợ của gia chủ là người quyết định thực đơn, ra món ăn. Những người khác sẽ căn cứ vào đó mà phân công nấu nướng.

Đám giỗ là một ngày để tụ hội gia đình, bà con thân tộc, bạn bè tình nghĩa. Đó là cơ hội để mời mọi người ăn miếng ngon vật lạ mà những bữa cơm bình thường chưa chắc đã có được. Đó cũng là cơ hội gián tiếp giới thiệu và thông báo với bà con, bạn bè những con cháu trong gia đình mình. Đó cũng là dịp đáp trả những tình nghĩa mà người khác đã dành cho gia đình mình.

Trong ngày tiên thường, gia chủ và các người thân trong gia đình phải chia nhau đi mời (miệng) các thực khách hôm sau đến ăn đám giỗ. Những nhân vật được quan tâm hàng đầu phải là ông bà sui gia, những người thân thiết trong gia đình, các bậc trưởng thượng, những người có ơn, các hàng xóm gần gũi. Câu mời thường được gia chủ quán triệt để con cái nói là: *“Thưa bác, mai đây là ngày đám giỗ ông của con. Cha con kính gửi lời mời bác và bác gái cùng các anh chị trong nhà khoảng 11 giờ trưa ngày mai đến dùng bữa cơm với gia đình”*. Người được mời chỉ chờ có vậy đã cảm thấy đẹp lòng. Họ sẽ hứa: *“Ồ, cảm ơn con. Thôi con về đi. Mai bác sẽ đến hỷ”*. Nếu họ thật sự bận bịu một việc gì đó, họ sẽ nói thẳng: *“Chu cha, cho bác xin lỗi. Mai đây, bác có việc phải đi rồi. Con về thưa với cha cho bác vắng mặt, con hỷ”*.

Trên cơ sở đó, con cái sẽ về thưa lại với gia chủ rằng ai đến dự, ai sẽ không đến được. Gia chủ cứ vậy ước lượng ra số người sẽ đón tiếp, cộng thêm một số nhân vật thiếu nhi ăn theo người lớn để có kế hoạch sắp bàn, sắp mâm.

Đúng ngày đám giỗ, những người nấu nướng sẽ có nhiệm vụ dọn thức ăn lên bàn thờ. Thông thường, người ta sắp hai mâm: một mâm cúng người đã chết và ông bà trên bàn thờ; một mâm cúng đất đai (thành hoàng, thổ địa, cô hồn, âm binh) đặt dưới đất hay trên một cái bàn thấp hơn. Tiệc giỗ phải có nhiều món, nhưng tiệc giỗ

Quảng Nam thì phải đảm bảo các món truyền thống sau đây: cá chiên, cơm in, thịt heo luộc, ram, bánh tráng, rau sống và một loại canh. Ngoài ra, còn các tế vật nặng về tâm linh khác phải có là một đĩa gạo muối sống, hai thiệp giấy tiền vàng bạc.

Để có nội dung cúng giỗ, gia chủ phải thuộc một bài khấn. Không hiểu bài khấn ra đời tự bao giờ, do ai là tác giả nhưng đại để nội dung khấn nguyện cơ bản là: *“Quảng Nam tỉnh, Tam Kỳ thị, Tam Thăng xã. Bính Dần niên, tam nguyệt, thập nhị nhật. Thưa cha, hôm nay con là Nguyễn Văn, nấu mâm cơm cúng cha để nhớ ngày cha về an nghỉ miền cực lạc. Vong hồn cha linh thiêng, xin cha che chở, phù hộ cho nam nữ đại tiểu đẳng trong gia đình được mọi điều bình an, hạnh phúc, mạnh khỏe...”*

Khấn như vậy là khấn tổng quát. Gia chủ có thể khấn nguyện, cầu xin thêm những điều khác cụ thể hơn: *“Thưa cha, năm nay con T tốt nghiệp ra trường xin việc làm. Xin cha che chở cho con T, phù hộ cho nó xin được công việc làm gần nhà, đỡ đi mưa nắng vất vả. Thăng X còn hai tháng nữa là ra Đà Nẵng thi vào đại học. Xin cha phù hộ cho X thông minh trí huệ, thi đậu đại học để tiếp tục học hành làm vẻ vang cho gia đình”*.

Với mâm cúng đất, gia chủ cũng có một bài khấn, xin những điều chung chung: *“Quảng Nam tỉnh, Tam Kỳ thị, Tam Thăng xã, Kim Đới hương. Kính thưa thành hoàng,*

thổ địa, chư anh hùng liệt sĩ, cô hồn, âm binh... Con là Nguyễn Văn, gia chủ, xin có mâm cơm cúng các vị. Kính mong các vị thượng hưởng, sống khôn thác thiêng, về chứng giám cho tấm lòng thành của gia đình, gia hộ cho nam nữ đại tiểu đấng trong gia đình con được mọi điều bình an hạnh phúc, đi tới nơi về tới chốn...". Đại để, gia chủ nghĩ đến đâu khấn đến đó.

Ở cả hai mâm, gia chủ đều thắp hương, thắp đèn và quỳ lạy ba hoặc bốn lạy. Tất cả những gì thuộc về thế giới người khuất mày khuất mặt đều thiêng liêng và rất đáng kính ngưỡng. Đám giỗ là cơ hội để người sống tưởng nhớ và giao lưu tâm linh với những người đã khuất, kể cả những người không có họ hàng thân thích với họ. Đám giỗ cũng là dịp con người giao lưu với thần linh – thế giới khuất mày khuất mặt mà người sống không biết là ai.

Tiếp theo đó, con cháu lên lạy bàn thờ ông bà. Ai mang về gia đình được món gì xin cứ đặt một ít lên bàn thờ và thắp hương quỳ lạy cầu xin. Ai nghèo, không có món gì cũng cứ thắp hương quỳ lạy. Bọn trẻ con được gọi đến nhìn người lớn làm lễ, được dạy phải học và làm theo các nghi thức đó.

Phân cúng đã xong, gia chủ ra lệnh cho con cái đốt vàng bạc. Chính tay gia chủ bưng hai đĩa gạo muối, rải ra bốn phương. Gạo và muối là tượng trưng của lương thực, thực phẩm. Giấy tiền và vàng bạc là tượng trưng cho tiền

bạc, áo quần mà người đã qua đời và cô hồn, âm binh cần có để dùng trong thế giới bên kia. Vốn xưa, đó là những vật tùy táng (chôn theo) người chết. Thế nhưng gia chủ vì một lý do nào đó, không thể hoặc có thể chôn theo nhưng không đủ nên nhân lễ giỗ, cúng thêm cho những người đã khuất để họ có cái mà dùng, mà chi tiêu. Ở góc độ nhân văn, việc cúng giấy tiền vàng bạc là một hình thái văn minh tâm linh cần được tôn trọng. Và chẳng, theo người Quảng Nam “*Có kiêng, có lành; Có để dành, có nên*”. Người ta luôn luôn tin như vậy.

Mở ngoặc: Tôi vẫn giữ niềm tin về thế giới tâm linh. Trong những show diễn ca nhạc dù có hay không có trực tiếp truyền hình ở Quảng Nam hay địa phương khác, khi được mời làm chỉ đạo nghệ thuật hay đạo diễn chương trình, tôi vẫn thường cúng bàn thờ Tổ. Lễ vật có hương đèn hoa quả và có cả một ít gạo muối. Tôi luôn luôn xin tổ nghiệp độ trì cho chương trình suôn sẻ, anh chị em ca sĩ, nhạc công, vũ viên mạnh khỏe, tự tin để làm tốt chương trình. Và chính tôi vãi gạo muối. Bạn có cười thì cười nhưng trước khi diễn một chương trình, tôi vẫn làm nghi lễ đó. Đóng ngoặc.

Khách mời lần lượt tới. Người Quảng Nam đi đám giỗ rất đúng giờ, thậm chí có những người đi trước giờ mời. Họ áp dụng nghiêm túc câu thành ngữ “*Ăn cỗ đi trước, lội nước theo sau*”. Thông thường, họ đến để xem gia chủ có

cần gì thì giúp một tay hoặc không cần thì họ cũng giúp. Họ đến có khi mang theo con gà, nải chuối, chai rượu, xôi ngọt, bánh trái. Cũng có khi, họ đi tay không với tấm lòng thành. Tất cả đều được gia chủ hân hoan đón nhận. Thôi thì cười chào nhau, bắt tay, hỏi thăm nhau cứ rối rít lên.

Ngày đám giỗ trở thành ngày hội nhỏ, nơi đó những người ít khi gặp nhau vì lý do sinh kế có cơ hội gặp nhau trò chuyện, bày tỏ tình cảm. Ở khía cạnh nhân văn nhất, đám giỗ là ngày giao lưu cộng đồng thành công hơn cả những hội nghị giao lưu. Những sự hiểu lầm, những gút mắc về tình cảm cộng đồng nhanh chóng được xí xóa, được giải tỏa. Quan chức chính quyền gần nhân dân hơn; nhân dân gần quan chức chính quyền hơn.

Cá biệt, có những đám giỗ trở thành nơi cãi lộn. Năm ngoái, Nguyễn Xoài có con bò đi lạc sang ruộng của Trần Ổi, ăn hết một mớ mạ non. Sau một trận cự cãi, họ không nhìn mặt nhau; năm sau lại lỡ... gặp nhau trong đám giỗ của nhà Lê Mận. Ăn một lát bò tái chấm mắm nêm, uống một tợp rượu, Ổi bắt đầu sinh sự: “Không có con bò mô vô ruộng mình ăn mạ, mình bắt làm bò tái chơi”. Xoài: “Ừ, mà phải là bò đực. Ăn c... bò mới ngon”. Ổi: “Đúng rồi, mấy thằng ăn thứ nở sinh ra ngu, mới thả bò vô phá ruộng người khác”. Xoài: “Chỉ có mấy thằng ăn nhằm thứ nở mới coi mấy cây mạ to như bánh xe”...

Trận cự cãi cứ thế mà phát triển, nóng như tình hình

Palestine và Israel. Chủ nhà Lê Mận phải năn nỉ: “Chớ hai ông làm cái chi rứa? Hôm nay nhà tui đám giỗ, hai ông đến chung vui, xin đừng gây chuyện ồn ào”. Xoài: “Mi nói ai ồn ào? Mi có nghe hấn sinh sự trước với tau không?”. Ổi: “Cái mặt nở mà đây muốn sinh sự răng. Đồ chi mà ăn nói đoán hậu”. Vợ chủ nhà phải can gián: “Thôi, tui lạy mấy anh. Chuyện xưa rích bỏ qua đi”. “Khán giả” cũng nói góp mấy câu; tình hình Trung Đông mới hạ nhiệt.

Một bàn tiệc đám giỗ ở Quảng Nam thường phải lộng lẫy dù gia chủ không thuộc hạng giàu có. Phía trên mâm tiệc, luôn luôn là cái bánh tráng nướng. Sau cái bánh tráng, tiệc dọn sẵn nhiều tầng, có khi tới ba tầng. Tầng trên cùng là những món ăn khô (thịt heo luộc, thịt bò tái, cá chiên, ram, chả). Ở giữa là những thức ăn có thể có một chút nước (đồ xào, gà xé phay trộn rau răm, cá kho, thịt vịt chặt). Phía dưới cùng là những món có nước (canh, cháo, sáo bò, xương heo hầm). Người Quảng Nam thường dọn tất cả lên bàn, không cần món nào trước, món nào sau. Chỉ riêng ngày mùa đông, những món canh có thể dọn sau bởi để lâu thì canh nguội, váng mỡ nên cần hâm lại.

Bánh tráng nướng là món truyền thống không thể thiếu trong đám giỗ. Một ai đó đưa tay bẻ chiếc bánh tráng ra có nghĩa là bữa tiệc bắt đầu. Miếng bánh tráng nướng giòn, thơm, nhai nghe rào rào, vừa vui tai, vừa được việc. Ai muốn ăn gì đó cứ ăn; không cần mời mọc, gắp bỏ

vào chén khách sáo, lòi thối. Ai muốn uống gì đó cứ uống; chẳng ai ép phải uống thứ này, bỏ thứ kia. Ai muốn uống tới lết bánh xe, què bánh lái, xin cứ tỳ tỳ mà uống.

Tôi cho đám giỗ Quảng Nam là một bữa tiệc công bằng và văn minh. Sướng nhất là ta không bị ai ép ăn, ép uống, ngồi xuống, đứng lên nói chuyện khách sáo rườm rà. Ăn uống xong, bụng no căng; ai ở lại giúp chủ nhà thu dọn cứ ở, ai cuốn tượng “rua” chủ nhà về ngủ cứ về. Chẳng ai ép uống, cù rú ai ở lại làm tăng hai, tăng ba.

Trong đám giỗ Quảng Nam, có bốn món ngon cần phải được biểu dương. Một là món bánh tráng mè chà (ăn như món bánh phồng tôm Nam Bộ), không cần ăn kèm theo món gì. Nhai nó thật vui miệng, vui tai. Nhưng bạn đừng vì vui miệng vui tai mà nhai hết một chiếc bánh tráng, bởi ăn như vậy là bạn tự hại đời bạn. Ăn món này dễ khát nước; mà bạn chơi vào một ly nước nửa lít thì kể như bạn xù đám giỗ đó. Cái đó kêu bằng tàn đời cô Lựu.

Hai là món gà xé phay. Con gà Quảng Nam, nhất là gà ở đèo Le (Quế Sơn) và gà Tiên Lãnh (Tiên Phước) làm xong, trọng lượng chỉ còn vài ba trăm gram tới nửa ký. Thịt gà này vừa ngọt, vừa dai, vừa thơm; không bỏ ẹt chán phèo như gà Tam hoàng Trung Quốc hay gà công nghiệp của Mỹ, Úc. Loại gà ta này luộc chín, xé ra bằng tay, lấy thịt bỏ hết xương, trộn với rau răm và một chút muối tiêu, ăn ngon hơn bất kỳ một thứ gỏi nào ở trên đời.

Ba là món cá chiên. Cá thu, cá ngừ, cá rựa bình thiên là ba thứ cá ngon của biển Quảng Nam. Cá biển Quảng Nam không bị ướp nước đá, vừa đánh bắt lên là tiêu thụ ngay nên thịt cá rất ngọt, rất tươi. Không có ba thứ cá trên, xin bạn vui lòng ăn thử cá ngân, cá khế, cá hồng. Loại nào cũng ưu tú và ngọt ngào như hoa hậu và người mẫu thời trang! Ngoài ra, biển Quảng Nam còn có ba thứ cá ngon khác nhưng bị người Quảng Nam chê, không dùng làm đồ cúng. Đó là cá cu, cá chim và cá đìa. Cá cu và cá chim cực ngon nhưng tên gọi của chúng nghe... bất nhã, rất mất văn hóa nên không được dùng để cúng kiếng. Cá đìa cũng cực ngon nhưng vì nó ăn bậy, ăn tạp nên bị loại ra khỏi đám giỗ Quảng Nam.

Mở ngoặc: Bạn biết đấy, người Quảng Nam rất cấm kỵ, ngay đến những thức ăn thuộc phạm trù hình thức. Loại chuối nào cũng có thể chưng lên bàn thờ được ngoại trừ chuối già. Quảng Nam gọi chuối này bằng tên chuối ba lùn. Lý do đơn giản là chuối già xem ra giống... cái giống của mấy cha đàn ông quá. Họ kỵ, họ ghét vậy thôi. Đóng ngoặc.

Món ngon thứ tư là ram Quảng Nam. Ram (Nam Bộ: chả giò) là một món dân dã, được làm tại chỗ, đơn giản nhiều so với chả giò Nam Bộ. Người ta dùng một miếng bánh tráng mỏng, cuốn vào đó một con tôm tươi, một miếng thịt heo ba rọi, một củ hành (hay đậu hành) tươi. Chiên trên chảo mỡ liu riu cho đến khi bánh tráng bên

ngoài chín vàng là đã có cuốn ram. Lấy vài lá rau, chấm chút nước mắm, ăn chiếc ram; bạn sẽ nghe tất cả mọi thứ vừa chín tới, thơm lừng cả lỗ mũi. Ai chưa ăn ram, coi như chưa về Quảng Nam ăn đám giỗ!

Đám giỗ hấp dẫn như thế cho nên tôi rất khoái ăn đám giỗ. Có câu chuyện vui kể về một ông thầy giáo người Quảng Nam yêu đám giỗ. Thầy ghi hẳn ra một quyển “lịch” riêng những ngày đám giỗ tại nhà các phụ huynh học sinh để khỏi quên. Thời ấy chưa có chiếc máy vi tính ra đời nên người ta phải ghi lịch là vậy. Quyển lịch đám giỗ ấy được dán trên tấm phên dựng làm cửa buồng. Một hôm, nhà thầy giáo cháy. Người đến chữa cháy giúp lấy làm ngạc nhiên khi thấy thầy giáo chỉ lo dỡ tấm phên chạy ra mà không đem các món đồ giá trị khác ra trước. Hỏi:

- Trời ơi, răng thầy bưng tấm phên chạy ra trước vậy?

- Trên tấm phên này có cuốn lịch... đám giỗ! Cháy hết cũng mặc nó, miễn còn nhớ được ngày ăn đám giỗ quanh làng là tốt rồi!

Chuyện cười tuy là nói chơi nhưng cũng có cái lý của nó. Khát vọng của loài người nói chung là ăn no mặc ấm vươn tới ăn ngon mặc đẹp. Mặc đẹp đối với đàn ông xét ra không cần thiết nhưng ăn ngon thì không bao giờ nên lãnh đạm. Mà đám giỗ là dịp ăn ngon. Cho nên không thể để cháy cái lịch đám giỗ. Còn việc có ông thầy giáo và tấm lịch quái quỷ ấy thật không thì lại là chuyện khác.

Sau giai đoạn tổ chức đám giỗ là tới giai đoạn *đi kính* (kính trọng mà biểu xén nhau). Đồ đi kính thường được dành cho những sui gia, những người được mời mà không tới dự được vì lý do khách quan, những bà con chòm xóm không được mời. Đồ đi kính được giao cho con cái bung đi. Tất cả đều được sắp trên mâm, trên đĩa. Thông thường là một đĩa thịt luộc hay một khúc thịt quay, một đĩa xôi và một ít bánh trái kèm theo.

Đi kính là một thứ văn hóa tỏ lời xin lỗi. Kính cho hàng xóm là để thay lời xin lỗi vì hoàn cảnh eo hẹp hay chỗ ngồi có hạn, không dám mời quá đông. Kính cho người được mời mà không đến dự được là một cách tỏ lòng hòa hiếu, biết người ta bận rộn công việc ngày ấy nên không đến dự được. Kính cho sui gia (dù sui gia có đi dự đám giỗ) là một lời chân thành cảm ơn tình nghĩa thông gia, thể hiện ước mong được chia bùi sẻ ngọt với những người còn lại trong nhà.

Tục đi kính của người Quảng Nam là một mỹ tục, hoàn toàn không dính dáng gì đến hủ tục hương ẩm (ăn uống rồi chia đều nhau trong làng xã). Nó mang ý nghĩa nhân văn rất tích cực. Người ta quý nhau, biểu nhau một miếng ăn lấy thảo để tỏ lòng hòa hiếu, kính trọng nhau. Vì thế mới có chữ kính (trại âm của kính) ra đời.

Chuyện chia phần thức ăn cho con cháu đem về lại là chuyện khác. Nó thể hiện lòng thương yêu của cha mẹ,

ông bà đối với con, cháu vì một lý do nào đó không đến dự đám giỗ được. Đó là việc ứng xử theo nguyên tắc công bằng trong tư duy bình dân Quảng Nam.

Có mấy anh bạn người Quảng Nam, trong lúc trà dư tửu hậu, xúi giục tôi: “Ông nghỉ việc làm báo, đừng ở trong Nam nữa. Về Quảng Nam kiếm miếng đất nho nhỏ, làm nhà đi”. Tôi hỏi: “Rồi lấy cái chi mà ăn?”. “Ông cứ đi khắp tỉnh, xưng *“Tôi là Vũ Đức Sao Biển, tác giả của Thu, hát cho người”* là đủ để người ta mời ăn cơm, uống nước”. “Lỡ người ta không cho ăn thì làm sao?”. “Có tui tôi nói thêm vào. Ý, mà không sao. Tui tui có sẵn lịch đám giỗ đây. Ông chịu khó ngày thường ăn đạm bạc một chút, đến ngày đám giỗ hãy ăn hoành tráng. Bảo đảm không đám giỗ nào nỡ đuổi ông ra”.

Tôi ngẫm nghĩ cũng có lý, muốn về hung lắm rồi. Chi sợ mấy anh bạn này, vì một lý do nào đó, làm mất (hoặc cháy) cái lịch đám giỗ thì lúc đó mới thật sự là khốn khổ khốn nạn!

Bùi Giáng

- Ân ngữ

*Sài Gòn, Chợ Lớn rong chơi;
Đi lên đi xuống đã đời du côn.*

Bùi Giáng sinh ra tại làng Thanh Châu, xã Duy Châu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam.

Phía trên là chiếc áo kaki, phía dưới là chiếc quần tây bạc màu. Vai đeo cái túi, đầu đội cái mũ nỉ, chân mang giày nghiêm chỉnh. Khuôn mặt mới đáng nói. Mắt mang đôi mắt kiếng, gọng bên phải còn nhưng gọng bên trái gãy mất, phải cột một sợi dây thun trông qua phía sau ót. Sau mắt kiếng là một đôi mắt thật tròn, tinh quái, và thông minh; cái nhìn như xoáy vào người đối diện.

Ông thường đến báo *Thanh Niên* vào tháng Mười một Dương lịch. Ngày ấy, cơ quan báo còn một cây nhãn nhỏ. “*Chu, tui có mấy bài thơ thơ mộng lắm ông Sao Biển nghe*” - ông nói. “*Thưa anh, bài mô của anh cũng thơ mộng hết*” - tôi trả lời. Ông ngồi dưới gốc nhãn, “*tác chiến*” thơ. Thơ ra ào ào, dồn dập như Hàng long thập bát chưởng; công lực có vẻ thâm hậu cực kỳ. Ấy là Bùi Giáng đại lão gia, tức Báng Giúi, tức Bùi Bàng Giúi, tức Búi Bàng Giúi tiên sinh đó vậy.

Nhiều người đã viết về nhà thơ Bùi Giáng. Viết thêm một bài về ông thì cũng không nhiều, không viết thêm một bài về ông thì cũng không phải vì thế mà ít đi. Thế nhưng, đa số những bài viết thường có khuynh hướng đưa ra mối quan hệ quen thân của tác giả với ông. Cho nên đáng lẽ phải nghiên cứu thi ca của ông như chính nó hiện có thì nhiều bài viết lại chỉ nhắm vào khía cạnh kể lại giai thoại và những mối quan hệ với ông. Mà than ôi, giai thoại và những mối quan hệ thì có thể có, cũng có thể không và cũng vô chừng vô đối. Bởi Bùi tiên sinh qua đời rồi, có thể có một mà nói tới mười cũng chẳng ai làm chứng được chuyện đúng sai.

Viết về ông Bùi Giáng thật sự rất khó. Chẳng vậy mà em ruột của ông là ông Bùi Luân đã từng viết thư thăm tôi và nói: “*Tôi là em ruột Bùi Giáng và nay cũng đã 68 tuổi đầu. Xin anh đừng tiết lộ chi cả về việc tôi gửi tặng*

anh cuốn Chớp biển với Bùi Giáng anh nhé". Thư viết năm 1998, đến nay đã là mười hai năm. Khi ấy, còn là sinh thời ông Bùi Giáng. Tôi nhớ lời ông Luân dặn, không nói với ông Bùi Giáng và không viết về ông. Bây giờ, tôi xin được phép viết.

Viết rằng: Thuở ngoài đôi mươi, Bùi Giáng đã có vợ. Vợ ông là một cô gái Quảng Nam mới 19 tuổi, nghe nói khá đẹp. Chị về làm dâu, được cha mẹ chồng cho hai vợ chồng ra riêng, ở một khu vườn xanh tươi thuộc làng Đại Bường (Trung Phước, nay thuộc huyện Nông Sơn, Quảng Nam). Không hiểu do đâu, chị qua đời sớm khiến Bùi Giáng rất đau đớn. Có thơ làm chứng như vậy:

*Em chết bên bờ lúa,
Để lại trên lối mòn.
Một dấu chân bước của,
Một bàn chân bé con.
Anh qua trời cao nguyên,
Nhìn mây buồn bữa nọ.
Gió cuồng mưa khóc điên,
Trăng cuồng khuya trốn gió.
Mười năm sau xuống ruộng,
Đếm lại lúa bờ liền.
Máu trong mình mòn ruộng,
Xương trong mình rả riêng...*

Cái chết của người vợ trẻ đã tác động lớn đến tâm hồn nhà thơ. Ông gọi người vợ thân yêu của mình bằng cái ẩn ngữ thân thiết và nũng nịu “*Con mọi nhỏ bên rừng Phi châu*”. Có khi, từ một người, con mọi nhỏ hóa ra thành ba người. Tập thơ *Mưa nguồn* có lời đề “*Tặng ba người con gái chiêm bao bên bờ cỏ Phi châu*” thật dễ thương. Mà không hiểu do đâu, Phi châu lại lọt vào trong tư tưởng của nhà thơ Quảng Noam loãng moạn này.

Từ đó về sau, Bùi Giáng yêu thương nhiều người phụ nữ khác, say đắm nhiều tấm dung quang nguyệt thẹn hoa nhường khác. Ông say mê đào chớp bóng ngoại quốc, đào kịch nói nội địa, ca sĩ, nữ tu. Ông say mê nhan sắc Bình Dương, Mỹ Tho, Sa Đéc... từng bừng. Thế nhưng, không có ai được ông yêu bằng “*con mọi nhỏ*”:

*Tháng năm, dòng nước trôi xa,
Người qua, người sẽ đi qua những người.
Tôi qua... không hẹn một lời,
Hẹn hò chi bấy, bước đời về đâu?
Tặng đời đóa đóa hoa sầu,
Nhớ nhau từ đóa mộng đầu rã đôi...*

Than ôi, cái đóa mộng đầu – chữ dùng đây hình tượng trong thơ Huy Cận “*Chờ nhau dưới gốc sim già nhé; Ta hái trao em đóa mộng đầu*”. Hấn đẹp cái chi mà đẹp ly kỳ, cổ quái. Hấn tươi tốt, kỳ vĩ, lung linh. Hấn trong trắng, thơ

mộng, hồn nhiên một cách lạ lùng và hoành tráng. Hẳn chính là tình yêu, là chút rung động ban sơ thánh thiện trong một thoáng trái tim trẻ thơ bùng bùng lên ngọn lửa tình yêu kỳ diệu. Khi “Đóa mộng đầu rã đôi”, thơ của Bùi Giáng lại hiện lên những ẩn ngữ khác lạ lùng hơn.

Mất đi đóa mộng đầu, đời đau điếng. Mất đi đóa mộng đầu, tim rách nát. Mặt đất rất bằng phẳng nhưng người ta vẫn té ngựa, té nghiêng trên đời. Thơ như âm ba ngậm ngùi vỗ lên cuộc sống rong chơi đầu đường xó chợ những đau đớn buồn thảm của phận người:

*Lá như cây, lá như nhánh, lá như con chim nguồn heo
hút ngó đầu gục xuống hai vai khóc ngang giữa một đời
nhớ nhung kiếm tìm không thấy.*

Thơ Bùi Giáng tràn ngập những ẩn ngữ như vậy:

*Các em đầu đội vai mang,
Tiếng kêu rào rạt giang san ngậm ngùi.
Em từ tuổi nhỏ tươi vui,
Lớn dần lên thấy niềm vui tan tành.
Đầu đường xó chợ quần quanh,
Em nhìn phường phố thấy anh chạy quàng.
Thưa em, từ bữa lạc đường,
Người muôn, vạn, triệu ngập tràn chốn nơi.
Té lên, té xuống, té ngôi.
Té nằm duỗi dọc dưới trời giăng co...*

Áo tượng về người ngọc (ngọc nhân) ám ảnh tâm hồn Bùi Giáng. Đó không phải là một con người cụ thể; đó là một hình tượng, vừa quen mà cũng vừa lạ. Hình tượng ấy đúc kết tất cả những gì mà ta gọi là chất ngọc của người phụ nữ. Nó có thể là nhan sắc phiêu bông. Nó có thể là xác và thân, xương và xẩu, da và thịt thơm tho. Nó có thể là nụ cười hồn nhiên, ánh mắt mơ màng...

*Người kỹ nữ ngày xưa trên bến nước,
Sẽ đi về trong bóng nguyệt quanh năm.
Và sẽ nhắc với đời em chuyện trước,
Vòm nguyên tiêu rơi rụng giữa trăng rằm.
Ngày trống rỗng không gian trôi vào cõi,
Xót xa thân sâu chảy máu bên xương.
Ngày theo tháng tiếc thương không tiếng gọi,
Nghe mùa xuân không đổ lục bên hường.
Con đường thẳng con đường cong cỏ mọc,
Nhịp mơ màng những quang gánh trên vai.
Hồn tuổi trẻ phiêu bông trong tơ tóc,
Trút tình thu lạc gió ở bên ngoài.
Màu hoang đảo từ đây em sẽ ngó,
Cát xa bờ tơ chỉ rối chiêm bao...*

Thế nhưng, người đi mất tiêu rồi. Nếu có một ngày người trở lại bến sông xưa tắm rửa chút đỉnh, tẩy trần cho thể xác và tâm hồn thì hình ảnh lại khác. Nó bắt đầu có vẻ thân xác một chút, một chút thôi:

*Em về nhìn thánɡ theo năm,
Chân mòn duỗi rạc rời nằm dưới thông.
Một vùng trắng phủ mai thôn,
Sương trùn nước ruộng lá dòn xuống khe.*

Thêm một chút nữa, thơ ông hiện ra hình ảnh:

*Những nàng tiên nữ ở trên cao,
Thả xuống cho ta những trái đào.*

Bùi Giáng thật hạnh phúc, được tiên nữ cho những trái đào. Văn Cao ngày trước chỉ khao khát: “*Thiên Thai, chúng em xin dâng hai chàng trái đào tiên*”. Cả Lưu Thân và Nguyễn Triệu chỉ được mỗi cha một trái đào. Bùi Giáng ngơ hơn, được tới những trái đào. Tôi cứ nghĩ miết, không hiểu loại đào này là đào gì. Thực tế cho ta biết là đào người bằng da bằng thịt vẫn ngon hơn đào tiên và cuộc sống thật này vẫn tốt hơn cõi Thiên Thai viễn mộng. Ha ha.

Thơ ca Bùi tiên sinh bắt đầu quấn quanh qua chữ sex. *Phòng trung thuật, Hoàng đế Tố vấn nội kinh* của Trung Quốc và *Kama Sutra* của Ấn Độ đã chẳng quấn quanh chữ ấy là gì. *Hoàng đế Tố vấn nội kinh* coi sex là phương thuốc chữa bệnh. *Kama Sutra* vốn mang theo yếu tố Hindu giáo, coi sex là biện pháp giải thoát, giúp con người gần hơn với Thượng đế.

Người xưa đã vậy thì người nay há kém người xưa? Thế nhưng, chữ sex trong thơ của Bùi Giáng thơ mộng hơn, khiêm tốn hơn, ngây thơ hơn và thánh thiện hơn. Chữ sex

trong thơ Bùi Giáng chính là thơ. Nó lãng đãng như bức tranh lụa vẽ hình thiếu nữ lỏa thể sau màn sương khói:

*Em về, giũ mộng phù sa,
Vén quần phong nhụy cho tà áo bay.*

Vừa vén quần mà tà áo lại bay lên nữa thì nghe cũng hơi khêu gợi. Thế nhưng đó là cảnh bên ngoài, nếu người ta nhìn thấy được thì gọi đó là trực quan sinh động. Cái ẩn ngữ bên trong thơ Bùi Giáng mới là ghê gớm hơn. Ẩn ngữ ấy nóng như núi lửa, mạnh như nội công thái thậm lãng tãng, điu hiu rất mực. Ông lắng nghe chút hương dịu dàng khi tà áo thoáng bay lên:

*Chân trời mộng mị vàng pha,
Mùa phương lan dậy sau tà áo bay.*

Mùi hương phương lan đó ẩn nấp sau một hình ảnh rất thực mà rất mơ hồ. Than ôi, *Tiểu ngạo giang hồ* của Kim Dung xây dựng nhân vật Điền Bá Quang giỏi đánh hơi ra chỗ có phụ nữ bởi cái lỗ mũi nhạy cảm với mùi son phấn. Cái mũi của Bùi tiên sinh nhạy cảm hơn Điền Bá Quang. Ông chỉ cần hít một hơi chân khí là đã nghe "*Mùa phương lan dậy*". Ông hoang một cách triệt để. Ông quán triệt cái hoang đó sang những người đọc thơ ông. Ẩn ngữ lại đi qua một hình tượng éo lá là cỏ. Có thơ làm chứng như vậy:

*Bây giờ, em ở nơi đâu,
Cỏ trong mình mấy em sâu ra sao?*

Thật gớm mặt. Có cái gì đẹp hơn cỏ mùa xuân? Có cái gì thơ mộng hơn cỏ mùa xuân? Tháng Ba dương lịch, trời hạ du sông Thu thật đẹp. Người thiếu nữ lơ đãng qua đó:

*Em về, rắc cỏ tháng ba,
Xuống trang hồng hạnh thu đà hồ phai.*

Hết cỏ, Bùi Giáng lại nhắc đến “cái nhu mì” nơi người phụ nữ. Tôi nghĩ bể óc cũng không hiểu sự vụ nhu mì đó là cái giống gì. Bản thân người phụ nữ ngoan đã nhu mì, vậy cái gì nơi họ cũng nhu mì tuốt. Nói như thế có nghĩa là cái nhu mì trong thơ Bùi Giáng nhu mì hơn tất cả những cái nhu mì trên thế gian.

*Em đi, lặng lẽ em đi,
Anh về nhớ cái nhu mì của em.*

Trong hai chục năm cuối đời, Bùi thi sĩ của chúng ta oai hùng hơn. Ông bắt đầu sự nghiệp... nói lái trong thơ. Ông dùng một hệ thống ẩn ngữ rất mực chịu chơi, vô cùng khủng khiếp, thái thậm lãng tăng để nói về chuyện nhu mì với nhu bún. Có thơ làm chứng như vậy:

*Làm con gấu, con beo, con bò rừng, con hổ.
Làm con chồn lù lũi chạy vào hang.*

Ai hiểu cái chi thì hiểu, hiểu cũng tốt mà không hiểu cũng tốt. Lái cũng được mà không lái cũng được. Bởi lẽ không muốn nói lái thì tự nó lại nói lái và dẫu có muốn nói lái tới đâu mà ngôn ngữ tự nó không chịu lái thì người

cũng đành thua. Bởi lẽ hễ lái thì thuyền về tới bến mà không lái thì thuyền cũng có thể về bến.

*Gọi người bỏ lách lau thôn,
Kêu người dứt cỏ lìa cồn cổ kim.*

Trình độ nói lái của ông đạt đến mức cổ kim hiếm thấy, thái thậm lảng tảng, đìu hiu rất mực. Ẩn ngữ đi qua những ngõ ngách, những hẻm hóc kỳ khôi và dị hụ:

*Cái lời tôn dập thông dong,
Ở trong cái tiếng sầu đong lấp đầy.
Ông trời rất mực thơ ngây,
Bà trời rất mực dằng dai liên tôn.
Trâu đi đứng gót lùi chồn,
Chắc rằng tâm sự linh hồn đìu hiu.*

Ông giống với ngôn từ. Trời đất ơi, ông sáng tạo ra thứ ngôn ngữ Quảng Nam thật đặc biệt:

*Lọt cồn sử lịch mai sau,
Sẽ xin dâng tặng cái màu ban sơ.
Tôi làm bác sĩ xin sờ,
Vào nơi chốn nọ một bờ bên kia.*

Quê nhà vốn dĩ có tình trạng phát âm sai một số âm tiết. Thí dụ trong bách tính chỉ có họ Bùi. Bùi Giáng giống, thêm vào chữ Bùi một chữ Ô, sáng tạo ra một chữ *Buôi* làm ngữ nghĩa đảo điên, mơ màng, chộn rộn.

*Ông tên là Gioáng phải không?
Quoảng Noam - Đòà Noēng chánh tông tộc Buôi!
Nói xong, bèn phá ra cười,
Còn tôi hừng chí cũng cười reo theo.*

Cứ thế, thi ca Bùi Giáng tràn ngập những ẩn ngữ. Ai đọc ông thế nào, cảm nhận thơ ông ra sao là việc của họ. Riêng ông hồn nhiên, nghĩ ra làm sao thì viết làm vậy. Ông chỉ tác chiến thơ. Còn ai biên tập thơ ông thì kệ họ.

Sau mấy chục năm đi du côn, Bùi Giáng trở về làng xưa ở Quảng Nam. Ông gặp lại những hàng xóm thân quen cũ. Và chỉ với mấy câu thơ cà rỡn, ông đã cho người ta thấy được cuộc sống của người nông dân nghèo khi vào hợp tác xã:

*- Ủa, phải anh Sáu Giáng đó không?
- Còn cô, có phải cô Bông năm nào?
- Anh còn nhớ rõ, ôi chao!
Vợ chồng tôi cũng lúc nào nhớ anh.
Anh điên mà dui dẻ thập thành,
Chúng tôi tinh táo mà đành buồn hiu.*

Chị Bông này buồn hiu là phải. Làm ruộng là phải vui người ta mới làm được. Đàng này, sáng nghe đánh keng một tiếng phải vác cuốc ra ruộng, trưa nghe keng một tiếng vác cuốc về, xé xé keng tiếng nữa lại vác cuốc đi. Vào hợp tác xã, người nông dân máy móc làm ruộng theo tiếng

kẻng đánh. Làm rứa răng làm được? Cho nên tỉnh táo mà buồn hiu là vậy.

Bùi Giáng rất tinh tường. Đôi mắt của ông nói lên tất cả. Có người bảo ông là nhà thơ điên nhưng tôi thì chưa bao giờ nghĩ vậy. Ông tỉnh một cách đáng để chúng ta kinh ngạc. Ông chỉ giả bộ điên cho vui rứa thôi. Tôi đổ trên đời này ai cãi lộn lại Bùi Giáng. Công phu cãi của ông rất thâm hậu.

Tôi còn nhớ năm 1968, tạp chí *Văn* ở Sài Gòn muốn phỏng vấn ông và giới thiệu thơ ông. Thế nhưng, người ta biết nếu dùng khái niệm phỏng vấn thì dứt khoát Bùi Giáng sẽ không trả lời, thậm chí còn có nguy cơ bị ông mắng mỏ cho một trận. Sau cùng, tạp chí này khôn khéo cử một giáo sư triết là ông Nguyễn Xuân Hoàng gặp gỡ Bùi Giáng. Ông Hoàng viết thư trước, nói rõ với Bùi Giáng rằng sẽ chỉ nói chuyện về thi ca mà thôi. Bùi Giáng rất vui và tiếp ông Nguyễn Xuân Hoàng.

Thuở ngoài ba mươi, Bùi Giáng được ông hiệu trưởng trung học tư thực VH mời dạy môn văn cho học sinh lớp đệ nhị. Lớp đệ nhị (lớp 11 ngày nay) là lớp phải đi thi tốt nghiệp để có bằng tú tài 1 thời ấy. Bùi Giáng đã mạnh dạn... cãi lại chương trình giáo khoa và chủ trường. Hôm nào ông giảng truyện Kiều là hôm ấy ông... cởi áo ra, thậm chí gục xuống bàn mà khóc để bày tỏ niềm đau xót cho thân phận con người. Ấy bởi vì ông rất yêu nhân vật Thúy Kiều.

Thế nhưng có hôm ông giảng qua Nguyễn Công Trứ. Ông vào lớp, mở rộng hai cánh cửa sổ, dăm chiêu nhìn ra ngoài trời. Rồi ông xây lại với học sinh: “Các em à, hôm nay chúng ta học qua tác giả Nguyễn Công Trứ. Tuy nhiên, *Nguyễn Công Trứ không có cái gì đáng để cho chúng ta học hết!* Thôi, các em về đi”. Học sinh mà, chỉ chờ có vậy là bỏ đi sạch sẽ. Chủ trường tư thực than như bộng. Sở dĩ Bùi Giáng không dạy vì ông (xin lỗi) rất ghét thói ham hố công danh, muốn làm kẻ sĩ để “ra tài lương đồng” của Nguyễn Công Trứ. Ông gọi nhân vật này là kẻ háo danh.

Bùi Giáng viết những tiểu luận văn học rất sắc sảo dành cho học sinh muốn nghiên cứu văn học Việt Nam. Ông yêu thơ Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Cao Bá Quát... Những tác giả cổ văn khác có trong giáo trình nhưng ông không thích nên không thềm viết.

Một ngày năm 1993, ông đến báo *Công An thành phố* thấp hương lên bàn thờ của Huỳnh Bá Thành. Ông đứng nhìn ngắm ngắm tấm di ảnh của Thành rồi làm thơ:

*Đến thăm anh Nguyễn Bá Thành,
Tôi là Bùi Giáng rành rành bấy nay.
Bây lâu mới có một ngày,
Nhìn nhau như để thờ dài, nhớ nhau.*

Làm xong bài thơ, đọc lại, ông nói: “Thôi chết rồi, ông Thành họ Huỳnh mà tôi viết ra họ Nguyễn. Chừ làm răng

ông Sao Biển hè?”. Tôi điềm nhiên: “Thưa anh, không rằng cả. Trong bách tính có họ *Huỳnh* nhưng quy tắc hòa thanh thơ lục bát ở đây lại không cho phép ta dùng chữ ấy. Đáng lẽ ra, anh phải viết là *Huỳnh* Bá Thành thì mới hợp hòa thanh nhưng trong bách tính lại không có họ *Huỳnh*. Cho nên anh dùng chữ *Nguyễn* ở đây là đúng. Tình hình thi ca là không thể thay đổi được”. Ông nhìn tôi bằng đôi mắt tinh quái: “Thằng cha ni lợi khẩu thiệt”.

Sigmund Freud và trường phái tâm phân học (psychanalyse) của triết học Đức cho rằng khi những khuynh hướng bị cản trở, con người sinh ra ấn ức (refoulement). Những ấn ức đó có thể được thăng hóa để bộc lộ qua các sáng tác văn học nghệ thuật. Nó bày tỏ cảm thức, tình yêu, sự say đắm, lòng khát vọng. Nó cao hay thấp, mập hay gầy, dày hay lép, đẹp hay to là do tài hoa của người sáng tạo. Nó chính là sự phát tiết tâm tình, tư duy, khát vọng của con người mẫn ra nó. Hễ không phát tiết được thì chủ thể sẽ... phát khùng ngay.

Cái chi trên đời cũng phải có cái xú-pấp để khi cần thì xả. Xả xú-pấp tức là phát tiết, tức là giải tỏa ấn ức. Nhan sắc của người đẹp là “*Tinh hoa phát tiết ra ngoài; Ngàn thu bạc mệnh một đời tài hoa*”. Bà Hồ Xuân Hương tác chiến thơ chữ Nôm, được xem là phát tiết tư duy. Ta có thể coi hệ thống ẩn ngữ trong thơ Bùi Giáng nằm trong khái niệm phát tiết ấy chăng?

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Quảng Nam hay cãi	7
Nói dóc kiểu Quảng Nam	41
Đạo ăn mì Quảng	65
Quảng Nam nói gay	77
Hát bội Quảng Nam	90
Phương ngữ Quảng Nam	105
Âm vị Quảng Nam	125
Quảng Nam đám giỗ	134
Bùi Giáng - Ấn ngữ	148

QUẢNG NAM HAY CẢI

Vũ Đức Sao Biển

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Biên tập: LÊ HÙNG

Bìa: TRÍ ĐỨC

Sửa bản in: LÊ HÙNG

Kỹ thuật vi tính: MAI KHANH

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Phòng 602, số 209 Giảng Võ, Phường Cát Linh,

Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Khổ: 13 cm x 20 cm, số: 765-2010/CXB/03-183/Tre

Quyết định xuất bản số 632A/QĐ-Tre, ngày 15 tháng 9 năm 2010

In 2.000 cuốn, tại Xí nghiệp In Nguyễn Minh Hoàng

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2010